

TAN TAO GROUP
YOUR HOME



ANNUAL SHAREHOLDERS' MEETING 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

MỤC LỤC

Table of content

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo

Chairwoman's Message to Tan Tao Group's Shareholders

10 sự kiện nổi bật năm 2011 của Tập đoàn

Tan Tao Group's top ten events in 2010

Sơ đồ tổ chức Tập đoàn Tân Tạo

Organizational Chart of Tan Tao Group

Báo cáo Tổng kết hoạt động kinh doanh 2010 và Biện pháp thực hiện kế hoạch 2011

Report of the 2010 business operation and business plan for 2011

Hình ảnh các công ty đang hoạt động trong các KCN của Tập đoàn

Pictures of the enterprises operating in the Group's industrial parks

Các hình ảnh về nhà ở liền kề, Tân Tạo Plaza, Tân Đức Plaza....

Pictures of attached houses, Tan Tao Plaza, Tan Duc Plaza

Báo cáo kiểm toán của E&Y

Audit report by E&Y

Báo cáo của Ban kiểm soát

Report of Supervisory Board

Hình ảnh các đoàn khách đến thăm các KCN và các hoạt động xã hội của Tập đoàn

Pictures of the visiting delegations to industrial parks and social activities of the Group

Giới thiệu về Đại học Tân Tạo

Brief introduction of Tan Tao University

Dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ 2011

Draft Resolution of the 2011 General Shareholders Meeting

Các tài liệu khác

Other documents

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MESSAGE FROM THE CHAIRWOMAN



Kính thưa toàn thể Quý vị cổ đông,
Dear Fellow Shareholders,

Có lẽ năm 2010 là một năm đầy thách thức với Nền kinh tế Việt Nam nói chung và Tập đoàn Tân Tạo nói riêng. Trên thế giới các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc đang dần hồi phục thì nền kinh tế Việt Nam bị chững lại do nhiều yếu tố chủ quan: Gói kích cầu bị cắt bỏ đột ngột, Ngân hàng Nhà nước thắt chặt tín dụng đối với chứng khoán và bất động sản.... Đặc biệt sự không minh bạch trong các chủ trương thắt chặt tín dụng đánh đồng việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và nhà xưởng cho sản xuất thành đầu tư bất động sản đã làm cho lĩnh vực sản xuất bị bóp lại... Chính điều này đã dẫn đến hầu hết các doanh nghiệp mà đặc biệt doanh nghiệp tư nhân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tập đoàn Tân Tạo - Một tập đoàn hàng đầu trong việc phát triển các khu công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật của cả nước cũng không

là ngoại lệ và chịu ảnh hưởng không nhỏ của sự suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

2010 might be a very challenging year for Vietnam's economy in general and for Tan Tao Group in particular. While the world's major economies such as the United States, Japan and China have progressively recovered, Vietnam's economy has stayed stagnant due to a number of subjective factors comprising the sudden interruption of economic stimulus package, the State Bank's credit tightening up on the stock market and real estate, etc... Particularly, the non-transparent credit tightening policies have mistakenly regarded construction investment of industrial parks and manufacturing factories as real estate investment, which resulted in the shrinking of the manufacturing sector... Therefore, this caused a serious impact on many businesses, especially private ones. Tan Tao Group, a leading industrial parks and technical infrastructure developer in the country, was not an exception and also considerably suffered from the growth's decline of Vietnam's economy.

Trong bối cảnh khắc nghiệt như vậy, nhưng riêng Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo (ITACO) vẫn thực hiện đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra và đạt mức tăng trưởng doanh thu gần 200%, tăng trưởng về lợi nhuận trên 60% so với năm 2010 và vẫn đảm bảo chia cổ tức và cổ phiếu thưởng cho năm 2010 là 50% thì đó là một thành quả không nhỏ và là sự phấn đấu vô cùng to lớn của tập thể, CBCNV và đội ngũ lãnh đạo của Tập đoàn nói chung và của ITACO nói riêng.

In such severe context, Tan Tao Investment and Industry Corporation (ITACO) accomplished the revenue and profit targets with the revenue increase of nearly 200% and over 60% increase in profit compared to 2010 and maintained the dividend payout and bonus share offering ratio of 50% in 2010. These are significant achievements which are attributed to the tremendous efforts of leadership, staff and employees of the Group in general and of ITACO in particular.

Bên cạnh đó, ITACO đã đạt được các thành tựu nổi bật trong năm 2010 như sau:

In addition, ITACO has achieved the outstanding performance in 2010 as follows:

Về xây dựng cơ bản: Fundamental construction

1. Chỉ trong thời gian chưa đầy 12 tháng, chúng ta đã thực hiện một khối lượng công việc đáng kinh ngạc: hoàn thành 37.7ha mặt bằng khu lấn biển cho Dự án Cụm công nghiệp điện Kiên Lương 1 bằng cách dời núi, lấp biển san lấp, xây dựng hệ thống đường xá, điện, nước phục vụ thi công và đóng được hơn 5km cừ lá sen cốt thép bằng công nghệ Nhật bao quanh khu lấn biển, xây dựng xong sân đậu trực thăng và đã thực hiện giao mặt bằng từng phần cho các chủ đầu tư của nhà máy điện Kiên Lương 1. Chính nhờ việc hoàn thành mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật dự án Kiên Lương 1 mà chúng ta đã tạo được nguồn thu 380 triệu USD cho thuê đất và cơ sở hạ tầng cho năm 2010 và 2011.

Over less than 12 months, we have implemented the stunning amount of work including completion of 37.7 hectares area of sea reclamation for Kien Luong 1 power and industrial complex, construction of roads, electricity and water supply works used for construction, driving of 5 km length of reinforced steel sheet piles using the Japanese technology surrounding the sea reclamation area, completion of the helicopter pad and gradual hand-over of the layout to the investment owner of Kien Luong 1 power plant. Thanks to the completion of Kien Luong 1 layout and its technical infrastructure, we have generated the income of USD 380 million from land and infrastructure leasing for 2010 and 2011.

2. Thực hiện đền bù giải tỏa và san lấp xong 15 ha khu tái định cư để chuẩn bị cho việc tái định cư người dân địa phương nhằm triển khai tiếp các giai đoạn 2 của dự án Xây dựng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật cụm Công nghiệp điện Kiên Lương 2.

Land compensation, clearance and filling of 15 hectares resettlement area in preparation for resettlement of local people for construction of phase 2 of the Kien Luong 2 power and industrial complex layout and technical infrastructure project.

3. Hoàn thành được 03 Block chung cư để bán và cho công nhân thuê. Tạo thêm tiện ích thu hút nhà đầu tư vào mở nhà máy tại các khu Công nghiệp của Tập đoàn.

Completion of 03 apartment blocks for sale and lease to workers. Construction of facilities to attract investors to set up factories in the Group's industrial parks.

4. Xây dựng được trên 270.000 m² nhà xưởng, văn phòng, căn hộ cho thuê, nhà ở, hạ tầng.... đã và đang được đưa vào kinh doanh trong năm 2010.

Construction of over 270,000 square meters of factories, offices, apartments for lease, houses, infrastructure.... which have been put in operation since 2010.

5. Hoàn thành nhà máy xử lý nước thải cho Khu Công nghiệp Tân Đức đưa vào vận hành.

Completion of the wastewater treatment plant for Tan Duc Industrial Park and in operation.

6. Hoàn thành được 100% cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Giai đoạn 1 và 50% Giai đoạn 2 của Khu Công nghiệp và Tri thức E.City Tân Đức.

Completion of 100% of technical infrastructure for Phase 1 and 50% for Phase 2 of Tan Duc Knowledge E.City and Industrial Park.

Về Đền bù giải tỏa & Quyền sử dụng đất:

Compensation, clearance and land use right

1. Hoàn thành 99.98% đền bù giải tỏa Quần thể Khu công nghiệp – Thành phố Tri thức Tân Đức E.city. Đã nhận được toàn bộ Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) cho trên 1100ha.

Completion of 99.98% of land compensation and clearance of Tan Duc Knowledge E.City – Industrial Park. Obtaining the land use right certificate (red book) for 1100 ha area.

2. Hoàn thành 100% và đã nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) cho trên 285ha của Khu Công nghiệp điện Kiên Lương. Đây là một thành tích không nhỏ đối với việc thực hiện các ma trận về thủ tục cấp Sổ đỏ theo quy định hiện hành..

Completion and acquisition of the land use right Certificate (red book) for over 285 hectare area of Kien Luong power and industrial complex. This is a major accomplishment after passing numerous existing complicated procedures of red book issue.

Về Tình hình Tài chính và dư nợ:

Finance and outstanding debt

Trong năm 2010 mặc dù Công ty đã triển khai rất nhiều công trình trọng điểm với giá trị xây lắp lên tới gần 2000 tỷ. Tuy nhiên, tỷ lệ công nợ trên Tổng tài sản ở mức: 29.7%, thể hiện Công ty vẫn trung thành thực hiện chiến lược do Hội đồng quản trị đề ra trong suốt 15 năm qua: Tỷ lệ công nợ Không được phép vượt quá 30% Tổng tài sản.

Một điểm đáng lưu ý: Tổng tài sản của Công ty thể hiện trên sổ sách chỉ mới phản ánh giá thành mà chưa được phản ánh theo giá thị trường. Điều này thể hiện rõ sức khỏe tài chính của Công ty hoàn toàn mạnh khỏe mặc dù trong hoàn cảnh nền kinh tế Thế giới và Việt Nam vô cùng khó khăn.

The Company has deployed a number of key projects in 2010 with a total investment of nearly VND 2,000 billion. Nevertheless, the total debt-to-total asset ratio of 29.7% demonstrated that the Company is still committed to the strategy set by the Board of Management over the past 15 years: The total debt-to- total asset ratio mustn't be over 30%.

It should be noted that total assets of the Company are just recorded in the book value, not in the market price. It proves that the Company's financial situation is completely ordinary despite tough conditions of the world economy and Vietnam's economy.

Về công tác quan trọng khác: Với cương vị Chủ tịch của Tập đoàn Tân Tạo, đã được:
Other major activities: As Chairwoman of the Group, I have held the following positions:

- 1. Chính Phủ bổ nhiệm là Thành viên của Hội đồng Tư vấn kinh tế ASEAN. Đã đóng góp tích cực vào việc làm Đồng chủ tịch Diễn đàn Kinh doanh Cao cấp - Asean BZ Summit 2010 tại Thủ đô Hà Nội..

Member of the ASEAN Business Advisory Council appointed by the Government and Co-Chair of the ASEAN Business Summit 2010 in Hanoi Capital, I have made the positive contributions.

2. Chính Phủ bổ nhiệm giữ vị trí Chủ tịch của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt – Mỹ.

Chair of the Vietnam-US Business Forum appointed by the Government.

3. Bộ Giáo dục & Đào tạo bổ nhiệm giữ vị trí Chủ tịch HĐQT và vinh dự đón tiếp Đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính Trị, Thường trực Ban Bí Thư về khánh thành đưa Tòa nhà Đầu tiên của Đại Học Tân Tạo – TTU vào sử dụng, đã tạo nên sức hút riêng có và góp phần tạo nên giá trị gia tăng của Thành Phố Tri thức E.city Tân Đức.

Chairwoman of the Board of Management of Tan Tao University appointed by the Ministry of Education and Training. The inauguration ceremony of the University's first building, with the attendance of Mr. Trương Tấn Sang, Politburo Member and Permanent Member of the Party Secretariat, created the attraction and the added value to Tan Duc Knowledge E.city.

4. Tham gia tiếp đón và làm việc với trên 30 đoàn kinh tế, những tổ chức cao cấp trong và ngoài nước đến thăm quan, tìm cơ hội đầu tư....

Receiving and working with more than 30 visiting delegations including high-profile foreign and domestic delegations, foreign and domestic investors....

Định Hướng Chiến lược Đầu tư và Phát triển năm 2011: Investment and development orientations for 2011

Xác định năm 2011 sẽ còn khó khăn hơn 2010 do chính sách xiết chặt tín dụng và các chính sách vĩ mô chưa hợp lý đã dẫn đến lãi suất ngân hàng, vàng, ngoại tệ nhảy múa không dễ dàng có thể dự đoán được diễn biến của nền kinh tế. Tình hình các tháng đầu năm đã cho thấy rất nhiều doanh nghiệp đang lâm nguy do đường huyết mạch vốn bị tắc nghẽn bởi chính sách tín dụng và lãi suất biến động quá cao dẫn đến không thể vay vốn được từ các ngân hàng và đời sống người dân đang bị thách thức ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhu cầu tiêu dùng, đầu tư...

2011 is expected to be tougher than year 2010 due to the credit tightening policy and the improper macro-policies, resulting in the high borrowing interest rate, fluctuations of gold price and foreign exchange rate, which made it difficult to predict the unrolling of the economy. The statistics in the first months show that many businesses are in risk of going out of business due to the capital source blocked by the tightening credit policy and the soaring interest rate, which has prevented businesses from borrowing funds from banks and made a serious impact on people's life through the decline of consumption and investment.

Với cương vị Người sáng lập đã lèo lái con thuyền Tập đoàn Tân Tạo trong suốt 16 năm qua, đồng thời với kinh nghiệm của cá nhân đã được tham gia vào nhiều diễn đàn kinh tế của Thế giới và châu Á, Tôi xin đưa ra một số chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh của năm 2011 của Công ty ITACO như sau:

As the Founder and Captain of the Ship Tan Tao Group over the past 16 years and in addition to my extensive experiences in the economic forums of the World and Asia, I would like to introduce concrete ITACO's business strategies for 2011 as follows:

1. Đối với kinh doanh: Business operations

- Trong xu thế nền kinh tế của Hoa Kỳ và Thế giới đã hồi phục, do vậy xác định nhà đầu tư nước ngoài sẽ là đối tượng chính cho việc thu hút vào các khu công nghiệp trong năm 2011. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

In line with the United States and the world's economic rebound, foreign investors are expected to be the major driver of investment attraction into industrial parks in 2011.

- Sau thảm họa động đất và sóng thần Fukushima vừa xảy ra cho phép dự đoán sẽ có xu hướng chuyển dịch đầu tư của Nhật bản ra nước ngoài, trong đó Việt Nam sẽ là một điểm đến quan trọng của họ do nền chính trị ổn định, nhân công cạnh tranh và có chất lượng, đồng thời tình cảm của người dân Việt Nam vừa qua đối với nhân dân Nhật Bản cũng là yếu tố quan trọng. Chính vì vậy cần phải chuẩn bị đón đầu và sẵn sàng thu hút dòng đầu tư từ Nhật Bản đổ sang, đặc biệt hiện nay chúng ta đã có rất nhiều nhà đầu tư Nhật Bản đang hoạt động trong khu.

After the devastating earthquake and tsunami in the Fukushima prefecture in Japan, there's probably be a trend of Japan's investment outflow to foreign countries and Vietnam will become a desirable destination due to its political stability, competitive labor cost, quality and additionally, recent sympathy contribution to Japanese people may exert certain influence. Therefore, we should take the lead, prepare to draw Japanese investment, especially, using the advantage of having number of Japanese investors operating in our industrial parks.

- Tập trung vào sản phẩm nhà ở căn hộ cho thuê và bán dành cho Công nhân, viên chức đang làm việc tại các khu công nghiệp của Tập đoàn và khu vực lân cận.

To focus on building houses and apartments for sale and lease to staff and employees working in the Group's industrial parks and in the neighboring area.

- Tập trung mở rộng dịch vụ phục vụ Nhà đầu tư và công nhân trong khu công nghiệp như: Cung cấp thức ăn công nghiệp, cung cấp điện, nước, xử lý rác, cây xanh.... tạo nguồn thu tiền mặt cho công ty trong tình hình tín dụng bị xiết chặt.

To focus on developing services for investors and workers in the industrial parks such as: industrial food supply, water and power supply, waste treatment, green plants... generating income in cash for the Company in the credit tightening situation.

2. Về Xây dựng cơ bản: Fundamental construction

- Ưu tiên tập trung vốn hoàn thành các công trình đang thực hiện dở dang: Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tân Đức, Khu công nghiệp điện Kiên Lương 1 để giao đất và hạ tầng cho nhà đầu tư.

To set priority and focus on completion of the ongoing works: Technical infrastructure of Tan Duc Industrial Park, Kien Luong 1 industrial park for the delivery of land and infrastructure to investors.

- Hoàn thành 200.000 m² hạ tầng, nhà xưởng, căn hộ, nhà ở, tiện ích... của Quần thể Khu Công nghiệp - Thành phố tri thức E.City Tân Đức cho nhà đầu tư, chuyên gia và công nhân.

To complete 200,000 square meters of infrastructure, factories, apartments, houses, facilities.... of Tan Duc Knowledge E.city – Industrial Park Complex for investors, specialists and workers.

3. Về tài chính: Finance

- Tiếp tục giữ vững tỷ lệ dưới 30% của công nợ trên tổng tài sản bằng cách đẩy mạnh kinh doanh và hạn chế vay đầu tư mới.

To keep maintaining the total debt-to-total asset ratio below 30% by stimulating business and restricting loans for new investments

- 4. **Cổ tức:** Năm 2011 mặc dù nền kinh tế cả nước suy thoái và đối mặt với khó khăn lớn nhất từ trước đến nay, song mục tiêu đặt ra: Giữ vững đà tăng trưởng về lợi nhuận, đảm bảo chia cổ tức và cổ phiếu thưởng là 50%.

Dividend: *Although the country's economy is expected to stay in recession and face the unprecedented problems, the Group will still set the target to maintain the profit growth rate and the dividend payout and bonus share offering ratio of 50%.*

5. Chăm lo đời sống CBCNV và tham gia vào hoạt động cộng đồng: Caring for staff and employee's life and social activities

- Dân tộc Việt Nam từ ngàn đời đã đúc kết rằng: “Một miếng khi đói bằng một gói khi no..”. Tập đoàn Tân Tạo suốt 16 năm hình thành và phát triển đã luôn là tấm gương sáng đi đầu trong việc đề ra cái mới, trong việc chăm lo cho cộng đồng. Mặc dù xác định năm 2011 vô cùng khó khăn, song chúng ta vẫn quyết tâm bên cạnh từng cá nhân, từng Lãnh đạo sẽ phải làm việc nhiều hơn nữa, tích cực hơn nữa đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phát triển Tập đoàn, nhưng sẽ tiếp tục phát huy truyền thống của dân tộc, phát huy văn hóa của Tập đoàn để tham gia tích cực vào cải thiện đời sống cho người lao động, đời sống người dân địa phương nơi Tập đoàn triển khai dự án, tri ân đến các bậc cha ông đã có công sức dựng xây đất nước, chăm lo cho các cháu học sinh tài năng mà nghèo khó.... Đặc biệt sẽ tham gia cùng Đại học Tân Tạo thành lập học bổng ITACO để đào tạo nguồn nhân lực tương lai cho tập đoàn Tân Tạo.

Vietnamese people have a proverb over generations: “One piece of food while hungry equals to a big box of food while full”. Over 16 years of development, Tan Tao Group has constantly been a shining role model in taking the lead in the development initiatives and

community activities. Although 2011 is expected to be a very tough year, we, together with individuals and leaders, are determined to work harder and better, to push hard for business operations and the development of the Group while continuing to promote national tradition and the Group's culture with active contribution to improve the life of workers and local people in the regions wherever the Group has its projects developed, expressing gratitude to revolutionary veterans, granting scholarships to poor students with outstanding study results...Especially, the Group will coordinate with Tan Tao University to establish the ITACO scholarship to develop its future human resource.

Để thực hiện thành công các mục tiêu đã đề ra, đòi hỏi phải có sự ủng hộ rất cao từ Quý cổ đông, từ Nhà đầu tư cùng với quyết tâm cao độ và sự phát huy trí tuệ của Tập thể Lãnh đạo HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV của toàn Tập đoàn.

The successful accomplishment of the above objectives requires big support from shareholders, investors and the high level of determination and promotion of the Board of Management's talent, the Board of Directors, all staff and employees of the Group.

Tôi tin tưởng rằng chúng ta sẽ cùng sát cánh bên nhau vượt qua thời kỳ khó khăn của đất nước, tiếp tục đưa con thuyền Tân Tạo đến bến bờ thắng lợi, làm giàu cho cổ đông, cho Nhà đầu tư và tiếp tục là cánh chim đầu đàn góp phần vào xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu đẹp.

I believe that we will together go through the tough period of the country, keep sailing the ship Tan Tao to the success, creating wealth for shareholders and investors and will continue to be the leading bird of the flock contributing to the construction and development of a prosperous and beautiful Vietnam.

Chairwoman of the Board
& Chief Executive Officer



ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

TẬP ĐOÀN TÂN TẠO

TAN TAO GROUP

ĐIỂM CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2010

TAN TAO GROUP 'S TOP TEN OUTSTANDING EVENTS IN 2009

1/ Nhận giải thưởng Sao vàng đất Việt và các giải thưởng khác

- Nhận Cúp, Bằng khen của Bộ Công Thương vì đã đạt thành tích top 15 Doanh nghiệp xuất sắc.
- Nhận Giấy chứng nhận của Việt Nam Elite Branch đạt danh hiệu Thương hiệu Thương hiệu Tinh hoa Việt Nam.
- Nhận bằng khen của Ủy Ban Quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế Quốc tế.
- Nhận Giấy chứng nhận của Awards VietNam Leading JSC & Reputable Stock Band Name đạt thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam.
- Nhận Bằng khen của UBND Tp.HCM vì có thành tích tham gia đóng góp, hỗ trợ cho ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố trong nhiều năm liền, góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của thành phố.
- Nhận bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo điện tử ĐCS Việt Nam, Bộ VH-TT-DL, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, UB Quốc gia Hợp tác Kinh tế Quốc tế đạt top 20 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và phát triển" lần III.
- Nhận bằng khen của UBND Tp.HCM có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong các Khu chế xuất và Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố liên tục nhiều năm, góp phần tích cực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển các Khu chế xuất, Khu công nghiệp thành phố.

1/ Receiving Honors, Medals and Awards

- The Cup and the Certificates of Merit as the top 15 enterprises granted by the Ministry of Industry and Trade.
- The Vietnam Elite Brand award
- The Certificate of Merit of international cooperation for excellent achievements in construction, brand development and international economic integration.
- The Vietnam Leading Joint Stock Company and Reputable Stock Brand Name Awards.
- The Certificate of Merit of the Ho Chi Minh City People's Committee for the contributions and assistance to the cause of education and training in City for years.
- The Certificates of Merit of the Party Central Committee Commission of Education and Popularization granted by the Vietnamese Communist Party's online newspaper, the Ministry of Culture, Information and Tourism, the Vietnam Small and Medium-sized Enterprises Association, the Vietnam Television Station, the International Economic Integration Committee, the top 20 integration and development enterprises for the third time.
- The Certificate of Merit granted by the Ho Chi Minh City People's Committee for achievements in business operations for export processing and industrial parks in the city for years, making positive contributions to the development of processing zones and industrial parks in the city.

- Nhận bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có thành tích đóng góp Quỹ học bổng Vừ A Dính hỗ trợ thanh thiếu niên dân tộc miền núi.
- Nhận Giấy khen của BQL các KCX & CN Tp.HCM về tập thể Đội PCCC – ANTT Khu công nghiệp Tân Tạo có thành tích dũng cảm đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại Khu công nghiệp.
- *The Certificate of Merit by the Ho Chi Minh City Youth Union for the donation to the Vu A Dinh Scholarship Foundation supporting the ethnic minority people in the mountainous areas.*
- *The Certificate of Merit of the Ho Chi Minh City Export Processing & Industrial Zones Authority for the good security assurance in the industrial parks.*



2/ Đón nhận Nhà đầu tư thứ 100 vào khu Công nghiệp Tân Đức

Chỉ sau hơn 3 năm Xây dựng Khu CN Tân Đức đã đạt kỷ lục về thu hút đầu tư, tạo trên 10.000 việc làm thường xuyên và thời vụ cho vùng đất phèn chua, ngập mặn Đức Hòa.

2/ Welcoming the 100th investor to invest in Tan Duc Industrial Park

For the first 3 years, Tan Duc IP has broken four investment attraction records and has generated more than 10,000 permanent and seasonal jobs right in the saline and swampy Duc Hoa district.



3/ Hoàn thành chung cư Tân Tạo Plaza 1,2,3 và Tân Đức Star đưa vào kinh doanh trong Quý 2 năm 2010.

3/ Completion of the Tan Duc Plaza 1, 2, 3 and the Tan Duc Star for being operational in the second quarter of 2010.



4/ Nhận được sổ đỏ của gần 1000 ha đất của Quần thể Khu Công nghiệp – Thành phố tri thức Tân Đức.

4/ Receiving the red books for the nearly 1000 ha Tan Duc Industrial Park-Knowledge City Complex.



5/ Nhận được sổ đỏ của gần 300 ha giao đất 70 năm cho Trung tâm điện lực Kiên Lương.

5. Acquiring the red book for the 300 ha land area of Kien Luong Power Complex for the 70 year-period.

Đây chính là thành quả quan trọng giúp cho ITACO chính thức được phép ký Hợp đồng cho Chủ đầu tư của Các nhà máy điện trong Trung Tâm Nhiệt điện Kiên Lương thuê mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật, tạo nguồn thu lớn cho ITACO trong năm 2010 và các năm sau này.

This important achievement helps ITACO officially sign the land layout and technical infrastructure lease agreement for the Investment Owners of the power plants in the Kien Luong Thermal Power Complex in 2010 and in the subsequent years.



6/ Hoàn thành hạ tầng Đại lộ Tân Tạo và các nhà mẫu của Thành Phố tri thức E.City sẵn sàng cho việc thu hút, biến đổi Quần thể Tân Đức xứng danh với tên gọi của mình



6/ Completion of the Tan Tao Avenue and the Knowledge Ecity's house models available for investment attraction and development the Complex worth its Knowledge name.



7/ Hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và mặt bằng cho nhà máy nhiệt điện Kiên Lương 1, sẵn sàng bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư nhà máy điện KL 1.

Chỉ trong một thời gian chưa đầy một năm, Tập đoàn Tân Tạo đã hoàn thành việc lấn biển, xây dựng trên 5 km cừ lá sen bằng bê tông, cốt thép, hoàn thành lấn biển và san lấp trên 60 ha bao gồm: mặt bằng nhà máy Kiên Lương 1, đường xá, tái định cư, sân đấu trực thăng, Tòa cao ốc 03 tầng Kiên Lương Star làm văn phòng, nhà ở cho chuyên gia ...

7/ Completion of technical infrastructure and layout of Kien Luong 1 thermal power plant, available for delivery to the Owner of Kien Luong 1 thermal power plant.

In less than one year, Tan Tao Group has completed the sea reclamation and construction of steel reinforced concrete larssen sheet pile of more than 05km in length, completion of reclamation and dredging of more than 60 ha area comprising: Kien Luong 1 plant layout area, roads, resettlement area, helicopter parking yard, three-storey Kien Luong Star building used for offices and apartments for expatriates...



8/ Khánh thành Tòa Admin và sẵn sàng tuyển sinh cho Đại học Tân Tạo.

Sáng ngày 17/8/2010, Đồng chí Trương Tấn Sang về dự lễ khánh thành Tòa nhà đầu tiên của Đại học Tân Tạo – TTU với diện tích gần 20.000 m2 chuẩn bị cho Tuyển sinh & Quỹ ITA – Vì tương lai Cấp học bổng toàn phần cho Sinh viên tài năng mà nghèo khó trên cả nước.

8/ Cf the Administration Building available for Tan Tao University's admission.

Morning, August 17, 2010, Mr. Truong Tan Sang, the Politburo Member and Permanent Member of the Party Secretariat, attended the inauguration ceremony of the Tan Tao University's first building of 20,000 meters



9/ Kênh VBC ra mắt các Chuyên đề: Pháp luật và cuộc sống, Cán cân công lý, Vì sự nghiệp trồng người và Tiếng Nói Doanh nghiệp.

VBC đã gây tiếng vang lớn với các chương trình chính luận này, bước đầu đã đạt được kết quả: Giải oan cho người bị tù oan, mang lại công lý cho tập thể những giáo viên bị hại, Vì vậy đã và đang dành được tình cảm & sự ủng hộ trong lòng người dân.

9/ The VBC Corporation launches the special programs: Law & life, Legal Issues, Human Raising Cause and Voice of Businesses.

VBC's news programs have created the resounding effects: Justification for the wrongful imprisonments, bringing justice to the teacher collective victim...etc. Therefore, it has attained the support and trust of people.

10/ Bà Đặng Thị Hoàng Yến vinh dự được Chính Phủ bổ nhiệm tham gia Thành viên tư vấn ASEAN BAC và Đồng chủ tịch Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN BUZ SUMMIT 2010.

10/ / Mdm. Dang Thi Hoang Yen was honored to be appointed to become a member of the ASEAN Business Advisory Council and Co-chair of the ASEAN BUZ Summit 2010.



TRIẾT LÝ KINH DOANH
BUSINESS PHILOSOPHY

THÀNH CÔNG CỦA CÁC BẠN LÀ THÀNH CÔNG CỦA CHÚNG TÔI
YOUR SUCCESS IS OUR SUCCESS

Phát triển khu công nghiệp
Industrial Parks Development

Phát triển đất
Land Development

ITA GROUP
CORE BUSINESS

Phát triển hạ tầng
Infrastructure Development

Phát triển thông tin, truyền thông
và mạng internet/Telecom and
Network Development

Đến 31-12-2010

As of December 13,2010

Vốn đăng ký: **5.000.000.000.000 VNĐ**
Registered capital

Mã chứng khoán: **ITA**
Stock code:

Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE")
Listed on Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE")

Số lượng cổ phiếu đang niêm yết:
Listed share volume

340.701.318 cổ phiếu
shares

Trong đó:
Including:

Tổ chức và cá nhân trong nước:
Domestic individuals and institutions

280.555.323 cổ phiếu
shares

Tổ chức và cá nhân nước ngoài:
Foreign individuals and institutions

60.145.995 cổ phiếu
shares



Mission

To Be A Leading Pioneer In Industrial Park, Energy & Infrastructure Development whilst helping to provide a better future for the citizens of Vietnam.



1 - TAN TAO-HANEL SCIENCE
FINANCIAL HITECH CITY



2 - AGRITA IP



3 - HA NAM IP



4 - NAM DU DEEPWATER TRANSHIPMENT
PORT (200,000 DWT)



5 - KIEN LUONG POWER
COMPLEX (4400/5200 MW)



5 - KIEN LUONG WATER PLANT (200,000 m /day)
7 - LONG AN WATER PLANT (600,000 m /d)
3 - HA NAM WATER PLANT (100,000 m /day)



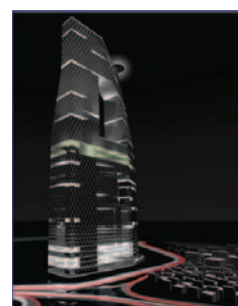
6 - TAN TAO E-CITY



7 - LONG AN POWER PLANT (1200MW)



8 - TAN DUC IP



9 - ITASKY



10 - TAN AN E-CITY



11 - TAN DUC E-CITY



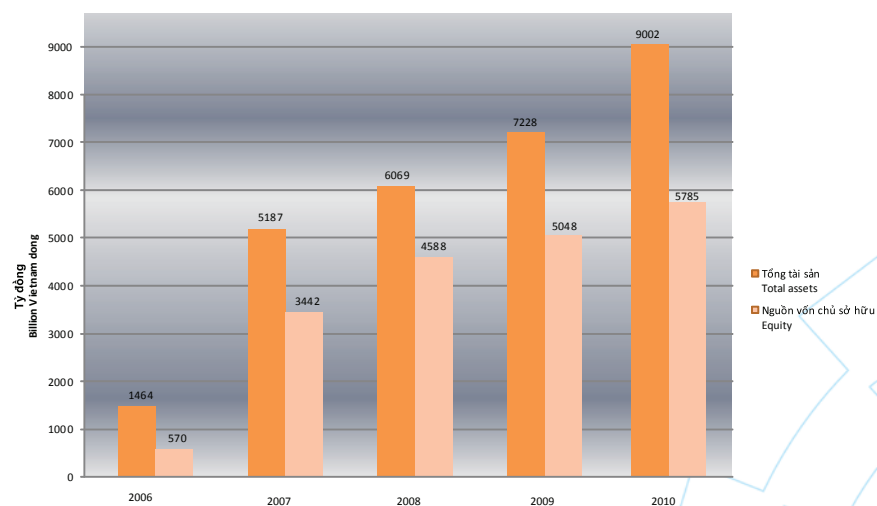
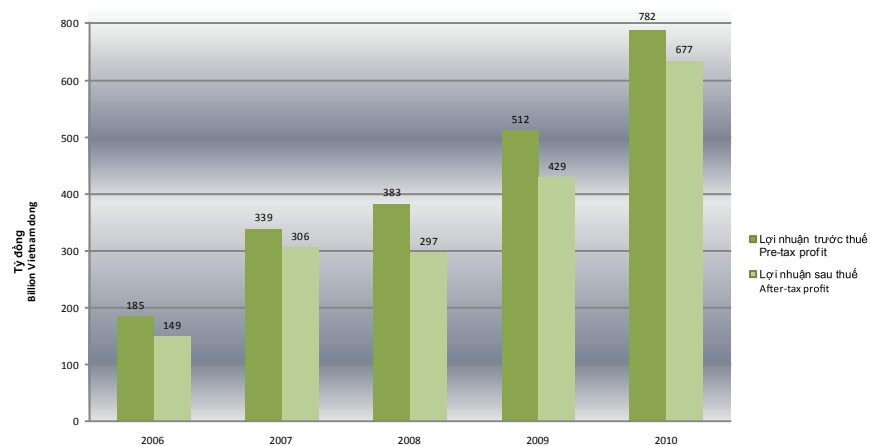
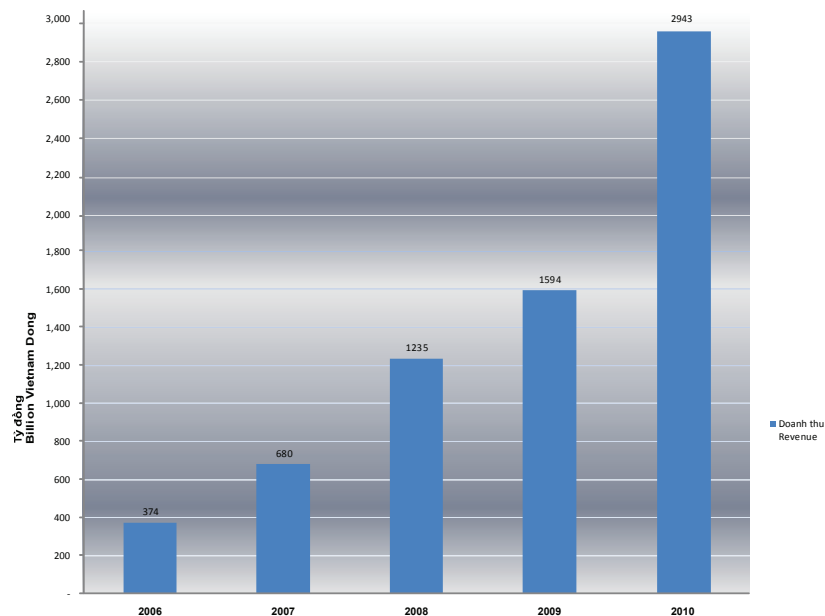
BẢNG CHỈ TIÊU THỰC HIỆN ACTUAL PERFORMANCE

Từ 2006-2010
From 2006 to 2010

Tỷ VNĐ

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN <i>Indices</i>	2006	2007	2008	2009	2010
Doanh thu và thu nhập thuần <i>Net revenue and income</i>	374	680	1.235	1.594	2.943
Lợi nhuận trước thuế <i>Pre-tax profit</i>	185	339	383	512	782
Lợi nhuận sau thuế <i>After-tax profit</i>	149	306	297	429	677
Tổng tài sản <i>Total assets</i>	1.464	5.187	6.069	7.228	9002
Nguồn vốn chủ sở hữu <i>Owners'Equity</i>	570	3.442	4.588	5.048	5.785

Các chỉ tiêu thực hiện (2006 – 2010) Performance Indices



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ITACO

ITACO ORGANIZATIONAL CHART



Mdm Dang Thi Hoang Yen
*Chairwoman
President / CEO*



Mr Dang Quang Hanh
President of TEC



Thai Van Men
COO



Mr Nguyen Tuan Minh
President of TADICO



Nguyen Thanh Phong
President of S.E.I



Tran Dinh Hung
Chief of Accountant



Nguyen Van Tau
Chief of Hanoi Rep. Office



Nguyen Hung Dung
Director of Itatrans

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ KINH NGHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ EXPERTISE AND EXPERIENCE OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT



*** Bà Đặng Thị Hoàng Yến, Chủ tịch HĐQT**

Mdm Dang Thi Hoang Yen, Chairwoman of the Board of Management

Bà Đặng Thị Hoàng Yến tốt nghiệp ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Bà đã làm việc cho Chính phủ Việt Nam 13 năm, sau đó bà đã xin rời và sáng lập công ty đầu tiên vào năm 1993. Hiện nay, công ty được biết đến với tên Tập đoàn Tân Tạo và đã trở thành tập đoàn phát triển khu công nghiệp và hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam. Tập đoàn Tân Tạo đã giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động trên khắp cả nước và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế nhanh chóng của đất nước. Hiện nay, Tập đoàn có đến 21 công ty thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực bao gồm phát triển đất đai, xây dựng và truyền thông. ITACO, công ty thành viên được niêm yết của Tập đoàn, đã ngay lập tức trở thành một trong bảy cổ phiếu blue-chip trên thị trường chứng khoán được chọn vào chỉ số toàn cầu Russel Global Vietnam Index 10 và chỉ số Standard & Poors Vietnam 10 Index.

Mdm. Yen Dang graduated from the Ho Chi Minh City University of Economics. She worked for the Vietnamese Government for 13 years, then moved on to create her first own company in 1993. The company is now known as Tan Tao Group and it grew into the leading Industrial Park & Infrastructure Developer in Vietnam. Tan Tao Group created hundreds of thousands jobs across Vietnam and provided a solid platform for the country's rapid economic progress. The Group has 21 subsidiaries across multiple sectors including land development, construction and media broadcasting. ITACO – the publicly listed subsidiary of TAN TAO Group, promptly became one of seven blue-chip stocks to be established as part of the Global Russel Vietnam Index 10 and the Standard & Poors Vietnam 10 Index.

Năm 2007, bà đã thành lập Quỹ học bổng ITA, Quỹ ITA Chiến Thắng Bệnh Tật và Quỹ ITA Hàn Gắn Vết Thương nhằm hỗ trợ giáo dục, chăm sóc y tế và hỗ trợ tài chính cho những người địa phương khó khăn tại Việt Nam. Hàng năm, hàng ngàn học bổng được trao tặng cho các sinh viên xuất sắc trên khắp cả nước. Bà cũng đã tài trợ và thành lập trường Đại học Tân Tạo (TTU), trường Đại học Việt Nam – Hoa Kỳ đầu tiên của Việt Nam được chứng nhận đạt tiêu chuẩn giáo dục Hoa Kỳ, theo đó, các sinh viên năm thứ ba của trường sẽ được sang học tại Hoa Kỳ. Các sinh viên tốt nghiệp TTU có thể được chấp nhận vào các chương trình sau đại học trên toàn thế giới.

In 2007, she founded ITA Scholarship, ITA Medical Aid and ITA Veterans Assistance for the purpose of providing education, medical support and financial assistance to the needy in Vietnam.

Annually, thousands of scholarships are awarded to outstanding students nationwide. At the same time she donated and founded Tan Tao University (TTU), the country's first Vietnam–American University that is accredited on US Education standards that will enable its scholars to spend their 3rd year in the US. Graduates from TTU can also be admitted to post-graduate programs internationally.

Bà Đặng thị Hoàng Yến đã được tặng thưởng nhiều giải thưởng kinh doanh lớn và nhiều bằng khen như: Giải thưởng Siêu sao Kinh doanh, Giải thưởng Bông Hồng Vàng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Bà hiện đang là Chủ tịch Diễn đàn kinh doanh Việt Nam - Hoa Kỳ, đồng thời là đồng Chủ tịch Hội nghị Thượng đỉnh về Kinh doanh & Đầu tư của ASEAN 2010 và là Ủy viên Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN.

Mdm. Yen Dang has been awarded with numerous significant business prizes and merits such as: Business Super Star Awards, Golden Rose Award, the Prime Minister Certificate of Merit to name a few. Mdm Yen is the current Chair of the Vietnam-US Business Forum, Co-Chair of ASEAN Business & Investment Summit 2010, and a Member of ASEAN Business Advisory Council.

Ông Nguyễn Thanh Phong



Ông Nguyễn Thanh Phong 32 tuổi, là thành viên HĐQT từ năm 2006. Ông có hơn 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc và công nghệ thông tin. Ông phụ trách quản lý hệ thống quản lý chất lượng của công ty. Ông là Chủ tịch của Công ty Cổ phần đầu tư – tin học & tư vấn xây dựng Phương Nam và phụ trách quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Từ tháng 11 năm 2001 đến tháng 12 năm 2007, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau tại công ty Phương Nam như kỹ sư, Phó Giám đốc, phó Tổng giám đốc. Ông tốt nghiệp ngành thiết kế năm 2003 và thạc sỹ quản trị kinh doanh năm 2005 tại trường ĐH Bách Khoa Tp Hồ Chí Minh.

Mr Nguyen Thanh Phong, 32 years old, has been a member of our Board of Management since 2006. He has more than eight years of experience in the IT-engineering and architectural industry and is responsible for the Quality Control of our Company. He is also the President of SEI where he is in charge of the overall management of the company. From November 2001 to December 2007, he held various positions at SEI including being an engineer, Deputy Director and subsequently the Vice President. Mr Nguyen Thanh Phong graduated with a Bachelor's Degree in Engineering and a Master's Degree in Business Administration from the Ho Chi Minh City University of Technique in June 2003 and June 2005, respectively.

Ông Đặng Quang Hạnh



Ông Đặng Quang Hạnh 49 tuổi, là thành viên HĐQT từ tháng 6 năm 2006 và là Phó Tổng Giám đốc thường trực của Công ty từ tháng 12 năm 2004. Ông có hơn 11 năm kinh nghiệm phát triển Khu công nghiệp tại Việt Nam và giám sát các Ban hành chính nhân sự, quản lý chất lượng kỹ thuật, xây dựng và giải phóng mặt bằng. Từ tháng 11 năm 1996, ông là giám đốc Ban xây dựng

và kỹ thuật của công ty, sau đó vào tháng 12 năm 2004, được bổ nhiệm làm Phó tổng giám đốc. Ông Đặng Quang Hạnh tốt nghiệp trường ĐH Công nghệ Tp.Hồ Chí Minh với bằng kỹ sư vào tháng 6 năm 2003. Ông cũng tốt nghiệp với bằng kỹ sư tại ĐH Hàng Hải Tp.Hồ Chí Minh vào tháng 9 năm 1995. Ông cũng là thành viên phụ trách Quỹ ITA-s từ tháng 4 năm 2007. Bên cạnh những đóng góp tích cực vào sự phát triển của ITACO từ ngày đầu thành lập, ông cũng là người tiên phong tham gia các công tác từ thiện, đóng góp cho xã hội bằng chính thu nhập của cá nhân mình nhưng đăng ký dưới tên của Tập đoàn Tân Tạo. Năm 2008, ông đã tặng hơn 3,3 triệu cổ phiếu cho ĐH Tân Tạo.

Mr. Dang Quang Hanh, 49 years old, has been a Member of our Board of Management since June 2006 and the First Vice President of our Company since December 2004. He has more than 11 years of experience in the development of industrial park in Vietnam and oversees our Company's Human Resource & Administration, Quality Control, Construction & Technology, and Land Clearance Departments. Mr Dang Quang Hanh joined our Company in November 1996 as Manager of the Construction & Technology Department. He was subsequently promoted to Vice President in December 2004. Mr Dang Quang Hanh graduated from the Technical Training University of Ho Chi Minh City with a Bachelor's Degree in Engineering in June 2003. He also holds a Bachelor's Degree in Engineering from the Ho Chi Minh Marine University, which he obtained in September 1995. Mr Dang Quang Hanh has been a member of the ITA Foundations since April 2007. He has made a significant contribution to the development of ITACO since the early days of its foundation and become a pioneer contributing to charity and social activities from his own income, however, under Tan Tao Group name. He granted more than 3.3 million shares to Tan Tao University in 2008.

Ông Nguyễn Tuấn Minh



Ông Nguyễn Tuấn Minh 43 tuổi, là thành viên độc lập của HĐQT từ tháng 2 năm 2008. Ông làm việc tại công ty từ năm 2002 và giữ chức Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển (Ban R&D) và giám sát và quản lý các dự án phát triển đất. Từ tháng 5 năm 2003 đến tháng 6 năm 2007, ông là Phó tổng giám đốc Tadico, phụ trách quản lý và phát triển các dự án của Tadico. Ông Nguyễn Tuấn Minh tốt nghiệp ngành kinh tế trường ĐH Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh. Ông cũng tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh Solvay vào tháng 8 năm 2005.

Mr Nguyen Tuan Minh, 43 years old, has been an independent member of our Board of Management since February 2008. Mr Nguyen Tuan Minh joined our Company in 2002 as a Manager of our Research and Development Department (R&D Development) and his responsibilities included overseeing and managing the development of our land project developments. From May 2003 to June 2007, he was the Vice President of Tadico, where he was in charge of the management and development of Tadico's projects. Mr Nguyen Tuan Minh graduated from the Ho Chi Minh University of Economics with a Bachelor's Degree of Arts in Economics in June 1989. He also holds a Master's Degree in Business Administration, which he obtained from the Solvay Business School in August 2005.



NGUYỄN VĂN TÀU

Trưởng Đại diện Văn Phòng Hà Nội – Tập đoàn Tân Tạo

Nguyễn Văn Tàu tốt nghiệp đại học năm 1995 với chuyên ngành Kỹ sư Kinh tế Giao thông. Ông đã tiếp tục nâng cao trình độ học vấn của mình với bằng Cử nhân Luật, Thạc sỹ Kinh tế Phát triển của Viện Xã hội học Hà Lan, Thạc sỹ Quản lý Dự án Chiến lược tại Trường Đại học Herriot Watt (Anh Quốc) và Đại học Kỹ thuật Milan (Ý), Thạc sỹ Quản lý tại Đại học Umea (Thụy Điển). Ông đã có hơn 17 năm kinh nghiệm tư vấn và quản lý các dự án phát triển khu đô thị, khu công nghiệp và các dự án hỗ trợ phát triển ODA tại Việt Nam. Ông gia nhập Tập đoàn Tân Tạo từ đầu năm 2009 với chức vụ Giám đốc Ban Đầu tư Phát triển và đã được bổ nhiệm làm Trưởng Đại diện Văn phòng Hà Nội của Tập đoàn từ cuối năm 2009. Hiện nay ông tham gia vào quá trình phát triển các dự án lớn của Tập đoàn trong lĩnh vực năng lượng và hạ tầng như Nhà máy Nhiệt điện Kiên Lương 1, Cảng nước sâu Nam Du.

Trước khi vào Tân Tạo, Ông là Giám đốc Dự án của Cơ quan Hợp tác Phát triển Đức (GTZ), chịu trách nhiệm quản lý dự án hỗ trợ đổi mới ngành đường sắt Việt Nam và đại diện của GTZ tại nhóm các nhà tài trợ giao thông vận tải ở Việt Nam. Ông đã có nhiều đóng góp cho quá trình đổi mới của ngành đường sắt trong lĩnh vực xây dựng khung khổ pháp lý cũng như khai thác thương mại. Ông đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông trao tặng bằng khen năm 2009. Ông cũng đã từng làm trưởng nhóm tư vấn tại Công ty Tư vấn SENA, khi đó ông đã tham gia tư vấn cho nhiều dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phát triển các khu đô thị mới, các khu công nghiệp và các dự án hỗ trợ của nước ngoài, ví dụ như dự án khu công nghiệp Thăng Long tại Hà Nội (là liên doanh của Tập đoàn Sumitomo), dự án phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Hà Nội (dự án vay vốn ODA của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JBIC).

Nguyen Van Tau graduated in 1995 as a transport economics engineer. He then continued his education with a BA of Laws, Master in Development Economics from The Hague Institute of Social Science (Netherlands), and Masters in Strategic Project Management from Herriot-Watt University (UK), Politechnico University de Milan (Italy) and Umea University (Sweden). Tau has had 17 years of consulting and project management experience in industrial and residential development projects as well as ODA projects in Vietnam. He joined Tan Tao Group early 2009 as the Director of R&D division and was promoted to the Chief of Hanoi Representative Office of Tan Tao Group end of 2009. He is involved in Tan Tao Group's development of key energy projects and other supportive logistics infrastructure like Kien Luong 1 Power Plant, Nam Du Deep Seaport.

Tau was previously the Project Manager at German Technical Cooperation (GTZ Vietnam), responsible for Vietnam railway sector project and representative of the organization in Transport Partnership with other foreign donors in Vietnam. As a result, he has contributed significantly to the reform of Vietnam railway sector, both in legal and commercial aspects and got the (BANG KHEN) from Vietnam Minister of Transport.. Prior to this role, Tau was the Consultant Leader in Sena Corporation, providing investment consultancy service for many large urban and industry development projects invested by foreign investors in to Vietnam, such as the Thang Long Industrial Park in Hanoi a joint venture of Sumitomo or Hanoi Infrastructure Development Project financed by OECF (and now is JBIC).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010 VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011

REPORT OF BUSINESS RESULTS IN 2009 AND IMPLEMENTATION MEASURES FOR 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

GENERAL

Năm 2010, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, nhưng vẫn còn khó khăn, nhưng kinh tế Việt Nam đã hồi phục và tình hình chính trị ổn định, Chính phủ đã có những chính sách, chủ trương thông thoáng kêu gọi đầu tư, để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt nam đầu tư với những ngành nghề đa dạng, đã giải quyết được số lượng lớn lao động có việc làm, kinh tế phát triển. Hòa chung vào sự thành công về tăng trưởng của nền kinh tế đất nước, Ban lãnh đạo Tập đoàn cùng toàn thể CBCNV đã cố gắng nỗ lực thực hiện những chỉ đạo của Hội đồng quản trị và đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, kết quả hoạt động của Tập đoàn cụ thể như sau:

In 2010, the world economy continued its rebound but with many difficulties. Vietnam's economy has recovered rapidly with its political stability. The Vietnamese Government has introduced the open and transparent policies and plans to promote and attract more foreign investments into Vietnam in the various industries, which has contributed to generate a large number of jobs and promote the economic growth. Along with the thriving growth of the national economy, the Group's leadership and all its staff have endeavoured to realize the directives and resolutions of the Board of Management and have successfully accomplished the missions and plans set by the General Shareholders Meeting, the achieved business results of the Group are specifically as follows:

PHẦN 1: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009

PART 1: BUSINESS OPERATION IN 2009

- Tổng doanh thu:	3.118.702 triệu đồng
-Total revenue	3,118,702 million dong
Đạt 104,54% so với kế hoạch năm và bằng 195,54% so với thực hiện năm 2009.	
<i>Achieving 104.54% compared to the year plan and 195.54% compared to 2009.</i>	

Trong đó:
Where

- Lợi nhuận trước thuế	782.530 triệu đồng
- Pre-tax profit	782,530 million dong

bằng 152,7% so với thực hiện năm 2009.

Achieving 152.7% compared to 2009.

- Lợi nhuận sau thuế	677.171 triệu đồng
- After-tax profit	677,171 million dong

Đạt 103,81 % so với kế hoạch năm và bằng 157,77% so với thực hiện năm 2009.

Achieving 103.81% compared to the year plan and 157.77% compared to 2009.

1.1. Tình hình thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị

Investment attraction, business and marketing situation

Công tác kinh doanh tiếp thị của Tập đoàn đi vào chiều sâu, thường xuyên quan tâm hỗ trợ giúp đỡ, giải quyết các vướng mắc khó khăn giúp các doanh nghiệp phát triển, đây là kênh tiếp thị thu hút đầu tư tốt nhất. Cụ thể:

The Group has promoted the in-depth development of business and marketing operations with constant support and assistance to address the concerns and to help promoting the companies' development, the best marketing channel to attract investment. Specifically as follows:

- Phối hợp với Kênh truyền hình VBC tổ chức Hội thảo “Tiếng nói doanh nghiệp” tại các KCN để giúp đỡ hỗ trợ, giải quyết các khó khăn của doanh nghiệp cũng như hỗ trợ thông tin tiếp thị giúp các doanh nghiệp cùng phát triển.

Coordinating with the VBC Television Channel to organize the “Voice of Businesses” Forum in the industrial parks to support and resolve the concerns of the businesses, offer the marketing services to help achieving their business development.

- Tổ chức Hội nghị doanh nghiệp trong KCN để đối thoại với BQL để giải quyết các khó khăn của các doanh nghiệp.

Organizing the Business Forum in the industrial parks to engage in dialogue with the Authority Board to address the businesses's concerns.

- Phát triển tốt hình ảnh và uy tín của Tập đoàn qua các hội nghị lớn như:

Promotion of the Group's image and prestige through the important conferences such as:

Tham gia vào Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam – Hoa Kỳ. Chủ tịch HĐQT Tập đoàn là Chủ tịch của Diễn đàn.

Participating in the Vietnam-US Business Forum and Chairwoman of the Group serves as Chair of the Forum.

Đồng tổ chức diễn đàn ASEAN-BIS 2010 (Hội nghị thượng đỉnh kinh doanh và đầu tư ASEAN 2010. Chủ tịch HĐQT Tập đoàn đồng Chủ tịch Hội nghị ASEAN-BIS và là thành viên Hội đồng cố vấn kinh doanh ASEAN,...

Co-organizing the 2010 ASEAN Business Investment Summit and Chairwoman of the Group serves as Co-Chair of the ASEAN-BIS and Member of the ASEAN Business Advisory Council....

Trong năm Công ty đã tiếp và làm việc với nhiều đoàn khách lớn trong nước và nước ngoài

đến tham quan cũng như tìm hiểu đầu tư như: Đoàn Khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc, các đoàn khách Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản...

The visits of a number of foreign and domestic delegations to seek investment opportunities such as delegation of the Lang Hoa Lac high-tech zone, delegations from Taiwan, Thailand, Singapore, China, Japan and others.

Tập đoàn có nhiều sản phẩm như: cho thuê đất KCN, cho thuê và thuê mua nhà xưởng bán trả chậm, biệt thự, nhà phố liên kế, căn hộ, nhà ở công nhân,...tùy sản phẩm mà Tập đoàn có chiến lược kinh doanh tiếp thị phù hợp với từng loại khách hàng qua các kênh thông tin khác nhau.

The Group has introduced a variety of services and products: industrial park land leasing, factory leasing, deferred payment sales for villas, attached townhouses, apartments, worker's house.... Business and marketing strategies have been appropriately elaborated for each customer's category through various information channels.

Đội ngũ nhân viên kinh doanh được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về kỹ năng và nghệ thuật giao tiếp, luôn có thái độ quan tâm và phục vụ tốt cho khách hàng.

The professional sales staff with excellent communication skills and expertise developed through the training courses always cares and serves the customers at the most.

Tập đoàn đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN- DC và dịch vụ Tân Đức đồng bộ cùng với Trường Đại học Tân Tạo khang trang, hiện đại và hệ thống cây xanh, thảm cỏ tạo ấn tượng tốt cho khách hàng đến tham quan tìm hiểu cơ hội đầu tư. Khu biệt thự, Khu căn hộ cao cấp (Tân Đức Star), Khu nhà phố liên kế và Khu nhà ở công nhân phục vụ các doanh nghiệp và nhà đầu tư, tạo mọi điều kiện từ nơi sản xuất, ăn ở sinh hoạt, đào tạo nghề và vui chơi giải trí cho nhà đầu tư và công nhân theo hướng phát triển bền vững để nhà đầu tư an tâm đến đầu tư. Kết quả trong năm đã ký được 11 khách hàng thuê lại đất và nhà xưởng, 4 hợp đồng bán căn hộ và 144 lô đất nền Khu A -Ecity Tân Đức.

The Group has invested in construction in sync of the Tan Duc industrial park and auxiliary infrastructure and Tan Tao University, a modern and spacious university with green plants and lawns creating a deep impression on the investors seeking investment opportunities. The villa area, high-end building (Tan Duc Star), attached townhouses and worker's houses have been developed to serve the businesses and investors. The factories, accommodation, vocational training and recreation services have been developed towards sustained goals and have secured the confidence of the investors. Thus, in 2010, the Company attracted 11 tenants to lease land and factories and entered into four apartment sale agreements and sold 144 floor lots in the Area A of Tan Duc Ecity.

1.2. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Land compensation and site clearance

Trong năm Công ty đã đền bù cơ bản xong toàn bộ Khu công nghiệp, dân cư và dịch vụ Tân Đức, hiện còn 10 hộ không nhận tiền, Trung tâm phát triển quỹ đất đã mở sổ tiết kiệm để làm thủ tục hỗ trợ bán giao mặt bằng thi công. Đồng thời đã tổ chức đợt 2, đợt 3 cho người dân bốc thăm giao nền cho tất cả các hộ dân trong KCN-Dân cư và Dịch vụ Tân Đức.

In 2010, the Company has completed the compensation of the entire Tan Duc Industrial, Residential and Service Area. 10 remaining households haven't accepted the compensations and the Land Property Center opened the savings book to implement the procedures for the construction site hand-over support and held a random drawing in stage 2 and 3 to deliver the land lots to all the households in the Tan Duc industrial residential service area.

Đã làm thủ tục cấp giấy đồ cho 1.631 hộ dân đã đóng đủ 100% tiền của khu tái định cư giai đoạn I và tiếp tục bàn giao đất, làm giấy đồ cho các hộ dân đóng 100% tiền nền của khu tái định cư giai đoạn 2.

Accomplished the formality for the issuance of red papers for 1,631 residents who have paid 100% of the sum of the resettlement area phase one and in the continuation of land hand-over, issuance of red papers to residents who have paid 100% of the sum of the resettlement area phase 2.

Đã đền bù giải tỏa trên 82% Khu phụ trợ của Dự án Trung tâm Điện lực Kiên Lương.

Land compensation and clearance of over 82% of the ancillary area of Kien Luong Power Complex.

Đã đền bù cho Dự án xi măng Tân Tạo tại Hà Nam, hiện đang đền bù tiếp tục cho 10 hộ dân còn lại.

In completion of compensation for the Tan Tao Cement Plant project in Ha Nam Province, continuing compensation for the 10 remaining households.

Riêng các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng như KCN ITAHAN tại tỉnh Hà Nam, dự án Khu Trung tâm TM dân cư Tân An, dự án Nhà máy nước ITA Water 600.000m³, dự án Trung tâm nhiệt điện Long An đang kết hợp với Trung tâm phát triển Quỹ đất các Huyện, thành phố lập phương án đền bù, giải phóng mặt bằng để triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng.

Infrastructure investment projects such as ITAHAN Industrial Park in Ha Nam Province, Tan An Commercial and Residential Center, ITA Water Plant with the capacity of 600,000 m³. Regarding the Long An thermal power complex project, the Group has been coordinating with the Land Property Centers of the districts and city for land compensation and clearance for infrastructure investment.

Đã làm thủ tục giao đất Khu Ecity Tân Đức.

Implementation of the land hand-over procedures for Tan Duc Ecity.

Đang tiến hành thủ tục giao đất Khu TMDV-VCGT.

Ongoing implementation of the land hand-over procedures for the Entertainment Commercial Service Area

1.3. Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý môi trường

Infrastructure construction and environmental management

*** Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng:**

Infrastructure construction

- Trong năm Tập đoàn đã chỉnh trang cơ sở hạ tầng trong các KCN Tân Tạo, Tân Đức giai đoạn I khang trang, đầu tư cơ sở hạ tầng các tuyến chính KCN Tân Đức giai đoạn II để thu hút đầu tư, hoàn chỉnh Tân Tạo Plaza 1 đưa vào cho thuê 100%, đang hoàn chỉnh Tân Tạo Plaza 2, 3 đưa vào khai thác năm 2011.

The Group has improved the infrastructure in Tan Tao Industrial Parks and Tan Duc Industrial Park in phase one and has invested in construction of the major areas of Tan Duc Industrial Park phase II to attract investments. Tan Tao Plaza 1 has been completed and has been fully leased. Tan Tao Plaza 2 & 3 are in completion to be put in operation in 2011.

- Khu căn hộ Tân Đức Star đã hoàn thành đang đưa vào chào bán và đã bàn giao nhà cho

người mua.

Completion of Tan Duc Star building and now available for sale and several apartments have been delivered to buyers.

- Đã hoàn thiện 1 block chung cư Tân Đức Plaza đưa vào cho công nhân khu công nghiệp thuê.

Completion of a housing block of the Tan Duc Plaza available for rent to employees working in the industrial parks.

- Đã đầu tư hoàn thành cơ bản một phần hạ tầng Khu A- Khu Ecity Tân Đức và đã giao nền đợt 1 cho các hộ dân, số còn lại sẽ tiếp tục giao nền trong quý II, III-2011.

Fundamental completion of the infrastructure of Zone A of Tan Duc Ecity and hand-over of the land lots in phase one to the households, the remaining households will continue to receive the hand-over in the second and third quarters of 2011.

- Đã xây dựng các biệt thự mẫu khu Tài Lộc, biệt thự khu Hạnh Phúc và nhà liên kế khu phố chợ đưa vào chào bán vào đầu năm 2011.

Construction of the model villas in the Talent, Luck and Happiness area and attached townhouses to be available for sale in early 2011.

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Kiên Lương đã đầu tư cơ sở hạ tầng chuẩn bị mặt bằng cho nhà máy Nhiệt điện Kiên Lương 1 sẵn sàng khởi công; đã xây dựng cơ sở hạ tầng khu phụ trợ phục vụ cho Trung tâm điện lực Kiên Lương như công viên cây xanh, hồ chứa nước, sân đậu trực thăng, Văn phòng, nhà ở chuyên gia 3 tầng Kiên Lương Star.

The Kien Luong Power Complex project has invested the infrastructure to prepare the layout for construction of the Kien Luong 1 Thermal Power Plant; construction of the ancillary area for Kien Luong Power Complex such as green park, water reservoir, helicopter parking yard, office buiding, three-storey Kien Luong Star building reserved for specialists.

*** Về công tác quản lý môi trường:**

About the environmental management

- Thường xuyên tư vấn, nhắc nhở Doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện các quy định trong công tác quản lý bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp.

Constantly requesting the businesses to ensure good compliance with the environmental protection regulations;

- Phối hợp Ban Quản lý tổ chức kiểm soát môi trường các nhà máy đang hoạt động trong KCN.

Coordinating with the Industrial Parks Authority to investigate and monitor the environment of the factories in the industrial parks

- Phối hợp cùng các cơ quan chức năng giám sát, kiểm soát và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của các Doanh nghiệp.

Coordinating with the relevant departments to supervise, control and resolve the issues related to the environmental protection of the businesses.

- Thực hiện thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong KCN đạt tiêu chuẩn xả thải theo quy định của Nhà nước.

Garbage collection and treatment of wastewater from the industrial parks in compliance with the waste discharge standards of the State.

- Thực hiện thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty và xử lý theo quy định của Bộ TNMT.

Collection, storage and treatment of the hazardous wastes from the operations of the Company in accordance with the requirements of the Ministry of Natural Resources and Environment.

1.4. Công tác tài chính tín dụng

Credit and finance

Công tác quản lý tài chính tín dụng thực hiện đúng qui chế tài chính của Công ty, tổ chức công tác kế toán và quản lý tài chính theo chuẩn mực kế toán.

The financial and credit management is in compliance with the financial regulations of the Company, accounting practice and financial activities are in accordance with the accounting standards.

Công tác kế toán: theo dõi tình hình thu hồi công nợ phải thu, tình hình thanh toán các khoản công nợ phải trả cũng như các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ nhằm bảo đảm nguồn thu và cân đối thanh toán nợ đúng hạn. Đồng thời cũng thực hiện việc lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, năm theo yêu cầu của HĐQT, Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan khác.

Accounting: Monitoring of debt receivables recovery, payment of debt payables and management charges arising during the period for ensuring income sources and on-time debt payment. Establishment of separate financial statements and quarterly and yearly consolidated financial statement according to the request of the Board of Management, the State Securities Commission and other agencies.

Công tác Tài chính: lập kế hoạch ngân sách để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động của Công ty. Trong năm tình hình vay vốn vào những tháng cuối năm gặp khó khăn, Công ty đã thực hiện giải ngân vay vốn là 1.576 tỷ, để chi đầu tư cơ sở hạ tầng và đền bù giải tỏa hoàn tất dự án Khu công nghiệp- dân cư- dịch vụ giải trí Tân Đức, đền bù dự án Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương, đền bù 82,94% khu phụ trợ Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương 270ha, đền bù giải tỏa dự án xi măng Tân Tạo và đầu tư cơ sở hạ tầng cho các dự án KCN-DV Tân Đức, Ecity Tân Đức, dự án Tân Tạo Plaza, Tân Đức Star, Tân Đức Plaza, Kiên Lương Star, Kiên Lương Plaza... Trong năm Công ty đã trả vốn vay là 740 tỷ đồng.

Finance: Building a budget plan to meet the capital demand for operation of the Company. The capital borrowing was difficult in the end of year 2010 but the Company has disbursed a loan of VND 1,576 billion, for infrastructure construction investment and land compensation and clearance for completion of the Tan Duc industrial residential service and recreation project, compensation of the Kien Luong thermal power complex project, compensation of 82.94% of the clearance cost for the 270ha ancillary area of Kien Luong thermal power complex, land clearance and compensation for Tan Tao cement plant project and investment of infrastructure for Tan Duc industrial service area project, Tan Duc Ecity, Tan Tao Plaza, Tan Duc Star, Tan Duc Plaza, Kien Luong Star, Kien Luong Plaza.... The Company has paid VND 740 billion loan amount within the year.

1.5. Công tác nghiên cứu và phát triển dự án

Project research and development

Trong năm tập trung triển khai hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý các dự án để đưa dự án vào đầu tư xây dựng và kinh doanh.

In 2010, the Company focused on fulfilling the projects' legal documentation for implementation and operation of the projects.

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Kiên Lương đã hoàn tất các thủ tục đầu tư và chuẩn bị xong mặt bằng nhà máy Kiên Lương 1, sẵn sàng bàn giao nhà thầu khởi công xây dựng nhà máy ngay khi Hợp đồng mua bán điện (PPA) được ký kết cùng với Cam kết bảo lãnh Chính phủ (GGU).

Completion of the investment procedures for the Kien Luong Power Complex infrastructure investment project and preparation of the Kien Luong 1 power plant layout to make it available for contractors' construction immediately once the Power Purchase Agreement and the Government Guarantee Undertaking Agreement have been awarded.

- Dự án khu công nghiệp ITAHAN tại tỉnh Hà Nam: đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đang triển khai kê biên.

Completion of the investment procedures and ongoing land recording for ITAHAN industrial park project in Ha Nam province.

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Nhà máy xi măng Tân Tạo tại Hà Nam: đã đền bù giải tỏa, triển khai xây dựng.

Land compensation and clearance and construction deployment for Tan Tao cement plant infrastructure investment project in Ha Nam province.

- Triển khai các thủ tục pháp lý để xin chỉ tiêu quy hoạch Dự án ITA Galleria với diện tích gần 14.000m² tại 220B Điện Biên Phủ, để chuẩn bị thiết kế xin phép xây dựng.

Implementation of legal application procedures for the ITA Galleria Project with a total area of 14,000 square meters at 220B Dien Bien Phu Street in preparation for design and for construction permit.

- Dự án Trung tâm thương mại – dịch vụ và dân cư Tân An 52ha: hoàn thành thủ tục đầu tư, đang thực hiện kê biên bồi thường giải phóng mặt bằng.

Completion of the investment procedures and implementation of land compensation and clearance for the 52ha commercial-service and residential complex project.

- Dự án Khu đô thị E. City Tân Tạo: đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch 1/500, Thành phố đã trình Chính phủ xin chủ trương đầu tư, Công ty đang chuyển nhượng bồi thường.

Approval of the 1:500 scale plan of Tan Tao Ecity urban area, submission to the Government for investment and ongoing implementation of compensation.

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nhà máy xử lý nước tại Long An: đã kê biên bồi thường, đang trình phương án giá bồi thường.

Land recording and continuing application of the compensation scheme for Long An water plant project.

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Nhà máy nhiệt điện Long An: đang triển khai kê biên bồi thường.

Ongoing recording and compensation for Long An power plant investment project.

- Hoàn chỉnh thủ tục đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Thành phố Khoa học, công nghệ cao & đô thị Tân Tạo - Hanel có diện tích khoảng 200ha tại Hà Nội.

Completion of land compensation, clearance and construction investment for Tan Tao – Hanel science, hi-tech & urban city of 200 ha in Hanoi City.

Trong năm 2010 các tỉnh- thành chưa xác định được giá đền bù các dự án mới theo Nghị định 69, vì tính toán theo Nghị định mới này giá đền bù rất cao, dự án khó khả thi. Các địa phương còn đang nghiên cứu kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và triển khai được dự án trong năm 2011.

In 2010, the city and provincial authorities haven't yet determined the compensation pursuant to the Government's Decree 69 since this new compensation cost would be significantly high if the Decree 69 is adopted, projects will be difficultly feasible. Localities are studying the proposal to submit for adequate adjustment to the real situation and deployment of the projects in 2011.

1.6. Công tác hành chính nhân sự, an ninh trật tự và công tác xã hội

Personnel administration, security and social activities

Trong năm Tập đoàn đã sắp xếp, tổ chức bộ máy hoạt động các đơn vị theo hướng chuyên nghiệp và phù hợp với quá trình triển khai, phát triển các dự án, nâng cao hiệu quả công tác và chất lượng phục vụ khách hàng. Tính đến cuối năm 2010 tổng số CB – CNV của Tập đoàn là 1.168 người.

The Group has undertaken arrangement and organization of its subsidiaries and departments professionally and efficiently for implementation and development of projects and enhancement of the customer care service quality. Up to the end of 2010, the Group has in total 1,168 staff and employees.

Ngày 17/8/2010, Tập đoàn đã tổ chức Lễ khánh thành tòa nhà Admin của Trường Đại học Tân Tạo và Lễ trao giải thưởng Hoa Trạng Nguyên, Tập đoàn vinh dự được đồng chí Trương Tấn Sang- UV Bộ chính trị- Thường trực Ban Bí thư và các đồng chí Lãnh đạo tỉnh Long An, cùng nhiều khách quý về dự, Trường sẽ tuyển sinh năm học đầu tiên vào 2011.

On August 17, 2010, at the inauguration ceremony of the Tan Tao University's Administration Building and the Hoa Trang Nguyen Prize awarding ceremony, the Group was honored by the attendance of Mr. Truong Tan Sang, Politburo Member-Standing member of the Secretariat and by officials of Long An Province, distinguished guests.

Tập đoàn luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của CB-CNV cùng với công nhân trong các KCN, nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của Doanh nghiệp đầu tư vào KCN, thường xuyên phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các chương trình văn hóa- văn nghệ, hội thi Karaoke, chiếu phim cho công nhân, các giải bóng đá mini nhân dịp các ngày lễ lớn như ngày thành lập Đảng, 30-4, 02-9, tài trợ và cùng phối hợp với BQL các KCN Long An tổ chức Chương trình hội thi giao lưu VH-VN-TDĐT BQL các KCN Vùng kinh tế trọng điểm phía nam để lại ấn tượng rất tốt đẹp cho các đại biểu và các đơn vị bạn.

The Group has always paid much attention to the spiritual life of staff and employees working in the industrial parks, understanding the expectations and needs of the businesses investing in the industrial parks, coordinating with the relevant agencies to organize the cultural and music performance events, karaoke contests, film projections for employees, mini football games on the occasion of

public holidays such as the Anniversary of the Communist Party of Vietnam February 03, the Reunification Day April 30, the Independence Day September 02. The Group sponsored and coordinated with the Long An Industrial Parks Authority to organize the cultural, music and sports events with other industrial parks in the Southern key economic areas and have made a good impression on the delegates and participants.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn rất quan tâm tham gia công tác xã hội từ thiện trên cả nước.

In addition to the business operations, the Group has paid much care and engaged in many charity programs across the country.

Tổ chức lại cơ cấu nhân sự làm công tác An ninh trật tự và Phòng cháy chữa cháy trong Khu công nghiệp, tăng cường thuê lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp phối hợp thực hiện tốt công tác ANTT- ATPCCC. Tập đoàn đã tổ chức đào tạo huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ, trang bị đầy đủ phương tiện phục vụ công tác PCCC và tổ chức diễn tập, ngăn ngừa và làm giảm các sự việc vi phạm xảy ra trên địa bàn KCN, tạo sự an tâm cho các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh.

Reorganization of the fire fighting and prevention staff in the industrial parks, employment of the professional guards in coordination with the security and fire fighting team. The Group has regularly organized the professional training courses and equipped sufficient facilities for fire prevention and fighting and organized the drills and adopted prevention measures to minimize violating cases in the industrial parks and ensured the security for business investors.

Tập đoàn đã tiếp đón nhiều đoàn khách trong và ngoài nước đến tham quan trao đổi kinh nghiệm về khu công nghiệp, khu đô thị và Trường Đại học. Công tác tổ chức tiếp đón nhiều đoàn khách, đảm bảo an toàn an ninh trật tự để lại ấn tượng tốt đối với khách tham quan.

The organization, reception and security protection of foreign and domestic delegations to visit, exchange and learn about experiences of industrial park development have made good impression on the visitors.

KẾT LUẬN: **CONCLUSION**

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2010 tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng tập thể CBCNV Tập đoàn đã nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, hoàn thành các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao, đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận, góp phần cho sự phát triển vững mạnh của Tập đoàn trong những năm tới.

In 2010, the Group has faced many difficulties in business operations, nevertheless, the Group's staff and employees have strived to accomplish the directives of the Board of Management and have achieved the objectives of the General Shareholders Meeting Resolution with its excess revenue and profit and contributed to the solid development of the Group in coming years.

PHẦN 2: BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011

PART 2: IMPLEMENTATION MEASURES FOR 2011

Dự kiến trong năm 2011, tình hình suy thoái kinh tế vẫn còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống xã hội, chúng ta còn phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, tình hình biến động giá cả thị trường, tình hình lãi suất vay vốn tăng cao, các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong thời kỳ hội nhập kinh tế và khó khăn do suy thoái... Phát huy những kết quả đạt được trong năm 2010 Ban Lãnh đạo Tập đoàn xác định phải tập trung cố gắng tận dụng tối đa mọi cơ hội, mọi nguồn lực vượt qua khó khăn thử thách để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ. Mục tiêu và biện pháp thực hiện kế hoạch như sau:

The economic recession is forecast to continue to impact businesses' operations and the social life in 2011 and we will continue to experience many obstacles and challenges such as market price fluctuations and high borrowing interest rate. Vietnam's businesses will have to compete with foreign invested businesses in the economic integration and especially during the economic downturn period. Through the promotion of the achievements in 2010, the Group's Leadership is strongly determined to focus and take the most advantage of all opportunities and resources to overcome obstacles and challenges to keep accomplishing the missions. The implementation objectives and measures are as follows:

2.1. Mục tiêu Objectives

- Tổng doanh thu:
Total revenue:

3.128.100 triệu đồng
3,128,100 million VND

bằng 100,30 % so với so với thực hiện năm 2010.
Achieving 100.30% compared to 2010.

- Lợi nhuận sau thuế
Pre-tax profit:

685.900 triệu đồng
685,900 million VND

bằng 101,29 % so với so với thực hiện năm 2010.
Achieving 101.29% compared to 2010.

- Theo kế hoạch Nghị quyết HĐQT trình ĐHĐCĐ tổng nguồn vốn cần cho hoạt động và đầu tư phát triển trong năm 2011 là: 5.000 tỷ đồng.

- *According to the Resolution of the Board of Management, the total capital needed for operations, investment and development in 2011 will be: 5,000 billion VND.*

- Cân đối tổng nguồn thu:
Total revenue balance:

5.125 tỷ đồng
5,125 billion VND

Gồm:

Including:

- Thu từ hoạt động kinh doanh cho thuê đất, nhà xưởng KCN Tân Tạo, KCN Tân Đức, Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương, căn hộ Tân Tạo Plaza, Tân Đức Star, Nhà phố chợ Tân Đức, biệt thự cao cấp và các dịch vụ từ các công ty con, thu lãi, cổ tức là: 3.125 tỷ đồng.

- *Income from business operations comprising land and factory leasing of Tan Tao Industrial Park, Tan Duc Industrial Park, Kien Luong Power Complex, Tan Tao Plaza, Tan Duc Star, Tan Duc townhouses, high-end villas, subsidiaries' services, interests and dividends will be:*

3,125 billion VND

- | | |
|--|------------------------------------|
| - Vay vốn và phát hành trái phiếu cho các dự án:
<i>Loans and bonds issued for the project will be:</i> | 2.000 tỷ đồng
2.000 billion VND |
|--|------------------------------------|

2.2. Các biện pháp thực hiện

Implementation measures:

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và nguồn vốn đầu tư phát triển các dự án Công ty đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

In order to achieve the targets of revenue, profit and project investment capital, the Company has adopted the following measures:

2.2.1. Kế hoạch thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị

Investment attraction, business and marketing

- Tăng cường công tác đào tạo huấn luyện đội ngũ kinh doanh tiếp thị chuyên nghiệp hơn, có cơ chế khoán thu nhập theo kết quả kinh doanh để nâng cao tinh thần trách nhiệm và năng động thu hút khách hàng vào thuê đất, nhà xưởng, biệt thự, căn hộ, chung cư,...

Promotion of training and development of professional marketing and sales staff, establishing the performance-based income mechanism to enhance responsibility and dynamism to attract customers to lease land, factories, villas, apartments and condos, etc ...

- Tăng cường hơn nữa công tác chăm sóc khách hàng, tiếp cận hỗ trợ, giúp đỡ các khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp đang đầu tư trong KCN, đây là kênh tiếp thị rất tốt để thu hút các nhà đầu tư có quan hệ với khách hàng hiện có.

Enhancing customer care services, providing support and assistance to address the concerns of the businesses investing in the industrial parks. This effective marketing method will attract more investors and create a good relationship with the existing customers.

- Nghiên cứu liên kết và phối hợp chặt chẽ với các sàn giao dịch bất động sản chuyên nghiệp ở các tỉnh thành lớn có nguồn khách hàng tiềm năng tiêu thụ các sản phẩm của Tập đoàn để tăng nguồn thu hút khách hàng.

Studying and coordinating closely with the professional real estate trading floors in big cities and provinces to attract potential customers to consume the Group's products.

2.2.2. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư

Land compensation and clearance, resettlement

- Tập trung làm giấy đỏ các hộ dân tái định cư đã nộp tiền bàn giao nền tái định cư, để đơn đốc các hộ còn lại nhanh chóng nộp tiền làm thủ tục cấp giấy đỏ..

To keep focus on completing red papers for the resettlement households who have paid the resettlement lot delivery amount, pushing the remaining households to swiftly pay the red paper issuance fees.

- Phối hợp với địa phương giải quyết dứt điểm các hộ tranh chấp, các hộ khiếu nại chưa chịu nhận tiền đền bù đã gởi tiết kiệm của các dự án đã đền bù còn tồn đọng, hoàn chỉnh hồ sơ giao đất bổ sung.

To cooperate with the local authority to settle the disputes and claims of the households who haven't agreed to receive the compensations and to complete the supplementary land hand-over documents.

- Tiếp tục cùng với địa phương kê biên bồi thường và phê duyệt phương án giá đền bù phù hợp các dự án Khu thương mại – dịch vụ và dân cư Tân An 52 ha; Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Thành phố Khoa học công nghệ cao và Đô thị Tân Tạo- Hanel, Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp ITAHAN tại Hà Nam; Dự án KCN Agrita, Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Phổ Phong, Dự án Khu dân cư Trung tâm Tân Tạo; Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Nhà Máy Điện Long An, Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Nhà Máy nước Long An, Nhà Máy nước Hà Nam, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu phụ trợ Trung Tâm Điện lực Kiên Lương 200ha,... để triển khai thi công thực hiện dự án.

To continue to work with local authorities to record the compensation and approve the appropriate compensation price for the 52 ha Tan An commercial-service and residential area; Tan Tao – Hanel science city and urban zone infrastructure investment project; ITAHAN industrial park infrastructure investment project, Agrita industrial park project, Pho Phong industrial park infrastructure investment project, Tan Tao center residential area project, Long An power plant infrastructure investment project, Long An water plant infrastructure investment project, Ha Nam water plant, the 200ha ancillary area infrastructure for Kien Luong power complex, ... for deployment and implementation of the project.

2.2.3. Công tác quản lý xây dựng, duy tu cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường

Construction management, infrastructure maintenance, environmental protection

- Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn II, 3 block Chung cư 2,3 Tân Tạo Plaza 5 tầng, 3 block chung cư 4,5,6 Tân Tạo Plaza 12 tầng, Tân Đức Star, Tân Đức Plaza 2,3,4,5, Khu phố chợ Tân Đức 30 căn, Chung cư 3 tầng Kiên Lương Star, Kiên Lương Plaza 12 tầng... đưa vào kinh doanh trong năm.

To develop and build the Talent, Luck and Happiness villas in Tan Duc E.City based on customers' subscriptions, revenue generation and business expansion for the Group.

- Đầu tư xây dựng hàng loạt Biệt thự Tài Lộc và Hạnh Phúc tại Khu đô thị E.City Tân Đức theo khách hàng đăng ký mua, phát triển nguồn thu và mở rộng sản xuất kinh doanh cho Tập đoàn.

To develop and build the Talent, Luck and Happiness villas in Tan Duc E.City based on customers' subscriptions, revenue generation and business expansion for the Group.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các hạng mục cơ sở hạ tầng trong các Khu tái định cư Tân Đức giai đoạn 2 để thu tiền và giao đất cho các hộ dân ổn định cuộc sống.

To continue to invest and complete infrastructure in the second phase of Tan Duc resettlement area to collect funds and deliver land to the households to stabilize their lives.

- Đảm bảo công tác thiết kế, kiểm tra, quản lý các công đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chặt chẽ, đảm bảo chất lượng, mỹ thuật, dự án đúng tiến độ, tiết kiệm với chi phí đầu tư hiệu quả nhất.

To assure the design, testing, management of construction and investment stages in strict compliance with the quality standards, aesthetics, project schedule, economics through the most effective use of investment capital.

2.2.4. Công tác tài chính kế toán

Accounting and finance

- Tham mưu quản lý tốt nguồn thu, tập trung công tác quản trị tài chính trong tình hình khó khăn về nguồn vốn tín dụng và lãi suất tăng cao để đạt hiệu quả trong huy động và sử dụng tốt nguồn vốn đầu tư.

To provide advice on the effective revenue management and to focus on the financial management in the situation of credit shortage and high interest rate to effectively mobilize and utilize investment capital.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng, các ngân hàng trong và ngoài nước vay vốn và phát hành trái phiếu để huy động nguồn vốn kịp thời phục vụ đầu tư các dự án.

To work with credit institutions, domestic and foreign banks in borrowing capital and in timely issuing bond to mobilize capital for the project investments.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý tài chính, chi tiêu và đầu tư một cách chặt chẽ, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát và mang lại hiệu quả.

To strengthen the strict inspection and control of financial management, expenditure and investment, to keep saving against wasteful spending to achieve high effectiveness.

- Tăng cường công tác quan hệ, phối hợp với các ngân hàng, hỗ trợ một cách chuyên nghiệp, nhiệt tình giúp khách hàng vay vốn mua chung cư và mua các sản phẩm của Tập đoàn.

To strengthen relationship and close coordination with banks, professional support and care to customers borrowing capital to buy the Group's apartments and products.

2.2.5. Công tác nghiên cứu và phát triển dự án

Project research and development

- Tập trung mọi nỗ lực hoàn thiện thủ tục pháp lý, giấy phép đầu tư, giấy tờ đất đai, QSDĐ, giấy phép xây dựng và các thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư đến thuê đất tại các KCN.

To focus all efforts to improve legal procedures, investment licenses, land papers, land use rights, construction permits and procedures to create favorable conditions for investors to lease land in the industrial parks.

- Quan hệ tốt với các Ban ngành chức năng liên quan xin giấy phép, xúc tiến đầu tư cho các dự án nhanh chóng được triển khai và đi vào hoạt động.

To maintain good relationship with the relevant departments to apply for license, to promote investment of the projects to ensure the projects to be swiftly deployed and operational.

- Chuyên môn hóa công tác quản lý đầu tư các dự án, thực hiện thủ tục theo đúng quy chế, quy định về quản lý đầu tư của Tập đoàn và Nhà nước một cách nhanh chóng.

Specialization of project management and investment and implementation of the procedures in accordance with the investment management regulations of the Group and the State.

2.2.6. Công tác tổ chức hành chính:

Administration

- Tham mưu cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển các dự án của Tập đoàn.

To provide advice on the mechanisms and policies to attract and develop the human resources

to meet the project development demand of the Group.

- Tiếp tục phát huy hơn nữa văn hóa của Tập đoàn, cần quan tâm tôn trọng, quý mến người lao động, tạo điều kiện để mọi người phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được phân công, làm cho mọi CBCNV thấy tự hào khi được làm việc cho Tập đoàn Tân Tạo và cảm thấy hạnh phúc khi được đóng góp vào sự phát triển của Tập đoàn.

To keep promoting the Group's culture, care, and respect to employees and to create good conditions for them to complete assigned tasks, making the Group's employees proud and happy for their contributions to the growth of the Group.

- Phát động các phong trào thi đua sáng kiến, cải tiến hoạt động, hoàn thành vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua.

To promote initiatives to improve operations and complete the plan in excess of the plans approved by the General Shareholders Meeting.

- Tiếp tục xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Tập đoàn qua các buổi tiếp và làm việc với các đơn vị đến viếng thăm, tham gia các hội nghị, các hoạt động xã hội từ thiện.

To keep building the Group's image and brand through the receptions and working sessions with the visiting delegations and the participation in conferences, social and charity activities.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động năm 2010 và Biện pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2011 của Công ty, xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ đông. Chúng tôi tin tưởng với kinh nghiệm, khả năng và tiềm năng của Tập đoàn cũng như chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị và sự đồng lòng nhất trí và nhiệt tình làm việc của toàn thể cán bộ công nhân viên, nhiệm vụ kế hoạch đầu tư 2011 đề ra sẽ được hoàn thành, đáp ứng được niềm tin và sự kỳ vọng của Quý vị cổ đông và các nhà đầu tư.

The above is a summary report of the 2010 business operations in 2010 and the implementation measures for 2011 to the General Shareholders Meeting. We believe that with the Group's extensive experience, competence and potentials, the effective leadership of the Board of Management, and the consensus and dedication of all staff and employees, the missions and plans for 2011 will be achieved to satisfy the trust and expectation of shareholders and investors.

Do điều kiện thời gian có hạn, chi tiết về các dự án, Báo cáo tài chính đề nghị Quý vị xem trong tài liệu gửi kèm khi tham gia Đại hội hoặc tại website Công ty: www.tantaocity.com, www.itaexpress.com.vn.

Due to the time constraint, for further details of the projects and financial statements, please see the attached documents when participating the General Meeting or visit the Company's website at the address: www.tantaocity.com or www.itaexpress.com.vn.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Tập đoàn, Tôi xin kính chúc Quý HĐQT, Quý vị đại biểu và Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

On behalf of the Board of Directors and all staff and employees of the Group, I wish all the Board Members, delegates and shareholders good health, success and happiness.

Xin chân thành cảm ơn.

Thankfully.

HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TY ĐANG HOẠT ĐỘNG TRONG
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN
PICTURES OF THE ENTERPRISES OPERATING IN THE GROUP 'S
INDUSTRIAL PARKS



Tango Candy Company



Songwol Vina Joint Stock Company



Nakano Corporation



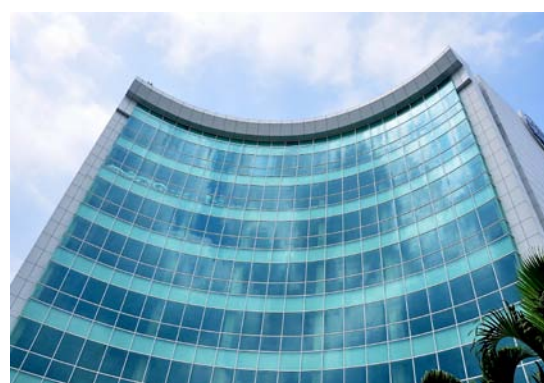
SÂN VẬN ĐỘNG HOÀNG TỬ BÓNG ĐÁ VIỆT NAM VIETNAM SOCCER PRINCE STADIUM



Sân vận động Hoàng tử bóng đá Việt Nam
Soccer Prince Stadium



HÌNH ẢNH DỰ ÁN NHÀ Ở THÀNH PHỐ TRI THỨC E-CITY TÂN ĐỨC VÀ CÁC DỰ ÁN CỦA TẬP ĐOÀN TÂN TẠO





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 đã được điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền tập điện tử, truy cập từ xa; dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau; cung cấp dịch vụ truy nhập internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (ISP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật); các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên
Ông Đặng Quang Hạnh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

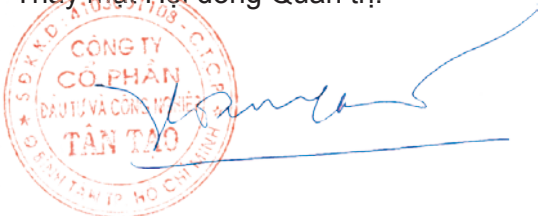
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Số tham chiếu: 60752657/14461383

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo và các công ty con ("Tập đoàn"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày từ trang 4 đến trang 45 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất"). Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Viêt Hùng Trần

Mai Viêt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: D.0048/KTV
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Bùi Xuân Vinh

Bùi Xuân Vinh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0842/KTV

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.814.643.596.608	3.234.995.457.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	59.956.515.594	104.970.116.191
111	1. Tiền		59.956.515.594	69.715.720.754
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	35.254.395.437
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.716.843.337.950	1.255.816.716.200
131	1. Phải thu khách hàng	5	860.601.219.792	477.474.373.525
132	2. Trả trước cho người bán	6	682.334.280.902	503.633.815.791
135	3. Các khoản phải thu khác	7	173.907.837.256	274.708.526.884
140	IV. Hàng tồn kho	8	1.836.855.772	809.962.475
141	1. Hàng tồn kho		1.999.300.578.728	1.836.855.773.079
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38.543.164.336	37.352.851.659
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	20.276.728.094	26.872.994.196
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.232.384.564	1.937.490.767
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	11.034.051.678	8.542.366.696
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.187.801.180.578	3.993.537.206.313
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.767.626.747.741	1.039.592.456.913
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.767.626.747.741	1.039.592.456.913
220	II. Tài sản cố định		251.771.002.335	196.344.770.147
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	71.048.060.841	72.902.738.095
222	Nguyên giá		105.792.440.679	96.381.562.756
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.744.379.838)	(23.478.824.661)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	18.704.348.111	19.750.362.539
228	Nguyên giá		20.992.324.940	20.992.324.940
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.287.976.829)	(1.241.962.401)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	162.018.593.383	103.691.669.513
240	III. Bất động sản đầu tư	14	59.839.520.880	15.069.702.983
	1. Nguyên giá		66.026.974.328	19.168.802.526
	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.187.453.448)	(4.099.099.543)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	3.090.968.120.574	2.737.367.079.544
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		159.760.599.543	159.895.589.000

258	2. Đầu tư dài hạn khác		2.934.807.521.031	2.581.523.990.544
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.600.000.000)	(4.052.500.000)
260	V.Tài sản dài hạn khác		17.595.789.048	5.163.196.726
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		16.163.811.073	1.126.766.121
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		61.161.375	33.402.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.370.816.600	4.003.028.605
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.002.444.777.186	7.228.532.663.442

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.207.447.515.297	2.180.978.140.461
310	I. Nợ ngắn hạn		1.590.623.254.661	985.403.677.356
311	1. Vay ngắn hạn	18	866.543.154.745	383.480.759.950
312	2. Phải trả người bán	19	146.434.804.536	74.401.253.833
313	3. Người mua trả tiền trước	20	47.912.288.023	203.190.443.374
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	60.807.079.222	61.985.376.919
315	5. Phải trả người lao động		1.014.229.850	160.347.000
316	6. Chi phí phải trả	22	87.606.562.853	4.254.037.601
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	380.226.965.432	257.853.288.679
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		78.170.000	78.170.000
330	II. Nợ dài hạn		1.616.824.260.636	1.195.574.463.105
333	1. Phải trả dài hạn khác	24	10.869.216.217	11.109.138.454
334	2. Vay và nợ dài hạn	25	1.418.401.615.833	1.065.194.537.660
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	186.191.460.886	117.334.751.943
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.361.967.700	1.936.035.048
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	26	5.784.915.419.765	5.048.097.311.981
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.784.915.419.765	5.048.097.311.981
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.412.755.650.000	2.059.477.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.621.392.607.511	2.367.631.939.771
414	3. Cổ phiếu quỹ		(7.697.530.000)	(2.989.630.000)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.154.986.000	9.154.986.000
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		749.309.706.254	614.822.096.210
500	C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	27	10.081.842.124	(542.789.000)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.002.444.777.186	7.228.532.663.442

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	59.184	266.142



Trần Đình Hưng
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2010



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.687.779.546.555	1.352.965.406.038
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(174.308.689.352)	(149.878.232.400)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.513.470.857.203	1.203.087.173.638
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(2.008.519.121.694)	(885.524.108.431)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		504.951.735.509	317.563.065.207
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính(*)	28.2	416.640.198.891	325.220.726.810
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	29	(58.237.347.961)	(55.140.984.751)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(50.756.316.521)	(33.209.674.631)
24	8. Chi phí bán hàng		(4.945.698.650)	(5.238.023.723)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(79.566.829.273)	(77.972.472.759)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		778.842.058.516	504.432.310.784
31	11. Thu nhập khác	30	14.283.771.552	66.578.468.497
32	12. Chi phí khác	30	(10.460.197.314)	(58.680.352.460)
40	13. Lợi nhuận khác	30	3.823.574.238	7.898.116.037
45	14. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(134.989.457)	(40.838.000)
50	15. Lợi nhuận trước thuế		782.530.643.297	512.289.588.821
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(36.530.692.061)	(53.246.800.797)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(68.828.949.568)	(29.818.234.242)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế		677.171.001.668	429.224.553.782
	Phân bổ:			
61	18.1 Cổ đông của Công ty		666.541.370.544	423.487.224.210
62	18.2 Lợi ích của cổ đông thiểu số		10.629.631.124	5.737.329.572
70	19. Lãi trên cổ phiếu	26.4		
	- Lãi cơ bản		1.957	1.269
	- Lãi suy giảm		1.957	1.269

(*) Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là cổ tức được chia từ các công ty đầu tư xây dựng hạ tầng, năng lượng và lãi trả chậm của hoạt động cho thuê đất và nhà xưởng trong khu công nghiệp.

Trần Đình Hưng
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2011



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		782.530.643.297	512.289.588.821
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	11,12 & 14	14.408.952.414	11.334.320.383
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		725.000.000	(50.149.383.000)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	28.2	(22.366.450.191)	(29.738.612.976)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(369.822.808.195)	(187.826.534.832)
06	Chi phí lãi vay	29	50.756.316.521	33.209.674.631
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		456.231.653.846	289.119.053.027
09	Tăng các khoản phải thu		(1.171.848.829.161)	(913.916.247.180)
10	Tăng hàng tồn kho		(281.283.242.181)	(1.006.098.195.079)
11	Tăng các khoản phải trả		202.636.669.446	648.707.115.150
12	Tăng chi phí trả trước		(8.440.778.850)	(26.264.548.317)
13	Tiền lãi vay đã trả		(45.940.563.626)	(31.843.297.000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(35.988.807.555)	(14.744.858.242)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(884.633.898.081)	(1.055.040.978.641)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		(82.430.887.985)	(101.478.007.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		259.263.040	3.447.481.818
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(378.871.259.515)	(134.486.139.000)
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.975.083.560	171.266.214.000
28	Cổ tức và tiền lãi nhận được		364.141.888.176	189.612.355.014

30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(66.925.912.724)	128.361.904.832
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu	26.1	74.423.044.740	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	26.1	(4.146.307.500)	(48.530.000)
33	Tiền nợ vay nhận được		1.473.162.638.644	1.673.820.241.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(636.893.165.676)	(758.430.164.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		906.546.210.208	915.341.547.000

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(45.013.600.597)	(11.337.526.809)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	104.970.116.191	116.307.643.000
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	59.956.515.594	104.970.116.191



Trần Đình Hưng
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 đã được điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền tập điện tử, truy cập từ xa; dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau; cung cấp dịch vụ truy nhập internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (ISP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật); các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 184 (Ngày 31 tháng 12 năm 2009: 220).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên
Ông Đặng Quang Hạnh	Thành viên

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 6 công ty con đã được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, bao gồm:

- Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo
Công ty này là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001. Hoạt động chính của đơn vị là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, nhà ở. Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức*

Công ty này là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005. Hoạt động chính của đơn vị là đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại. Công ty nắm giữ 94% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo*

Công ty này là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của đơn vị là giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan. Công ty nắm giữ 90% vốn cổ phần của công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276*

Công ty này là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 11 năm 2007. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng và quản lý các khu phức hợp văn phòng, căn hộ cao cấp và trung tâm thương mại, và cung cấp các dịch vụ phụ trợ như dịch vụ xử lý rác. Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Bàu trời Tân Tạo Mê Kông*

Công ty này là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103010071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ. Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư thành phố Mê Kông Tân Tạo*

Công ty này là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103010034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng công trình dân dụng, dự án công nghiệp và cung cấp dịch vụ. Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Chuẩn mực và hướng dẫn đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (“CMKTQT”) về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Tập đoàn đã nhận thức rõ việc chuẩn mực hóa quốc tế chế độ hạch toán kế toán, do vậy Tập đoàn đã thực hiện báo cáo kế toán song song theo CMKTVN và CMKTQT từ năm 2005 cùng với việc triển khai áp dụng SAP từ năm 2009.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và nghiệp vụ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho những năm trước, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Trong năm, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 244”) hướng dẫn điều chỉnh và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi chủ yếu được áp dụng tại Tập đoàn là phân loại Quỹ khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Thông tư 244 được áp dụng hồi tố. Thay đổi này làm tăng tổng nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 là 78.170.000 VNĐ và giảm tổng nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền tương ứng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc (giá gốc là giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại) và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại được xác định như sau:

- Giá gốc của đất và cơ sở hạ tầng chưa bán - Bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác phát sinh để đưa các lô đất và hạ tầng liên quan vào sử dụng. Giá gốc của đất và hạ tầng liên quan chưa bán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không thu hồi được từ khách hàng phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là hai (2) năm.

3.6 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản

ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.7 **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí và doanh thu tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.8 **Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 **Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 10 năm

Máy móc, thiết bị 5 - 10 năm

Phương tiện vận tải 6 - 10 năm

Thiết bị văn phòng 3 - 5 năm

Quyền sử dụng đất 20 - 47 năm

Lợi thế thương mại 2 năm

3.10 **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng 10 – 15 năm

Nhà cửa 20 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí hội đủ điều kiện để vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay áp dụng cho các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản dở dang.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.13 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn một năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương theo mức lương bình quân 6 tháng gần nhất cho mỗi năm làm việc tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các hướng dẫn liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Nghệp vụ	VAS 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo..

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 35.

3.17 *Cổ phiếu ngân quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế, trước khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Tập Đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Tập đoàn khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác, v.v....

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và quỹ này được ghi nhận như nợ phải trả như trình bày tại Thuyết minh số 3.1

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng

Doanh thu cho thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu khi tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên đi thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công

ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại. Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	622.936.850	1.141.588.942
Tiền gửi ngân hàng	59.333.578.744	68.574.131.812
Các khoản tương đương tiền	-	35.254.395.437
TỔNG CỘNG	59.956.515.594	104.970.116.191

Các khoản tương đương tiền thể hiện là khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng tiền lãi theo lãi suất tiền gửi ngắn hạn có thể áp dụng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	1.441.577.045.819	603.744.926.944
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	1.186.650.921.714	913.321.903.494
TỔNG CỘNG:	2.628.227.967.533	1.517.066.830.438
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đến hạn trả dưới một năm</i>	860.601.219.792	477.474.373.525
<i>Đến hạn trả trên một năm</i>	1.767.626.747.741	1.039.592.456.913

Các khoản phải thu vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm khoản phải thu trị giá 3.500.000 Đô la Mỹ được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (*Thuyết minh số 18*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	415.010.279.586	349.096.360.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư – Tín học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam</i>	48.656.373.356	-
Nhà cung cấp khác	218.667.627.960	154.537.455.791
TỔNG CỘNG:	682.334.280.902	503.633.815.791

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	132.768.942.825	175.530.098.744
Phải thu bên thứ ba	41.138.894.431	99.178.428.140
TỔNG CỘNG	173.907.837.256	274.708.526.884

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện các lô đất khu công nghiệp chưa bán, bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, lãi vay được vốn hóa và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng phát sinh trong quá trình phát triển các dự án của Tập đoàn

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo dưỡng và duy tu	20.245.555.416	26.770.602.528
Chi phí khác	31.172.678	102.391.668
TỔNG CỘNG	20.276.728.094	26.872.994.196

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	10.991.624.678	8.499.939.696
Các khoản ký quỹ, ký cược	42.427.000	42.427.000
TỔNG CỘNG	11.034.051.678	8.542.366.696

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	60.776.047.215	6.273.703.412	26.312.524.561	2.947.731.148	71.556.420	96.381.562.756
Tăng trong năm	6.582.132.907	642.696.499	1.895.189.966	308.095.551	-	9.428.114.923
Thanh lý	-	-	(17.237.000)	-	-	(17.237.000)

Số cuối năm	67.358.180.122	6.916.399.911	28.190.477.527	3.255.826.699	71.556.420	105.792.440.679
Đã khấu hao hết	2.150.716.606	809.164.600	1.066.258.010	1.473.431.352	-	5.499.570.568
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	9.520.716.378	2.147.188.232	9.388.010.412	2.391.437.499	31.472.140	23.478.824.661
Khấu hao trong năm	5.788.372.999	1.258.832.513	3.921.163.491	291.903.794	14.311.284	11.274.584.081
Thanh lý	-	-	(9.028.904)	-	-	(9.028.904)
Số cuối năm	15.309.089.377	3.406.020.745	13.300.144.999	2.683.341.293	45.783.424	34.744.379.838
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	51.255.330.837	4.126.515.180	16.924.514.149	556.293.649	40.084.280	72.902.738.095
Số cuối năm	52.049.090.745	3.510.379.166	14.890.332.528	572.485.406	25.772.996	71.048.060.841

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	16.696.109.435	4.296.215.505	20.992.324.940
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	271.908.060	970.054.341	1.241.962.401
Khấu trừ trong năm	186.771.336	859.243.092	1.046.014.428
Số cuối năm	458.679.396	1.829.297.433	2.287.976.829
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	16.424.201.375	3.326.161.164	19.750.362.539
Số cuối năm	16.237.430.039	2.466.918.072	18.704.348.111

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

Xây dựng căn hộ cho công nhân	148.619.803.068	94.940.025.101
Trạm xử lý nước thải	4.858.876.088	155.752.997
Ứng dụng phần mềm SAP	3.837.596.600	3.553.020.000
Xây dựng tòa nhà văn phòng ở Hà Nội	3.686.236.000	3.174.536.000
Chi phí mua tài sản cố định	-	909.842.415
Các khoản khác	1.016.081.627	958.493.000
TỔNG CỘNG	162.018.593.383	103.691.669.513

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

Nhà xưởng và nhà cửa

Nguyên giá:	
Số đầu năm	19.168.802.526
Tăng trong năm	46.858.171.802
Số cuối năm	66.026.974.328
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	4.099.099.543
Khấu hao trong năm	2.088.353.905
Số cuối năm	6.187.453.448
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	15.069.702.983
Số cuối năm	59.839.520.880

Thuyết minh bổ sung:

- Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	7.838.546.850	8.054.562.000
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(1.670.962.223)	(1.299.100.000)

- Các khoản tiền thuê phải trả hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 33.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư chưa được xác

định một cách đáng tin cậy. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Giám đốc cho rằng giá trị trường của các bất động sản này cao hơn nhiều giá trị ghi sổ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết	159.760.599.543	159.895.589.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
Đầu tư vào công ty niêm yết	61.907.250.000	26.595.729.028
Đầu tư vào công ty chưa niêm yết	154.702.810.000	154.702.810.000
Góp vốn vào đơn vị khác	2.529.161.492.697	2.212.193.724.174
Đầu tư dài hạn khác	189.035.968.334	188.031.727.342
Tổng cộng đầu tư dài hạn khác	3.094.568.120.574	2.741.419.579.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Công ty niêm yết	(3.600.000.000)	(4.052.500.000)
Giá trị thuần các khoản đầu tư dài hạn	3.090.968.120.574	2.737.367.079.544

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tập đoàn đã đầu tư vào các công ty liên kết để thực hiện đầu tư các dự án mà Tập đoàn có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Tập đoàn với tỷ lệ lợi ích như sau:

Phần trăm sở hữu

	2010	2009
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	49%	49%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	40%	40%

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0503000261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính theo giấy phép của đơn vị là phát triển khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng phụ trợ, và cung cấp các dịch vụ liên quan trong khu công nghiệp và dịch vụ kho vận.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103000413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính theo giấy phép của đơn vị là kinh doanh nhà, xây dựng khu dân cư và khu công nghiệp, và tư vấn đầu tư.

Các công ty liên kết trình bày ở trên đều là các công ty tư nhân chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Bảng sau trình bày các thông tin tài chính tóm tắt về các số vốn Tập đoàn đầu tư tại các công ty này:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết	160.000.000.000	160.000.000.000
Phần lỗ trong công ty liên kết	(239.400.457)	(104.411.000)
TỔNG CỘNG	159.760.599.543	159.895.589.000

15.2 Đầu tư vào các công ty niêm yết

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	55.744.250.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	5.225.000.000	5.225.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	938.000.000	20.545.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	-	825.729.028
	61.907.250.000	26.595.729.028
Dự phòng giảm giá đầu tư	(3.600.000.000)	(4.052.500.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	58.307.250.000	22.543.229.028

13.3 Đầu tư vào các công ty chưa niêm yết

VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số tiền	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty đầu tư tin học và tư vấn xây dựng Phương Nam	149.100.000.000	7,63	149.100.000.000	7,63
Công ty Cổ phần Cơ khí 276	5.602.810.000	16,40	5.602.810.000	16,40
GIÁ TRỊ THUẦN	154.702.810.000		154.702.810.000	

15.4 Đầu tư vào các đơn vị khác

Tập đoàn đã góp vốn vào các đơn vị khác để thực hiện đầu tư các dự án mà Tập đoàn có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Tập đoàn, cụ thể như sau:

VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ sở hữu
		(%)		(%)
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo	729.885.668.000	10,00	418.176.650.174	10,00
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	688.702.251.810	12,00	628.002.252.000	12,00
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	571.740.686.859	10,00	571.440.686.000	10,00
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Tạo	505.832.886.028	10,00	505.829.886.000	10,00
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Nhơn Hội	16.000.000.000	16,00	16.000.000.000	16,00
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	9.000.000.000	18,00	9.000.000.000	18,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo	8.000.000.000	10,00	8.000.000.000	10,00
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	-	-	55.744.250.000	8,00
TỔNG CỘNG	<u>2.529.161.492.697</u>		<u>2.212.193.724.174</u>	

13.5 Đầu tư dài hạn khác

Bao gồm trong chỉ tiêu các khoản đầu tư khác là khoản đầu tư trị giá 100.001.481.817 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện số tiền đền bù và chi phí giải phóng mặt bằng có liên quan trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí 276 cho dự án xây dựng tòa nhà văn phòng tại số 220 Bis Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo thoả thuận thành lập công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276, 51% sở hữu bởi Công ty, ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cơ khí 276. Dự án này vẫn đang được tiến hành và đang trong giai đoạn thiết kế.

Số tiền đầu tư khác trị giá 53.053.395.384 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện giá vốn đất và cơ sở hạ tầng trên tổng diện tích đất 68.165 mét vuông tại Bãi Sao, Phường 4, Huyện An Thới, Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Khoản đầu tư khác còn lại trị giá 35.661.091.133 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 34.976.850.141 VNĐ) chủ yếu bao gồm khoản 23.980.500.000 VNĐ 4.836.711.995 VNĐ và 3.994.086.881 VNĐ tương ứng thể hiện các chi phí đất và cơ sở hạ tầng của các dự án tại Quận Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, dự án đảo Hải Âu và dự án xi măng Tân Tạo.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	14.545.454.546	-
Công cụ và dụng cụ	1.233.556.896	1.126.766.121
Khác	384.799.631	-
TỔNG CỘNG	16.163.811.073	1.126.766.121

17. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã phát sinh khoản chi phí lãi vay vốn hóa 123.716.229.563 VNĐ (2009: 68.491.518.019 VNĐ). Những chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các công trình xây dựng của Tập đoàn.

18. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	401.964.000.000	168.463.409.601
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	464.579.154.745	215.017.350.349
TỔNG CỘNG	866.543.154.745	383.480.759.950

Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
	Ngàn VNĐ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	137.500.000.000	Gốc vay được trả trong 12 tháng từ ngày 15 tháng 10 năm 2010	17,5%/năm và có thể thay đổi mỗi 3 tháng	10.000.000 cổ phần của quỹ ITA
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	90.000.000.000	Vay luân chuyển ngắn hạn kỳ hạn	15%/năm	Quyền sử dụng đất lô 12, lô 18A, lô 56, lô 14

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	79.000.000.000	Gốc vay được trả trong 12 tháng từ ngày 24 tháng 12 năm 2010	19,2%/năm	130.000.000 Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	48.000.000.000	Gốc vay được trả trong 2 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 6 tháng	15%/năm	Quyền sử dụng đất lô 12, lô 18A, lô 56, lô 14 và lô số 2845 tại Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	40.464.000.000	Gốc vay được trả trong 6 tháng từ ngày giải ngân	Lãi suất được quy định tại mỗi lần giải ngân của Ngân hàng	130.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	7.000.000.000	Vay luân chuyển ngắn hạn kỳ hạn 4 tháng	Chi phí vốn + 2,5% /năm	Các khoản phải thu trị giá 3.500.000 Đô la Mỹ (Thuyết minh số 5)
TOTAL	<u>401.964.000.000</u>			

Tập đoàn thực hiện các khoản vay nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	131.159.849.414	50.331.762.387
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>15.274.955.122</u>	<u>24.069.491.446</u>
TỔNG CỘNG	<u>146.434.804.536</u>	<u>74.401.253.833</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản phải trả cho bên thứ ba bao gồm khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam trị giá 37.973.435.327 VNĐ liên quan đến chi phí xây dựng khu đô thị E-City Tân Đức và Nhiệt điện Kiên Lương.

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước là các khoản tiền nhận trước không chịu lãi từ các khách hàng đối với các hợp đồng thuê đất mà Tập đoàn chưa bàn giao đất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	55.174.922.936	54.633.038.430
Thuế giá trị gia tăng	3.217.067.229	1.724.086.464
Thuế thu nhập cá nhân	9.724.266	145.075.638
Các loại thuế khác	2.405.364.791	5.483.176.387
TỔNG CỘNG	60.807.079.222	61.985.376.919

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí hoàn thành việc xây dựng và phát triển các khu đất, nhà xưởng đã bán	76.463.561.928	-
Chi phí lãi vay	7.645.139.560	2.426.432.512
Chi phí hoạt động	1.216.735.016	213.336.845
Các khoản khác	2.281.126.349	1.614.268.244
TỔNG CỘNG	87.606.562.853	4.254.037.601

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	243.419.898.271	187.696.041.533
Bên thứ ba	136.807.067.161	70.157.247.146
TỔNG CỘNG	380.226.965.432	257.853.288.679

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Khoản phải trả dài hạn bao gồm các khoản nhận đặt cọc từ các khách hàng của Tập đoàn theo các hợp đồng thuê nhà xưởng và đất ở khu công nghiệp.

25. VAY DÀI HẠN

Ngàn VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (i)	1.691.976.929.598	1.226.573.552.419
Phát hành trái phiếu (ii)	130.000.000.000	-
Vay dài hạn khác (iii)	61.003.840.980	53.638.335.590
Trừ:	-	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	(464.579.154.745)	(215.017.350.349)
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng	(456.847.424.497)	(209.650.799.349)
Vay dài hạn khác	(7.731.730.248)	(5.366.551.000)
VAY DÀI HẠN	1.418.401.615.833	1.065.194.537.660

Trong năm tài chính 2010, Tập đoàn đã thực hiện giải ngân trên 1.470 tỷ VNĐ vốn vay của các Ngân hàng với lãi suất ưu đãi từ chính sách kích cầu của Chính phủ để tập trung cho công tác đền bù giải tỏa và đầu tư cho cơ sở hạ tầng của các dự án ở khu đô thị E-City Tân Đức, nhà máy nhiệt điện Kiên Lương, khu vui chơi giải trí, nhà máy xi măng Tân Tạo. Chi tiết các khoản vay cụ thể như sau:

(i) Vay dài hạn từ ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
	VNĐ			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	464.286.000.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	10,5%/năm	Quyền thu quyền sử dụng đất 41.786 mét vuông tại dự án Tân Tạo, Tân Đức và Kiên Lương
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	325.920.000.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi 12 tháng cộng 0,25%/tháng	Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	214.867.000.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi 12 tháng cộng 0,25%/tháng	Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	200.000.000.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	561.839 mét vuông đất và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Tân Đức, giai đoạn 2 hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	140.000.000.000	Hoàn trả theo quý trong 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi tuần cộng 5,5%/năm có thể thay đổi mỗi tháng	15.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo và quyền sử dụng đất 17.891 mét vuông của trung tâm thương mại 4
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	101.800.000.000	Nợ gốc hoàn trả theo trong 60 tháng	Lãi suất 10,5%/năm, có thể thay đổi mỗi 6 tháng	Quyền sử dụng đất số Q553118, Q553114 vào ngày 17/07/2000, O425114 vào ngày 21/09/1999, O425113 vào ngày 21/09/1999, T923650 vào ngày 31/01/2002
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	99.807.000.000	Hoàn trả theo quý	Lãi suất thả nổi theo từng Giấy nhận nợ	15.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức và Quyền sử dụng đất trị giá 181 tỷ VNĐ
Ngân hàng TNHH Indovina	36.741.085.087	Hoàn trả trong 17 kỳ trong vòng 48 tháng sau mỗi lần giải ngân	Lãi suất tiền gửi 12 tháng cộng 0,25% /tháng	Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	35.675.384.000	72 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	468.000 cổ phần ITA và căn hộ ngôi sao Tân Đức trị giá 43.543.000.000 VNĐ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	32.290.000.000	Hoàn trả theo quý trong 16 kỳ	15,5% /năm áp dụng cho năm đầu tiên và có thể thay đổi mỗi 3 tháng	Khoản vay trong vòng 60 tháng, 12 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên vào ngày 15 tháng 6 năm 2009
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	20.590.000.000	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	7.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.000.460.511	84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên với 18 tháng ân hạn	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	Tài sản được hình thành từ dự án “Nhà máy xử lý nước thải” trị giá 59 tỷ VNĐ
TỔNG CỘNG	1.691.976.929.598			

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	1.322.447.640.000	2.557.853.518.771	(2.941.100.000)	9.154.986.000	4.588.036.787.771	4.624.736.788
Phát hành cổ phiếu mới từ quỹ khen thưởng và phúc lợi	36.621.830.000	-	-	-	-	36.621.830.000
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	700.408.450.000	(190.221.579.000)	-	-	(510.186.871.000)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(48.530.000)	-	-	(48.530.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	423.487.224.210	423.487.224.210
Số cuối năm	2.059.477.920.000	2.367.631.939.771	(2.989.630.000)	9.154.986.000	614.822.096.210	5.048.097.311.981

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngân VNĐ

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	2.059.477.920.000	2.367.631.939.771	(2.989.630.000)	9.154.986.000	614.822.096.210	5.048.097.311.981
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	75.000.000.000	-	-	-	-	75.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(576.955.260)	-	-	-	(576.955.260)
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	1.278.277.730.000	(745.662.377.000)	(561.592.500)	-	(532.053.760.500)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.146.307.500)	-	-	(4.146.307.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	666.541.370.544	666.541.370.544
Số cuối năm	3.412.755.650.000	1.621.392.607.511	(7.697.530.000)	9.154.986.000	749.309.706.254	5.784.915.419.765

26.2 Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	2.059.477.920.000	1.322.447.640.000
Tăng trong năm	1.353.277.730.000	737.030.280.000
Số cuối năm	3.412.755.650.000	2.059.477.920.000
Cổ tức		
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	1.278.277.730.000	700.408.450.000
TỔNG CỘNG	1.278.277.730.000	700.408.450.000

26.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	341.275.565	205.947.792
Cổ phiếu phổ thông	341.746.355	205.908.324
Cổ phiếu quỹ	(470.790)	(39.468)
Số lượng cổ phiếu chưa phát hành	158.724.435	-

26.4 Lãi trên cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
		(*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VNĐ)	666.541.370.544	423.487.224.210
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	340.538.765	333.775.565
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)	1.957	1.269

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2009 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng phát hành 1.278.277.730 cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần trong năm 2010.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức, công ty con của Công ty. Tình hình biến động của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

VNĐ

Số đầu năm	(542.789.000)
Tài sản thuần phân bổ trong năm	10.629.631.124
Thay đổi khác trong năm	(5.000.000)
Số cuối năm	10.081.842.124

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp:	2.687.779.546.555	1.352.965.406.038
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong	2.389.086.675.063	1.200.163.172.420
Doanh thu bán căn hộ	170.521.325.862	-
Doanh thu dịch vụ	100.147.146.924	48.443.992.115
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	28.024.398.706	104.358.241.503
Trừ:		
Hàng bán trả lại	(174.308.689.352)	(149.878.232.400)
Doanh thu thuần	2.513.470.857.203	1.203.087.173.638
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong	2.214.777.985.711	1.050.284.940.020
Doanh thu bán căn hộ	170.521.325.862	-
Doanh thu dịch vụ	100.147.146.924	48.443.992.115
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	28.024.398.706	104.358.241.503
TỔNG CỘNG	2.513.470.857.203	1.203.087.173.638

28.2 Doanh thu tài chính

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	350.719.561.000	193.533.090.800
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	22.366.450.191	29.738.612.976
Tiền lãi từ các khoản phải thu của hợp đồng thuê đất và nhà xưởng	17.847.976.595	37.940.252.918
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.422.327.176	1.196.005.533
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.896.425.133	8.176.418.748
Lãi từ kinh doanh đầu tư chứng khoán	4.387.354.532	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	54.575.619.489
Thu nhập khác	104.264	60.726.346
TỔNG CỘNG	416.640.198.891	325.220.726.810

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	50.756.316.521	33.209.674.631
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.142.241.339	4.493.923.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	441.775.951	1.043.640.000
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư	-	10.721.410.000
Các khoản khác	4.897.014.150	5.672.337.120
TỔNG CỘNG	58.237.347.961	55.140.984.751

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VNĐ

	Năm nay	Năm nay
Thu nhập khác	14.283.771.552	66.578.468.497
Thu nhập từ dịch vụ bảo trì Hệ thống xử lý nước	9.901.243.637	1.295.454.545
Thu tiền bồi thường từ thanh toán chậm của khách hàng	2.594.754.161	526.296.054
Thu tiền do thanh lý tài sản	259.263.040	59.490.707.258
Thu tiền bồi thường do hủy hợp đồng thuê	3.396.800	2.134.940.975
Thu nhập khác	1.525.113.914	3.131.069.665
Chi phí khác	(10.460.197.314)	(58.680.352.460)

Tiền phạt	(1.169.440.334)	-
Chi phí thanh lý tài sản	-	(55.995.833.077)
Chi phí khác	(9.290.756.980)	(2.684.519.383)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.823.574.238	7.898.116.037

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được, ngoại trừ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức và Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% cho các năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức được miễn thuế TNDN trong 6 (sáu) năm từ 2006 đến 2012 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 (chín) năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm 2008 và 2009.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.530.692.061	53.246.800.797
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	68.828.949.568	29.818.234.242
TỔNG CỘNG	105.359.641.629	83.065.035.039

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm. Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế trong năm.

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	512.289.596	383.039.921
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Thu nhập từ cổ tức được miễn thuế	(350.719.561.000)	(193.533.090.800)
Lợi nhuận từ việc bán đất và cơ sở hạ tầng chưa chịu thuế	(240.032.462.676)	(91.261.738.001)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(12.221.148.076)	(924.877.998)
Ảnh hưởng của khoản lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	(7.109.755.516)	42.237.638.000
Lãi từ hợp đồng cho thuê nhà xưởng	(5.617.194.950)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(574.067.348)	138.593.200
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	(216.328.101)	-
Trích trước chi phí hoạt động	10.825.737.226	-
Lỗ đầu tư vào công ty liên kết	134.989.457	40.838.000
Chi phí không được khấu trừ	<u>2.365.453.528</u>	<u>64.217.276.000</u>
Thu nhập chịu thuế	<u>179.366.305.841</u>	<u>333.204.227.222</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	44.841.576.460	83.301.058.121
Thuế TNDN được miễn	(1.392.376.906)	(7.921.432.004)
Thuế TNDN được giảm	(2.919.077.546)	(3.660.617.003)
Thuế thu nhập từ hoạt động khác	<u>219.804.434</u>	<u>468.464.864</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	40.749.926.442	72.187.473.978
Thuế TNDN được miễn theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	(21.656.240.742)
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu năm trước	(4.219.234.381)	2.715.567.561
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	54.633.038.430	16.131.095.875
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(35.988.807.555)</u>	<u>(14.744.858.242)</u>
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>55.174.922.936</u>	<u>54.633.038.430</u>

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận các khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau.

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận từ việc bán đất và cơ sở hạ tầng chưa chịu thuế	(164.703.442.097)	(122.410.745.241)	(42.292.696.856)	(40.486.376.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(11.026.447.737)	(7.658.627.691)	(3.367.820.046)	(1.761.969.000)
Lãi thu từ hoạt động nhà xưởng	(1.184.494.303)	1.857.682.000	(3.042.176.303)	1.857.682.000
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	(54.082.026)	-	(54.082.026)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện được loại trừ khi hợp nhất	8.779.938.735	10.557.377.614	(1.777.438.879)	10.557.377.614
Trích trước chi phí hoạt động	2.377.509.721	-	2.377.509.721	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	61.072.800	319.561.375	(258.488.575)	(18.350.856)
Khác	(20.441.515.979)	-	(20.441.515.979)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(186.191.460.886)	(117.334.751.943)	(68.856.708.943)	(29.851.636.242)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	61.161.375	33.402.000	27.759.375	33.402.000
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	61.161.375	33.402.000	27.759.375	33.402.000
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(68.828.949.568)	(29.818.234.242)

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Cho thuê đất và cung cấp dịch vụ	1.082.240.000.000
		Góp vốn đầu tư	311.709.018.523
		Cổ tức	88.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Trả lại hàng hóa	95.454.545.455
		Góp vốn đầu tư	60.700.000.000
		Cung cấp dịch vụ	1.155.070.600
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Cổ tức	260.300.000.000
		Góp vốn đầu tư	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Trả lại hàng hóa	68.452.721.604
		Tạm ứng tiền thuê lại đất	51.800.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam	Bên liên quan	Tạm ứng khác	100.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Bán hàng	1.004.200.909.093
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng	156.940.019.714
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Bán hàng	24.245.944.847
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Cung cấp dịch vụ	1.264.048.060
			1.186.650.921.714

Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền thuê lại đất	132.768.942.825
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam	Bên liên quan	Dịch vụ quảng cáo	15.274.955.122
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Năng Lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Ứng tiền thuê đất	206.060.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	Tạm ứng quỹ hoạt động	20.050.000.000
		Khác	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Tạm ứng quỹ hoạt động	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Tạm ứng quỹ hoạt động	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Tạm ứng quỹ hoạt động	4.159.898.271
			243.419.898.271

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	4.328.582.935	10.900.857.400
Trên 1 – 5 năm	9.205.316.918	13.161.284.328
Trên 5 năm	26.022.133.815	27.862.580.000
TỔNG CỘNG	39.556.033.668	51.924.721.728

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	12.409.597.577	4.048.027.830
Trên 1 – 5 năm	61.738.466.310	16.717.117.009
Trên 5 năm	122.620.057.881	5.079.628.154
TỔNG CỘNG	196.768.121.768	25.844.772.993

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Tập đoàn có các khoản cam kết theo hợp đồng cho các công trình xây dựng và dịch vụ phục vụ dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng	823.570.215.298	483.441.309.219
Giải phóng mặt bằng	171.349.753.486	65.267.075.136
Xây dựng nhà kho	108.976.369.425	63.960.631.230
Tư vấn nghiên cứu	70.072.261.102	6.528.512.700
Tư vấn thiết kế	10.400.128.777	17.513.075.000
Mua máy móc và thiết bị	4.460.543.024	1.882.680.000
Tư vấn địa chất	729.950.000	2.764.979.000
Các dịch vụ điều hành	-	728.759.500
TỔNG CỘNG	1.189.559.221.112	642.087.021.785

Các khoản cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty liên kết như sau:

		Vốn điều lệ		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ chưa góp
		Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ % sở hữu		
		Ngàn VNĐ		Ngàn VNĐ	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí-Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết	245.000.000	49.00	3.000.000	242.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	200.000.000	40,00	157.000.000	43.000.000
TỔNG CỘNG		<u>445.000.000</u>		<u>160.000.000</u>	<u>285.000.000</u>

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phát triển và đầu tư khu công nghiệp, cung cấp thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng, và cung cấp các dịch vụ có liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

VNĐ

	Doanh thu các lô đất khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng trên đất	Cho thuê tài chính nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán cần hộ	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm nay						
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.382.935.830.053	28.024.398.706	170.521.325.862	106.297.991.934	-	2.687.779.546.555
Tổng doanh thu	2.382.935.830.053	28.024.398.706	170.521.325.862	106.297.991.934	-	2.687.779.546.555
Kết quả						
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận Thu nhập không phân bổ	775.247.360.369	5.048.420.025	27.871.825.051	27.697.502.261	(312.950.158.140)	522.914.949.566
Lợi nhuận thuần trước thuế						259.615.693.731
Chi phí thuế TNDN						782.530.643.297
Lợi nhuận thuần sau thuế						<u>(105.359.641.629)</u>
Tài sản và công nợ						677.171.001.668
Tài sản bộ phận	9.533.837.482.022	112.122.223.110	682.235.160.294	400.676.598.597	(1.746.248.944.984)	8.982.622.519.039
Tài sản không phân bổ						19.822.258.147
Tổng tài sản						9.002.444.777.186
Công nợ bộ phận	934.392.510.241	10.988.876.799	66.864.515.491	39.269.519.064	(315.204.137.762)	736.311.283.833
Công nợ không phân bổ						<u>2.471.136.231.464</u>
Tổng công nợ						3.207.447.515.297
Các thông tin bộ phận khác						
Tài sản cố định hữu hình	6.582.132.907	-	-	2.845.982.016	-	9.428.114.923
Khấu hao	10.782.302.379	126.804.733	771.574.490	453.145.572	-	12.133.827.174
Phân bổ chi phí trả trước	1.355.739	15.944	97.016	56.977	-	1.525.676

VNĐ

	Doanh thu các lô đất khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng trên đất	Cho thuê tài chính nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm trước					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.273.567.331.000	104.358.242.000	48.443.992.038	(73.404.159.000)	1.352.965.406.038
Tổng doanh thu	1.273.567.331.000	104.358.242.000	48.443.992.038	(73.404.159.000)	1.352.965.406.038
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	403.269.767.000	28.323.542.000	8.834.590.821	(161.152.485.000)	279.275.414.821
Chi phí không phân bổ					233.014.174.000
Lợi nhuận thuần trước thuế					512.289.588.821
Chi phí thuế TNDN					(83.065.035.039)
Lợi nhuận thuần sau thuế					429.224.553.782
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	7.836.717.815.000	593.102.700.000	298.093.288.442	(1.530.527.727.000)	7.197.386.076.442
Tài sản không phân bổ					31.146.587.000
Tổng tài sản					7.228.532.663.442
Công nợ bộ phận	626.184.303.000	47.391.219.000	23.896.996.461	(95.761.735.000)	601.710.783.461
Công nợ không phân bổ					1.579.267.357.000
Tổng công nợ					2.180.978.140.461
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí hình thành TSCĐ	72.902.739.000	-	8.469.096.000		81.371.835.000
Tài sản cố định hữu hình	-	-	4.296.216.000		4.296.216.000
Tài sản cố định vô hình	4.982.090.000	377.057.000	220.693.000		5.579.840.000
Khấu hao	1.362.235.000	103.097.000	60.343.000		1.525.675.000
Khấu trừ/phân bổ chi phí trả trước	75.509.330.000	-	5.862.505.000		81.371.835.000

35. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.16, trong năm 2010, Tập đoàn đã tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo CMKTVN số 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201.

Nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn sẽ như sau:

VNĐ

	CMKTVN số 10	Thông tư 201	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	44.105.790.948	(44.105.790.948)
Lợi nhuận chưa phân phối	749.309.706.254	705.203.915.306	44.105.790.948
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.262.875.324	7.896.425.133	22.366.450.191
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(441.775.951)	(441.775.951)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	29.821.099.373	7.454.649.182	22.366.450.191
Lãi trên mỗi cổ phiếu			
Lãi cơ bản	1.957	1.930	27

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Đình Hưng
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2011



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

31 December 2010

The Board of Management of Tan Tao Investment and Industry Corporation (“the Company”) is pleased to present its report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries (“the Group”) as at and for the year ended 31 December 2010.

THE COMPANY

The Company is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 4103001108 issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 15 July 2002, as amended.

The Company was listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No. 68/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

The principal activities of the Company are developing industrial park and infrastructure; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by the Company in industrial parks; providing logistical services in industrial parks, investment consulting, and science and technology transfer consulting; constructing, civil and transportation projects; providing forwarding and warehousing services; constructing electricity works up to 35 KV; trading residential houses (constructing or repairing houses for lease or sales); providing data and electronic file transfer services, remote access and other internet access services (ISP), providing internet contents (operating only when receiving a license in accordance with governmental regulations); providing information storage and services; organizing fairs, exhibitions, conferences and seminars.

The Company’s registered office is located at Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

THE BOARD OF MANAGEMENT

The members of the Board of Management during the year and at the date of this report are:

Ms Dang Thi Hoang Yen	Chairwoman
Mr Nguyen Thanh Phong	Member
Mr Nguyen Tuan Minh	Member
Mr Dang Quang Hanh	Member

AUDITORS

The auditors of the Group is Ernst & Young Vietnam Limited.

STATEMENT OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated state of affairs of the Group and of the Group's consolidated results and consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- ▶ select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- ▶ make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- ▶ state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- ▶ prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management has confirmed to the Board of Management that the Group has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

APPROVAL OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

We hereby approve the accompanying consolidated financial statements which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2010, and of the consolidated results of its operations and the consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with relevant statutory requirements.

On behalf of the Board of Management:



Dang Thi Hoang Yen
Chairwoman

25 March 2011

Reference: 60752657/13628963

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Tan Tao Investment and Industry Corporation

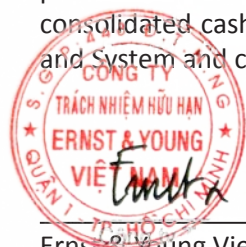
We have audited the consolidated balance sheet of Tan Tao Investment and Industry Corporation and its subsidiaries (the "Group") as at 31 December 2010, and the consolidated income statement and consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto as set out on pages 4 to 44 (collectively referred to as "the consolidated financial statements"). These consolidated financial statements are the responsibility of the Group's management. Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit.

Basis of opinion

We conducted our audit in accordance with Vietnamese and International Standards on Auditing applicable in Vietnam. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free of material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by the Group's management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2010, and the consolidated results of its operations and the consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with the relevant statutory requirements.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Ernst & Young Vietnam Limited

Mai Viet Hung Tran
Deputy General Director
Registered Auditor
Certificate No. D.0048/KTV

Ho Chi Minh City, Vietnam
25 March 2011

Bui Xuan Vinh
Auditor-in-charge
Registered Auditor
Certificate No.0842/KTV

VND

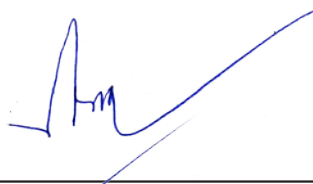
Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		3,814,643,596,608	3,234,995,457,129
110	I. Cash and cash equivalents	4	59,956,515,594	104,970,116,191
111	1. Cash		59,956,515,594	69,715,720,754
112	2. Cash equivalents		-	35,254,395,437
130	II. Current accounts receivable		1,716,843,337,950	1,255,816,716,200
131	1. Trade receivables	5	860,601,219,792	477,474,373,525
132	2. Advances to suppliers	6	682,334,280,902	503,633,815,791
135	3. Other receivables	7	173,907,837,256	274,708,526,884
140	III. Inventories	8	1,999,300,578,728	1,836,855,773,079
141	1. Inventories		1,999,300,578,728	1,836,855,773,079
150	V. Other current assets		38,543,164,336	37,352,851,659
151	1. Prepaid expenses	9	20,276,728,094	26,872,994,196
152	2. Value-added tax deductible		7,232,384,564	1,937,490,767
158	3. Other current assets	10	11,034,051,678	8,542,366,696
200	B. NON-CURRENT ASSETS		5,187,801,180,578	3,993,537,206,313
210	I. Long-term receivables		1,767,626,747,741	1,039,592,456,913
211	1. Long-term trade receivables	5	1,767,626,747,741	1,039,592,456,913
220	II. Fixed assets		251,771,002,335	196,344,770,147
221	1. Tangible fixed assets	11	71,048,060,841	72,902,738,095
222	Cost		105,792,440,679	96,381,562,756
223	Accumulated depreciation		(34,744,379,838)	(23,478,824,661)
227	2. Intangible fixed assets	12	18,704,348,111	19,750,362,539
228	Cost		20,992,324,940	20,992,324,940
229	Accumulated amortisation		(2,287,976,829)	(1,241,962,401)
230	3. Construction in progress	13	162,018,593,383	103,691,669,513
240	III. Investment properties	14	59,839,520,880	15,069,702,983
228	1. Cost		66,026,974,328	19,168,802,526
229	2 Accumulated depreciation		(6,187,453,448)	(4,099,099,543)
250	IV. Long-term investments	15	3,090,968,120,574	2,737,367,079,544
252	1. Investments in associates		159,760,599,543	159,895,589,000
258	2. Other long-term investments		2,934,807,521,031	2,581,523,990,544
259	3. Provision for long-term investments		(3,600,000,000)	(4,052,500,000)
260	V. Other long-term assets		17,595,789,048	5,163,196,726
261	1. Long-term prepaid expenses	16	16,163,811,073	1,126,766,121
262	2. Deferred tax assets	31.3	61,161,375	33,402,000
268	3. Other long-term assets		1,370,816,600	4,003,028,605
280	TOTAL ASSETS		9,002,444,777,186	7,228,532,663,442

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	A. LIABILITIES		3,207,447,515,297	2,180,978,140,461
310	I. Current liabilities		1,590,623,254,661	985,403,677,356
311	1. Short-term loans	18	866,543,154,745	383,480,759,950
312	2. Trade payables	19	146,434,804,536	74,401,253,833
313	3. Advances from customers	20	47,912,288,023	203,190,443,374
314	4. Statutory obligations	21	60,807,079,222	61,985,376,919
315	5. Payable to employees		1,014,229,850	160,347,000
316	6. Accrued expenses	22	87,606,562,853	4,254,037,601
319	7. Other payables	23	380,226,965,432	257,853,288,679
323	8. Bonus and welfare fund		78,170,000	78,170,000
330	II. Non-current liabilities		1,616,824,260,636	1,195,574,463,105
333	1 Other long-term liabilities	24	10,869,216,217	11,109,138,454
334	2. Long-term loans	25	1,418,401,615,833	1,065,194,537,660
335	3. Deferred tax liabilities	31.3	186,191,460,886	117,334,751,943
336	4. Provision for severance allowance		1,361,967,700	1,936,035,048
400	B. OWNERS' EQUITY	26	5,784,915,419,765	5,048,097,311,981
410	I. Capital		5,784,915,419,765	5,048,097,311,981
411	1. Issued share capital		3,412,755,650,000	2,059,477,920,000
412	2. Share premium		1,621,392,607,511	2,367,631,939,771
414	3. Treasury shares		(7,697,530,000)	(2,989,630,000)
418	4. Financial reserve fund		9,154,986,000	9,154,986,000
420	5. Undistributed earnings		749,309,706,254	614,822,096,210
500	C. MINORITY INTERESTS	27	10,081,842,124	(542,789,000)
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		9,002,444,777,186	7,228,532,663,442

OFF BALANCE SHEET ITEM

ITEM	Ending balance	Beginning balance
Foreign currency (US\$)	59,184	266,142



Tran Dinh Hung
Chief Accountant

25 March 2011



Thai Van Men
General Director

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenues from sale of goods and rendering of services	28.1	2,687,779,546,555	1,352,965,406,038
02	2. Deductions	28.1	(174,308,689,352)	(149,878,232,400)
10	3. Net revenues from sale of goods and rendering of services	28.1	2,513,470,857,203	1,203,087,173,638
11	4. Costs of goods sold and services rendered		(2,008,519,121,694)	(885,524,108,431)
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		504,951,735,509	317,563,065,207
21	6. Financial income	28.2	416,640,198,891	325,220,726,810
22	7. Financial expenses	29	(58,237,347,961)	(55,140,984,751)
23	<i>In which: Interest expense</i>		(50,756,316,521)	(33,209,674,631)
24	8. Selling expenses		(4,945,698,650)	(5,238,023,723)
25	9. General and administrative expenses		(79,566,829,273)	(77,972,472,759)
30	10. Operating profit		778,842,058,516	504,432,310,784
31	11. Other income	30	14,283,771,552	66,578,468,497
32	12. Other expenses	30	(10,460,197,314)	(58,680,352,460)
40	13. Other profit	30	3,823,574,238	7,898,116,037
45	14. Share of losses of associates	15.1	(134,989,457)	(40,838,000)
50	15. Profit before tax		782,530,643,297	512,289,588,821
51	16. Current corporate income tax expense	31.2	(36,530,692,061)	(53,246,800,797)
52	17. Deferred income tax expense	31.3	(68,828,949,568)	(29,818,234,242)
60	18. Net profit after tax		677,171,001,668	429,224,553,782
	Attributable to:			
61	18.1 Equity holders of the Company		666,541,370,544	423,487,224,210
62	18.2 Minority interests		10,629,631,124	5,737,329,572
80	19. Earnings per share	26.4		
	- Basic		1,957	1,269
	- Diluted		1,957	1,269

(*) Finance income primarily comprises the dividends income received from the entities engaging in investments in infrastructure construction and energy, and interest income from the lease activities of land and factory in the industrial parks.

Tran Dinh Hung
Chief Accountant

25 March 2011



Thái Văn Men
General Director

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	Profit before tax		782,530,643,297	512,289,588,821
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortisation	11,12 & 14	14,408,952,414	11,334,320,383
03	Provisions (reversal of provisions)		725,000,000	(50,149,383,000)
04	Unrealised foreign exchange gains	28.2	(22,366,450,191)	(29,738,612,976)
05	Profit from investing activities		(369,822,808,195)	(187,826,534,832)
06	Interest expense	29	50,756,316,521	33,209,674,631
08	Operating profit before changes in working capital			
09	Increase in receivables		456,231,653,846	289,119,053,027
10	Increase in inventories		(1,171,848,829,161)	(913,916,247,180)
11	Increase in payables		(281,283,242,181)	(1,006,098,195,079)
12	Increase in prepaid expenses		202,636,669,446	648,707,114,150
13	Interest paid		(8,440,778,850)	(26,264,548,317)
14	Corporate income tax paid	31.2	(45,940,563,626)	(31,843,297,000)
20	Net cash flows (used in) from operating activities		(35,988,807,555)	(14,744,858,242)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	Purchase and construction of fixed assets		(82,430,887,985)	(101,478,007,000)
22	Proceeds from disposal of fixed assets		259,263,040	3,447,481,818
25	Payments for investments in other entities		(378,871,259,515)	(134,486,139,000)
27	Proceeds from sale of investments in other entities		29,975,083,560	171,266,214,000
28	Dividends and interest received	28.2	364,141,888,176	189,612,355,014
30	Net cash flows from (used in) investing activities		(66,925,912,724)	128,361,904,832
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
31	Net cash received from issuance of shares	26.1	74,423,044,740	-
32	Capital redemption	26.1	(4,146,307,500)	(48,530,000)
33	Drawdown of borrowings		1,473,162,638,644	1,673,820,241,000
34	Repayment of borrowings		(636,893,165,676)	(758,430,164,000)
40	Net cash flows from financing activities		906,546,210,208	915,341,547,000

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
50	Net decrease in cash and cash equivalents		(45,013,600,597)	(11,337,526,809)
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	4	104,970,116,191	116,307,643,000
70	Cash and cash equivalents at end of year	4	59,956,515,594	104,970,116,191



Tran Dinh Hung
Chief Accountant



Thai Van Men
General Director

25 March 2011

1. CORPORATE INFORMATION

Tan Tao Investment and Industry Corporation (“the Company”) is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Business Registration Certificate No. 4103001108 issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 15 July 2002, as amended.

The Company was listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No. 68/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

The principal activities of the Company are developing industrial park and infrastructure; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by the Company in industrial parks; providing logistical services in industrial parks, investment consulting, and science and technology transfer consulting; constructing, civil and transportation projects; providing forwarding and warehousing services; constructing electricity works up to 35 KV; trading residential houses (constructing or repairing houses for lease or sales); providing data and electronic file transfer services, remote access and other internet access services (ISP), providing internet contents (operating only when receiving a license in accordance with governmental regulations); providing information storage and services; organizing fairs, exhibitions, conferences and seminars.

The Company’s registered office is located at Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Company’s employees as at 31 December 2010 is 184 (31 December 2009: 220).

THE BOARD OF MANAGEMENT

The members of the Board of Management during the year and at the date of this report are:

Ms Dang Thi Hoang Yen	Chairwoman
Mr Nguyen Thanh Phong	Member
Mr Nguyen Tuan Minh	Member
Mr Dang Quang Hanh	Member

Corporate structure

The Company’s corporate structure includes 6 subsidiaries which are consolidated into the Group’s consolidated financial statements:

- ▶ Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd.

This is a one-member limited liability company established in accordance with Business Registration Certificate No. 4104000027 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 12 September 2001. Its principal activities are buying, selling and leasing out residential houses, workshops, offices, warehouses; and providing repair services. The Company owns 100% interest in this subsidiary.

► Tan Duc Investment Corporation:

This is a joint-stock company established in accordance with Business Registration Certificate No. 5003000109 issued by the Department of Planning and Investment of Long An province on 27 June 2005. Its principal activities are investing in construction and developing industrial parks, city and port and supporting services; space, workshop, office, hotel, restaurant and commercial center leasing. The Company owns 94% interest in this subsidiary.

► Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation:

This is a joint-stock company established in accordance with Business Registration Certificate No. 4103000408 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 May 2001. Its principal activities are forwarding goods overseas and domestically by sea, air, rail and land; providing agency services for delivery and transfer of import- export goods by air, sea, rail and land; warehouse leasing, loading and unloading, storing, packing good services and customs declaration services. The Company owns 90% interest in this subsidiary.

► Tan Tao 276 Investment Corporation:

This is a joint-stock company established in accordance with Business Registration Certificate No. 4103010071 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 21 April 2008. Its principal activities are construction and services. The Company owns 51% interest in this subsidiary.

► Tan Tao Mekong City Investment and Trading Corporation

This is a joint-stock company established in accordance with Business Registration Certificate No. 4103010034 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 17 April 2008. Its principal activities are constructing of civil, industrial projects and providing services. The Company owns 51% interest in this subsidiary.

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam dong ("VND") are prepared in accordance with the Vietnamese Accounting System and Vietnamese Accounting Standards ("VAS") issued by the Ministry of Finance as per the:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Standards on Accounting (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six

Vietnamese Standards on Accounting (Series 4); and

- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Standards on Accounting (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated balance sheet, consolidated income statement, consolidated cash flow statement and related notes, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

Accounting standard and guidance issued but not yet effective

On 6 November 2009, the Ministry of Finance issued Circular No. 210/2009/TT-BTC providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments. The adoption of the Circular will require further disclosures and have impact on the presentation of certain financial instruments in the financial statements. The Circular will become effective for financial years beginning on or after 1 January 2011. The Group's management is aware of the current trend toward International Financial Reporting Standards (IFRS) harmonization, and has concurrently prepared its financial statements in accordance with VAS and IFRS since 2005 and commenced its SAP implementation project in 2009.

2.2 Registered accounting documentation system

The registered accounting documentation system is the General Journal system.

2.3 Fiscal year

The Group's fiscal year starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4 Accounting currency

The Group maintains its accounting records in VND.

2.5 Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries as at and for the year ended 31 December 2010.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiaries are prepared for the same reporting period as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses resulting from intra-company transactions are eliminated in full.

Minority interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Change in accounting policies

The accounting policies adopted by the Group in preparation of the consolidated financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Group's annual consolidated financial statements for the year ended 31 December 2009 except for the change in the accounting policy in relation to the following:

During the financial year, the Group adopted Circular No. 244/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 31 December 2009 ("the Circular 244") providing amendments and supplements to the existing accounting regime. One of the key changes applicable to the Group is the classification of bonus and welfare fund as a liability in the balance sheet as opposed to the prior year's classification as an owner's equity item.

The Circular 244 is applied retrospectively. The change increases the total liabilities of the Group as at 31 December 2010 and 31 December 2009 by VND 78,170,000 and reduces the total owners' equity by the same amount.

3.2 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.3 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value. Net realisable value is the estimated selling price in the ordinary course of business, less estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Costs incurred in bringing each product to its present location and condition are accounted for as follows:

Costs of un-sold plots of land and related infrastructure	- land compensation, ground clearing, road and water drainage systems, tree planting and other infrastructure to bring the plots of land and related infrastructure into use. The costs of un-sold plots of land and related infrastructure are assigned using the weighted average cost formula.
---	---

3.4 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, along with the provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents the estimated loss due to non-collection arising on receivables that were outstanding at the balance sheet date. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administration expense in the consolidated income statement.

3.5 Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities

incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognized directly in the consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation. Goodwill is amortized over two (2) year period on a straight-line basis.

3.6 *Investments in associates*

The Group's investments in its associates is accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence that are neither subsidiaries nor joint ventures. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Group's share of net assets of the associates. Goodwill arising on acquisition of the associate is included in the carrying amount of the investment and is amortized over a ten (10) year period.

The share of post-acquisition profit (loss) of the associates is presented on the face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividends receivable from associates reduce the carrying amount of the investment.

The financial statements of the associates are prepared for the same reporting year as the parent company. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

3.7 *Investments in securities and other investments*

Investments in securities and other investments are stated at their acquisition costs. Provision is made for any diminution in value of the marketable investments at the balance sheet date representing the excess of the acquisition cost over the market value at that date in accordance with the guidance under Circular No. 228/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 7 December 2009. Increases and decreases to the provision balance are recorded as financial expense and income in the consolidated income statement.

3.8 *Fixed assets*

Tangible and intangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation and amortisation.

The cost of a fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the fixed asset to working condition for its intended use. Expenditures for additions, improvements and renewals are capitalised and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred. When fixed assets are sold or retired, their cost and accumulated depreciation and amortisation are removed from the consolidated balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the consolidated income statement.

3.9 Land use rights

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	10 years
Machinery and equipment	5 - 10 years
Motor vehicles	6 - 10 years
Office equipment	3 - 5 years
Land use rights	20 - 47 years
Goodwill	2 years

3.10 Investment properties

Investment properties are stated at cost including transaction costs less accumulated depreciation.

Subsequent expenditure relating to an investment property that has already been recognized is added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

Depreciation of investment properties are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Factories	10-15 years
Buildings	20 years

Investment properties are derecognised when either they have been disposed of or when the investment properties are permanently withdrawn from use and no future economic benefit is expected from its disposal. The difference between the net disposal proceeds and the carrying amount of the assets is recognised in the consolidated income statement in the year of retirement or disposal.

Transfers are made to investment properties when, and only when, there is a change in use, evidenced by ending of owner-occupation, commencement of an operating lease to another party or ending of construction or development. Transfers are made from investment properties when, and only when, there is change in use, evidenced by commencement of owner-occupation or commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the cost or the carrying value of the property for subsequent accounting at the date of change in use.

3.11 Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense when incurred, except when they qualify for capitalization. Capitalization of borrowing costs are applied for those that are directly

attributable to the acquisition, construction or production of a qualifying asset..

3.12 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

3.13 Operating lease

Rentals under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

3.14 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

3.15 Provision for severance allowance

The severance payment to employee is accrued at the end of each reporting period for all employees who have more than 12 months in service up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary of the latest 6-month period up to the termination for each year of service in accordance with the Labour Code and related implementing guidance. Any changes to the accrued amount will be taken to the consolidated income statement. From 1 January 2009, the Group pays unemployment insurance in accordance with Decree No. 127/2008/ND-CP dated 12 December 2008.

3.16 Foreign currency transactions

The Group follows the guidance under VAS 10 “The Effects of Changes in Exchange Rates” in relation to foreign currency transactions as applied consistently in prior years.

Transactions in currencies other than the Group’s reporting currency of VND are recorded at the exchange rates ruling at the date of the transaction. At the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated at inter-bank exchange rates ruling at the balance sheet date. All realised and unrealised foreign exchange differences are taken to the consolidated income statement.

The above guidance related to unrealised foreign exchange differences provided by VAS 10 is different from those stipulated in the Circular No. 201/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 15 October 2009 providing guidance for the treatment of foreign exchange differences (the “Circular 201”) as follows:

<i>Transaction</i>	<i>VAS 10</i>	<i>Circular 201</i>
Translation of short-term monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies.	All unrealised foreign exchange differences are taken to the consolidated income statement.	All unrealised foreign exchange differences are taken to the “Foreign exchange differences reserve” account in the equity section of the balance sheet and will be reversed on the following year.
Translation of long-term monetary liabilities denominated in foreign currencies at year-end.	All unrealised foreign exchange differences are taken to the consolidated income statement.	- All unrealised foreign exchange gains are taken to the consolidated income statement. - All foreign exchange losses will be charged to the consolidated income statement. However, if the charging of all foreign exchange losses results in net loss before tax for the company, part of the exchange losses can be deferred and allocated to the consolidated income statement within the subsequent five years. In any case, the total foreign exchange loss to be charged to current year’s income must be at least equivalent to the foreign exchange losses arising from the translation of the current portion of the long-term liabilities, while the remaining portion of the foreign exchange losses can be deferred in the consolidated balance sheet and allocated to the consolidated income statement within the subsequent five years.

The impact to the consolidated financial statements had the Group adopted the Circular 201 from financial years beginning on or after 1 January 2009 is presented in Note 35.

3.17 Treasury shares

The Company’s equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognised at

cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Company's own equity instruments.

3.18 Earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary shareholders, before appropriation for bonus and welfare fund, by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, where applicable.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Group (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.19 Appropriation of net profits

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval at the shareholders' meeting, and after making appropriations to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnamese regulatory requirements.

Financial reserve fund

Financial reserve fund is appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Management and subject to approval by shareholders at the Annual General Meeting. The fund is set aside to protect the Group's normal operations from business risks or losses, and to prepare for unforeseen losses or damages for objective reasons and force majeure, such as fire, economic and financial turmoil of the country or elsewhere.

Bonus and welfare fund

Bonus and welfare fund is appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Management and subject to approval by shareholders at the Annual General Meeting. This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouragement, common benefits and improvement of the employees' material and spiritual benefits, and is recognised as a liability as disclosed in Note 3.1.

3.20 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and other sales taxes or duty. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of industrial plots and related infrastructure

Revenue from the sale of industrial plots and related infrastructure are recorded at the total consideration received and to be received when industrial plots and related infrastructure are transferred to the customers.

Revenue from lease of factory, warehouse and office

Revenue from lease is recognised at the present value of minimum lease payments when the leased property has been transferred to the lessee.

Rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised as and when the services are rendered to the customers and are stated net of discounts, value-added tax and allowances.

Rental income

Rental income arising from operating leases is accounted for in the consolidated income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

Interest income

Revenue is recognised as interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Revenue is recognised when the Group's right to receive the payment is established.

3.21 Taxation*Current tax*

Current tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted by the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in

- a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- in respect of taxable temporary differences associated with investments in subsidiaries and associates, where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- in respect of deductible temporary differences associated with investments in subsidiaries, associates and deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

Deferred tax

Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied on the same taxable entity by the same taxation authority.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cash on hand	622,936,850	1,141,588,942
Cash in banks	59,333,578,744	68,574,131,812
Cash equivalents	-	35,254,395,437
TOTAL	59,956,515,594	104,970,116,191

5. TRADE RECEIVABLES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
<i>Third parties</i>	1,441,577,045,819	603,744,926,944
Related parties (Note 32)	1,186,650,921,714	913,321,903,494
TOTAL	2,628,227,967,533	1,517,066,830,438
<i>Of which:</i>		
<i>Current portion</i>	860,601,219,792	477,474,373,525
<i>Non-current portion</i>	1,767,626,747,741	1,039,592,456,913

Trade receivables as at 31 December 2010 include a receivable of US\$3,500,000, which was pledged for a short-term loan from HSBC Bank (Vietnam) Ltd (Note 18).

6. ADVANCES TO SUPPLIERS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Advance to Vietnam Land Development Joint Stock Company	415,010,279,586	349,096,360,000
Advance to Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	48,656,373,356	-
Advance to other suppliers	218,667,627,960	154,537,455,791
TOTAL	682,334,280,902	503,633,815,791

7. OTHER RECEIVABLES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
<i>Related parties (Note 32)</i>	132,768,942,825	175,530,098,744
Third parties	<u>41,138,894,431</u>	<u>99,178,428,140</u>
TOTAL	<u>173,907,837,256</u>	<u>274,708,526,884</u>

8. INVENTORIES

Inventories represent unsold industrial plots comprising of costs of land compensation, qualified borrowing costs and the infrastructure development incurred in the development of the Group's projects.

9. SHORT-TERM PREPAID EXPENSES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Maintenance and improvement expenses	20,245,555,416	26,770,602,528
Others	<u>31,172,678</u>	<u>102,391,668</u>
TOTAL	<u>20,276,728,094</u>	<u>26,872,994,196</u>

9. OTHER CURRENT ASSETS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Advance to employees	10,991,624,678	8,499,939,696
Deposits	<u>42,427,000</u>	<u>42,427,000</u>
TOTAL	<u>11,034,051,678</u>	<u>8,542,366,696</u>

11. TANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	Buildings & structures	Machinery & equipment	Motor vehicles	Office equipment	Other asset	Total
Cost:						
Beginning balance	60,776,047,215	6,273,703,412	26,312,524,561	2,947,731,148	71,556,420	96,381,562,756
Additions	6,582,132,907	642,696,499	1,895,189,966	308,095,551	-	9,428,114,923
Disposal	-	-	(17,237,000)	-	-	(17,237,000)
Ending balance	67,358,180,122	6,916,399,911	28,190,477,527	3,255,826,699	71,556,420	105,792,440,679
Fully depreciated	2,150,716,606	809,164,600	1,066,258,010	1,473,431,352	-	5,499,570,568
Accumulated depreciation:						
Beginning balance	9,520,716,378	2,147,188,232	9,388,010,412	2,391,437,499	31,472,140	23,478,824,661
Charges for the year	5,788,372,999	1,258,832,513	3,921,163,491	291,903,794	14,311,284	11,274,584,081
Disposal	-	-	(9,028,904)	-	-	(9,028,904)
Ending balance	15,309,089,377	3,406,020,745	13,300,144,999	2,683,341,293	45,783,424	34,744,379,838
Net carrying amount:						
Beginning balance	51,255,330,837	4,126,515,180	16,924,514,149	556,293,649	40,084,280	72,902,738,095
Ending balance	52,049,090,745	3,510,379,166	14,890,332,528	572,485,406	25,772,996	71,048,060,841

12. INTANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	<i>Land use rights</i>	<i>Software</i>	<i>Total</i>
Cost:			
Beginning and ending balances	<u>16,696,109,435</u>	<u>4,296,215,505</u>	<u>20,992,324,940</u>
Accumulated amortisation:			
Beginning balance	271,908,060	970,054,341	1,241,962,401
Charges for the year	<u>186,771,336</u>	<u>859,243,092</u>	<u>1,046,014,428</u>
Ending balance	<u>458,679,396</u>	<u>1,829,297,433</u>	<u>2,287,976,829</u>
Net carrying amount:			
Beginning balance	<u>16,424,201,375</u>	<u>3,326,161,164</u>	<u>19,750,362,539</u>
Ending balance	<u>16,237,430,039</u>	<u>2,466,918,072</u>	<u>18,704,348,111</u>

13. CONSTRUCTION IN PROGRESS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Construction of workers' apartments	148,619,803,068	94,940,025,101
Waste water treatment station	4,858,876,088	155,752,997
SAP software implementation	3,837,596,600	3,553,020,000
Office building in Ha Noi	3,686,236,000	3,174,536,000
Purchase of fixed assets	-	909,842,415
Others	1,016,081,627	958,493,000
TOTAL	162,018,593,383	103,691,669,513

14. INVESTMENT PROPERTIES

VND

Cost:	
Beginning balance	19,168,802,526
Addition	<u>46,858,171,802</u>
Ending balance	<u>66,026,974,328</u>
Accumulated amortisation:	
Beginning balance	4,099,099,543
Charges for the year	<u>2,088,353,905</u>
Ending balance	<u>6,187,453,448</u>
Net carrying amount:	
Beginning balance	<u>15,069,702,983</u>
Ending balance	<u>59,839,520,880</u>

Additional disclosures:

- The rental income and operating expenses relating to investment properties is presented as below:

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Rental income from investment properties	7,838,546,850	8,054,562,000
Direct operating expenses of investment property that generated rental income during the year	(1,670,962,223)	(1,299,100,000)

- The future annual rental receivable under the operating lease is included in Note 33.
- As at 31 December 2010, the fair value of investment properties cannot be determined reliably. However, given the present lease status, it is management's assessment that these properties' market values are higher than their carrying values at the balance sheet date.

15. INVESTMENTS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Long-term investments		
Investments in associates	159,760,599,543	159,895,589,000
Other long-term investments:		
Investments in listed entities	61,907,250,000	26,595,729,028
Investments in unlisted entities	154,702,810,000	154,702,810,000
Investments in other entities	2,529,161,492,697	,212,193,724,174
Other investments	189,035,968,334	188,031,727,342
TOTAL	<u>3,094,568,120,574</u>	<u>2,741,419,579,544</u>
Provision for long-term investments		
Investments in listed entities	(3,600,000,000)	(4,052,500,000)
TOTAL	<u>3,090,968,120,574</u>	<u>2,737,367,079,544</u>

13.1 Investments in associates

The Group has invested in the following associates in which it has strong expertise or the type of business or services serving its principal activities, with details of its interest as follows:

	<i>Percentage of holding</i>	
	<i>2010</i>	<i>2009</i>
Tan Tao Agrimeco Mechanics – Energy Industrial Park Corporation	49%	49%
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	40%	40%

Tan Tao Agrimeco Mechanics – Energy Industrial Park Corporation was established in accordance with Business Registration Certificate No. 0503000261 issued by the Department of Planning and Investment of Hung Yen Province on 24 October 2007. Its principal activities are developing industrial parks and related infrastructures and providing associated services inside the industrial park and logistical services.

Tan Tao Urban Development and Investment Corporation was established in accordance with Business Registration Certificate No. 4103000413 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 11 May 2001. Its principal licensed activities are residential and industrial construction and trading and investment consulting.

The above companies are private entities and are not listed on any public stock exchange. The following table illustrates the summarized financial information of the Group's investments in these companies:

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cost of the investments	160,000,000,000	160,000,000,000
Share of post-acquisition losses	<u>(239,400,457)</u>	<u>(104,411,000)</u>
TOTAL	<u>159,760,599,543</u>	<u>159,895,589,000</u>

15.2 Investments in listed entities

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Nam Viet Commercial Joint Stock Bank	55,744,250,000	-
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	5,225,000,000	5,225,000,000
Kim Long Securities Corporation	938,000,000	20,545,000,000
Viet Nam Mechanization Electrification And Construction Joint Stock Company	<u>-</u>	<u>825,729,028</u>
	61,907,250,000	26,595,729,028
Provision for diminution in value	<u>(3,600,000,000)</u>	<u>(4,052,500,000)</u>
NET VALUE	<u>58,307,250,000</u>	<u>22,543,229,028</u>

15.3 Investments in unlisted entities

VND

	<i>Ending balance</i>		<i>Beginning balance</i>	
	<i>Amount VND</i>	<i>% of interest</i>	<i>Amount</i>	<i>% of interest</i>
Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	149,100,000,000	7.63	149,100,000,000	7.63
276 Mechanics Corporation	5,602,810,000	16.40	5,602,810,000	16.40
NET VALUE	154,702,810,000		154,702,810,000	

15.4 Investments in other entities

The Group has invested in the following other entities in which it has strong expertise or the type of business or services serving its principal activities, with details of its interest as follows:

VND

	<i>Ending balance</i>		<i>Beginning balance</i>	
	<i>Amount</i>	<i>% of interest</i>	<i>Amount</i>	<i>% of interest</i>
Tan Tao Energy Corporation	729,885,668,000	10.00	418,176,650,174	10.00
Tan Tao University Corporation	688,702,251,810	12.00	628,002,252,000	12.00
Tan Tao Infrastructure Corp.	571,740,686,859	10.00	571,440,686,000	10.00
Tan Tao Land	505,832,886,028	10.00	505,829,886,000	10.00
Saigon - Nhon Hoi Industrial Park Corporation	16,000,000,000	16.00	16,000,000,000	16.00
Saigon Construction Materials Corp.	9,000,000,000	18.00	9,000,000,000	18.00
Vinatex - Tan Tao Investment Corporation	8,000,000,000	10.00	8,000,000,000	10.00
Nam Viet Commercial Joint Stock Bank	-	-	55,744,250,000	8.00
TOTAL	2,212,193,724		2,760,887,842	

15.5 Other long-term investments

Included in other investments are reimbursable expenses of VND 100,001,481,817 as of 31 December 2010 and 2009 relating to site clearance expense of Tan Tao 276 Mechanics Corporation - for the project related to the construction of office building at 220 Bis Dien Bien Phu Street, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City - in accordance with the agreement between the Company and 276 Mechanics Corporation on the establishment of Tan Tao 276 Investment Corporation, 51% owned by the Company. This project is still on-going and under design phase.

The other investment of VND 53,053,395,384 as of 31 December 2010 and 2009 represents the cost of the land and infrastructure on total land area of 68,165 square meters, which is located at Bai Sao, Ward 4, An Thoi District, Phu Quoc Island, Kien Giang Province, Vietnam.

The remaining other investment of VND 35,661,091,133 (31 December 2009: VND 34,976,850,141) mainly including VND 23,980,500,000, VND 4,836,711,995 and VND 3,994,086,881 represents the cost of the land and infrastructure in Nha Be District, Ho Chi Minh City, Hai Au Island and Tan Tao Cement projects, respectively.

16. LONG-TERM PREPAID EXPENSES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Advertising expenses	14,545,454,546	-
Tools and supplies	1,233,556,896	1,126,766,121
Others	<u>384,799,631</u>	<u>-</u>
TOTAL	<u>16,163,811,073</u>	<u>1,126,766,121</u>

17. CAPITALIZED BORROWING COSTS

During the year, the Group capitalized borrowing costs amounting to VND 123,716,229,563 (2009: VND 68,491,518,019). These costs relate to borrowings taken to finance the development and construction of the Group's projects.

18. SHORT-TERM LOANS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Short-term loans from banks	401,964,000,000	168,463,409,601
Current portion of long-term loans (Note 25)	464,579,154,745	215,017,350,349
TOTAL	<u>866,543,154,745</u>	<u>383,480,759,950</u>

Short-term loans from banks

<i>Name of bank</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Term and maturity date</i>	<i>Interest rate</i>	<i>Description of collateral</i>
	VND			
Western Commercial Joint Stock Bank	137,500,000,000	Payment within 12 months from 15 October 2010	17.5% per annum and can be adjusted every three months	10,000,000 stocks of ITA Fund
Nam Viet Commercial Joint Stock Bank	90,000,000,000	Revolving short-term loan with a term of 12 months	18.5% per annum and can be adjusted every three months	Land use right in E-City Tan Duc

Nam Viet Commercial Joint Stock Bank	79,000,000,000	Payment within 12 months from 24 December 2010	19.2% per annum	Unsecured
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	48,000,000,000	Repayable in 2 six-month instalments	15% per annum	Land lease right of plot 12, plot 18A, plot 56, plot 14 and Land No.2845 at Duc Hoa Ha, Duc Hoa, Long An
Housing Development Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City	40,464,000,000	Payment within 6 months from drawdown date	Interest is determined at each drawdown date as noticed by the Bank	130,000,000 shares of Tan Duc Investment Corporation
HSBC Bank (Vietnam) Ltd	7,000,000,000	Revolving short-term loan with a term of 4 months	Cost of fund plus 2.5% per annum	Receivable amounting to US\$ 3,500,000 (Note 5)
TOTAL	<u>401,964,000,000</u>			

The Group obtained these loans for the purpose of financing its working capital requirements.

19. TRADE PAYABLES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Third parties	131,159,849,414	50,331,762,387
A related party (Note 32)	<u>15,274,955,122</u>	<u>24,069,491,446</u>
TOTAL	<u>146,434,804,536</u>	<u>74,401,253,833</u>

20. ADVANCES FROM CUSTOMERS

Advances from customers represent the non-interest bearing advances for land lease contracts received from the Group's customers relating to land which has not been handed over as at 31 December 2010.

21. STATUTORY OBLIGATIONS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
<i>Corporate income tax (Note 31.2)</i>	55,174,922,936	54,633,038,430
<i>Value-added tax payable</i>	3,217,067,229	1,724,086,464
<i>Personal income tax</i>	9,724,266	145,075,638
<i>Other taxes</i>	<u>2,405,364,791</u>	<u>5,483,176,387</u>
TOTAL	<u>60,807,079,222</u>	<u>61,985,376,919</u>

22. ACCRUED EXPENSES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
<i>Cost to complete of the sold land/factories</i>	76,463,561,928	-
<i>Interest expense</i>	7,645,139,560	2,426,432,512
<i>Operating expenses</i>	1,216,735,016	213,336,845
<i>Others</i>	<u>2,281,126,349</u>	<u>1,614,268,244</u>
TOTAL	<u>87,606,562,853</u>	<u>4,254,037,601</u>

23. OTHER PAYABLES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
<i>Related parties (Note 32)</i>	243,419,898,271	187,696,041,533
<i>Third parties</i>	<u>136,807,067,161</u>	<u>70,157,247,146</u>
TOTAL	<u>380,226,965,432</u>	<u>257,853,288,679</u>

During 2009, the Group obtained over VND 900 billion from bank loans to finance land compensation, site clearance and infrastructure development projects at Tan Duc and Kien Luong. Both of these projects qualified under the government's stimulus package and consequently were financed at subsidised interest rates. Details of these loans from banks are set out in the table below.

24. OTHER LONG-TERM LIABILITIES

Long-term liabilities represent the deposits received from the Group's customers for factory and land rental contracts in the industrial park.

25. LONG-TERM LOANS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Long-term loans from banks (i)	1,691,976,929,598	1,226,573,552,419
Bonds issued (ii)	130,000,000,000	-
Other long-term loan (iii)	61,003,840,980	53,638,335,590
<i>Less:</i>		
Current portion (Note 18)	(464,579,154,745)	(215,017,350,349)
<i>In which:</i>		
Long-term loans from banks	(456,847,424,497)	(209,650,799,349)
Other long-term loans	<u>(7,731,730,248)</u>	<u>(5,366,551,000)</u>
Non-current portion	<u>1,418,401,615,833</u>	<u>1,065,194,537,660</u>

During 2010, the Group obtained over VND 1,470 billion from bank loans to finance land compensation, site clearance and infrastructure development costs for projects at E City Tan Duc, Kien Luong Power factory, entertainment center and Tan Tao Cement factory. All of these projects qualified under the government's stimulus package and consequently were financed at subsidised interest rates. Details of these loans from banks are set out in the table below:

(i) Long-term loans from banks

VND

Name of bank	Ending balance	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral
	VND			
Bank for Investment and Development of Vietnam	464,286,000,000	60 months from the first drawdown	10.5% per annum	Land use right 41,786 m2 at Tan Tao; Kien Luong and Tan Duc project
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	325,920,000,000	60 months from the first drawdown	12 month deposit rate plus 0.25% per month	Right to collect the Receivable and Land use right
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	214,867,000,000	Repayment within 60 months from the first drawdown	12-month deposit rate plus 0.25% per month	Right to collect the Receivable and Land use right
Vietnam Maritime Joint Stock Bank	200,000,000,000	Repayment within 60 months from the first drawdown	Prevailing interest rate applied by the Bank	561,839 m2 of land and infrastructures in Tan Duc's industrial zone, stage 2, financed by the loan
Western Commercial Joint Stock Bank	140,000,000,000	Quarterly repayment within 60 months from the first drawdown	One-week deposit rate plus 5.5% per annum and can be adjusted every month	15,000,000 stocks of Tan Tao University, the land use right of 17,891m2 of the Commercial Centre 4
Nam Viet Commercial Joint Stock Bank	101,800,000,000	The principal will be repaid over 60 months	10.5% per year, can be adjusted every 6 months	Land use right No.Q553118, Q553114 issued on 17/07/2000, No. O425114 issued on 21/09/1999, No.O425113 issued on 21/09/1999, No.T923650 issued on 31 January 2002

<i>Name of bank</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Term and maturity date</i>	<i>Interest rate</i>	<i>Description of collateral</i>
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	99,807,000,000	Quarterly repayment	Floating rate based on withdrawal advice	15,000,000 shares of Tan Duc Investment Corporation and the land use right formed by the loan valued at VND 181 billion
Indovina Bank Ltd.	36,741,085,087	17 instalments within 48 months after each drawdown	12-month deposit rate plus 0.25% per month	Right to collect the Receivable and Land use right
Bank for Investment and Development of Vietnam	35,675,384,000	72 months from the first drawdown	Prevailing interest rate applied by the Bank	468,000 shares of ITA and value of VND 43,543,000,000 of Tan Duc Star Apartment
Bank for Agriculture and Rural Development	32,290,000,000	Quarterly repayment over 16 quarters	15.5% per annum	Loan within 60 months, the first down payment after 12 months from loan receiving date 15 June 2009
Ho Chi Minh City Housing Development Bank	20,590,000,000	60 months from the first drawdown	Prevailing interest rate applied by the Bank	7,000,000 shares of Tan Duc Investment Corporation
Vietnam Development Bank	20,000,460,511	Repayment within 84 months from the first drawdown with 18-month grace period	Prevailing interest rate applied by the Bank	Total value of future assets formed from the project "Waste water treatment Plant" amounting to VND 59 billion
TOTAL	1,691,976,929,598			

ii) Bonds issued

On 10 December 2010, the Group issued bonds with principal amounting to VND 130 billion and will mature on 10 December 2015. The interest rate applied for the first year of issuance is 16% and will be the 12-month deposit rates plus 4% in the subsequent years. The bonds are guaranteed by the Bank for Investment and Development of Vietnam and is obtained for the purpose of financing the construction and development for Block B of the E-City Tan Duc Apartment project in Long An province and the infrastructure of Kien Luong project in Kien Giang province.

(iii) Other long-term loans

<i>Name of lenders</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Term and maturity date</i>	<i>Interest rate</i>	<i>Description of collateral</i>
	VND			
Investment and Development Fund of Ho Chi Minh City	43,003,840,980	120 months	Interest rate of Ho Chi Minh City's bond plus 0.5% per annum thereon	2,500,000 shares of Tan Duc Investment Corporation
Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation	14,000,000,000	60 months	State Bank's deposit interest rate plus 5.8% per annum.	Unsecured
Long An Province's Fund Investment and Development	4,000,000,000	84 months from the first drawdown with 12-month grace period	10% per annum	Land use right of 24.327 ha and total value of future assets formed from the project "Vocational Training and Applications Tan Duc centres" amounting to VND 123 billion
TOTAL	61,003,840,980			

26. OWNERS' EQUITY

26.1 Changes in owners' equity

For the year ended 31 December 2009

VND

	Issued share capital	Share premium	Treasury shares	Financial reserves	Undistributed earnings	Total
Beginning balance	1,322,447,640,000	2,557,853,518,771	(2,941,100,000)	9,154,986,000	701,521,743,000	4,588,036,787,771
New issuance of shares appropriated from bonus and welfare fund	36,621,830,000	-	-	-	-	36,621,830,000
Stock dividends	700,408,450,000	(190,221,579,000)	-	-	(510,186,871,000)	-
Acquisition of treasury shares	-	-	(48,530,000)	-	-	(48,530,000)
Net profit for the year	-	-	-	-	423,487,224,210	423,487,224,210
Ending balance	<u>2,059,477,920,000</u>	<u>2,367,631,939,771</u>	<u>(2,989,630,000)</u>	<u>9,154,986,000</u>	<u>614,822,096,210</u>	<u>5,048,097,311,981</u>

For the year ended 31 December 2010

VND

	Issued share capital	Share premium capital	Treasury shares	Financial reserves	Undistributed earnings	Total
Beginning balance	2,059,477,920,000	2,367,631,939,771	(2,989,630,000)	9,154,986,000	614,822,096,210	5,048,097,311,981
New issuance of shares in cash	75,000,000,000	-	-	-	-	75,000,000,000
Cost of issuance shares	-	(576,955,260)	-	-	-	(576,955,260)
Stock dividends	1,278,277,730,000	(745,662,377,000)	(561,592,500)	-	(532,053,760,500)	-
Acquisition of treasury shares	-	-	(4,146,307,500)	-	-	(4,146,307,500)
Net profit for the year	-	-	-	-	666,541,370,544	666,541,370,544
Ending balance	<u>3,412,755,650,000</u>	<u>1,621,392,607,511</u>	<u>(7,697,530,000)</u>	<u>9,154,986,000</u>	<u>749,309,706,254</u>	<u>5,784,915,419,765</u>

26.2 Capital transactions with owners and distribution of dividend, profits

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
<i>Issued share capital</i>		
Beginning balance	2,059,477,920,000	1,322,447,640,000
Increase	<u>1,353,277,730,000</u>	<u>737,030,280,000</u>
Ending balance	<u>3,412,755,650,000</u>	<u>2,059,477,920,000</u>
<i>Dividends</i>		
Stock dividend	<u>1,278,277,730,000</u>	<u>700,408,450,000</u>
TOTAL	<u>1,278,277,730,000</u>	<u>700,408,450,000</u>

26.3 Shares

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Shares authorised to be issued	500,000,000	200,000,000
Shares issued and fully paid	341,275,565	205,947,792
<i>Ordinary shares</i>	<i>341,746,355</i>	<i>205,908,324</i>
<i>Treasury shares</i>	<i>(470,790)</i>	<i>(39,468)</i>
Unissued shares	158,724,435	-

26.4 Earnings per share

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
		(*)
<i>Net profit attributable to ordinary equity holders</i>	666,541,370,544	423,487,224,210
of the parent (VND)	<u>340,538,765</u>	<u>333,775,565</u>
<i>Weighted average number of ordinary shares</i>		
<i>Basic/diluted earnings per share (par value: VND 10,000 per share)</i>	<u>1,957</u>	<u>1,269</u>

There have been no other transactions involving ordinary shares or potential ordinary shares between the reporting date and the date of completion of these consolidated financial statements.

(*) The weighted average number of ordinary shares for the year 2009 was adjusted to reflect the issuance of 1,278,277,730 shares appropriated from the undistributed earnings, share premium during the year 2010.

27. MINORITY INTEREST

Minority interests represent the interests of minority shareholders in Tan Duc Investment Corporation, the Company's subsidiary. Movements in minority interests during the year are as follows:

	VND
Beginning balance	(542,789,000)
Share of net assets after tax	10,629,631,124
Other movement for the year	(5,000,000)
Ending balance	10,081,842,124

28. REVENUES

28.1 Revenues from sale of goods and rendering of services

VND

	Current year	Previous year
Gross revenues	2,687,779,546,555	1,352,965,406,038
Of which :		
<i>Sale of industrial plots and related infrastructures</i>	2,389,086,675,063	1,200,163,172,420
<i>Sale of residential apartments</i>	170,521,325,862	-
<i>Rendering of services</i>	100,147,146,924	48,443,992,115
<i>Finance lease of factory, warehouse and office</i>	28,024,398,706	104,358,241,503
Less		
<i>Sales returns</i>	(174,308,689,352)	(149,878,232,400)
Net revenues	2,513,470,857,203	1,203,087,173,638
Of which :		
<i>Sale of industrial plots and related infrastructures</i>	2,214,777,985,711	1,050,284,940,020
<i>Sale of residential apartments</i>	170,521,325,862	-
<i>Rendering of services</i>	100,147,146,924	48,443,992,115
<i>Finance lease of factory, warehouse and office</i>	28,024,398,706	104,358,241,503
TOTAL	2,513,470,857,203	1,203,087,173,638

28.2 Financial income

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Dividends income	350,719,561,000	193,533,090,800
Unrealised foreign exchange gains	22,366,450,191	29,738,612,976
Interest income from land and factory rental contracts	17,847,976,595	37,940,252,918
Bank interest income	13,422,327,176	1,196,005,533
Realised foreign exchange gains	7,896,425,133	8,176,418,748
Profit on trading of securities	4,387,354,532	-
Reversal of provisions for diminution in value of investments	-	54,575,619,489
Others	104,264	60,726,346
TOTAL	416,640,198,891	325,220,726,810

29. FINANCIAL EXPENSES

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Loan interest expenses	50,756,316,521	33,209,674,631
Provision for diminution in value of investments	2,142,241,339	4,493,923,000
Realised foreign exchange losses	441,775,951	1,043,640,000
Loss from disposal of investments	-	10,721,410,000
Others	4,897,014,150	5,672,337,120
TOTAL	58,237,347,961	55,140,984,751

30. OTHER INCOME AND EXPENSES

VND'000

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Other income	14,283,771,552	66,578,468,497
Income from maintenance service rendered for Water Treatment system	9,901,243,637	1,295,454,545
Compensation for late payments from customers	2,594,754,161	526,296,054
Proceeds on disposal of assets	259,263,040	59,490,707,258
Compensation for cancellation of lease	3,396,800	2,134,940,975
Others	1,525,113,914	3,131,069,665

Other expenses	(10,460,197,314)	(58,680,352,460)
Penalty	(1,169,440,334)	-
Expenses on disposal of assets	-	(55,995,833,077)
Others	<u>(9,290,756,980)</u>	<u>(2,684,519,383)</u>
NET	<u>3,823,574,238</u>	<u>7,898,116,037</u>

31. CORPORATE INCOME TAX

The Group has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 25% of taxable profits, except for Tan Duc Investment Corporation and Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd.

Tan Duc Investment Corporation is obliged to pay CIT at the rate of 10% for 15 years from commencement of its operations, and 25% for the years thereafter. Tan Duc Investment Corporation is entitled to an exemption from CIT for 6 years from 2006 to 2012, and a 50% reduction for the following 9 years.

Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd. is obliged to pay CIT at the rate of 20% of taxable profits. Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd. is entitled to a 50% reduction for the years 2008 and 2009.

The Group's tax returns are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

31.1 CIT expense

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Current CIT expense	36,530,692,061	53,246,800,797
Deferred CIT expense	<u>68,828,949,568</u>	<u>29,818,234,242</u>
TOTAL	<u>105,359,641,629</u>	<u>83,065,035,039</u>

26.2 Current CIT

The current tax payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit of the Group for the year differs from profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

A reconciliation between the accounting profit before and taxable profit for the year is presented below:

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Net accounting profit before tax	782,530,643,297	512,289,588,821
<i>Adjustments for:</i>		
Exempted dividends income	(350,719,561,000)	(193,533,090,800)
Profit from sale of industrial plots and related infrastructures not yet taxable	(240,032,462,676)	(91,261,738,001)
Change in unrealised foreign exchange gains	(12,221,148,076)	(924,877,998)
Effect of unrealised profit in consolidation	(7,109,755,516)	42,237,638,000
Interest income on factory rental contracts	(5,617,194,950)	-
Change in provision for severance allowance	(574,067,348)	138,593,200
Unbilled income	(216,328,101)	-
Accrued for operating expenses	10,825,737,226	-
Share of losses in associates	134,989,457	40,838,000
Other non-deductible expense	<u>2,365,453,528</u>	<u>64,217,276,000</u>
Taxable profit	<u>179,366,305,841</u>	<u>333,204,227,222</u>
Estimated current CIT expense	44,841,576,460	83,301,058,121
CIT exemption	(1,392,376,906)	(7,921,432,004)
CIT reduction	(2,919,077,546)	(3,660,617,003)
CIT from other income	<u>219,804,434</u>	<u>468,464,864</u>
Estimated current CIT expense	40,749,926,442	72,187,473,978
CIT reduction based on Circular No. 03/2009/TT-BTC	-	(21,656,240,742)
(Over) under-accruals from prior years	(4,219,234,381)	2,715,567,561
CIT payable at beginning of year	54,633,038,430	16,131,095,875
CIT paid during the year	<u>(35,988,807,555)</u>	<u>(14,744,858,242)</u>
CIT payable at end of year	<u>55,174,922,936</u>	<u>54,633,038,430</u>

31.3 Deferred CIT

Following are the deferred tax assets (liabilities) recognized by the Group, and the movements thereon, during the current and prior reporting year.
 VND

	Consolidated balance sheet		(Charge) credit to consolidated income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Profit from sale of industrial plots and related infrastructures not yet taxable	(164,703,442,097)	(122,410,745,241)	(42,292,696,856)	(40,486,376,000)
Unrealised foreign exchange gains	(11,026,447,737)	(7,658,627,691)	(3,367,820,046)	(1,761,969,000)
Interest income of factory rental	(1,184,494,303)	1,857,682,000	(3,042,176,303)	1,857,682,000
Unbilled revenue	(54,082,026)	-	(54,082,026)	-
Unrealised profit in consolidation	8,779,938,735	10,557,377,614	(1,777,438,879)	10,557,377,614
Accrual of operating expenses	2,377,509,721	-	2,377,509,721	-
Provision for severance allowance	61,072,800	319,561,375	(258,488,575)	(18,350,856)
Others	(20,441,515,979)	-	(20,441,515,979)	-
Deferred tax liabilities	(186,191,460,886)	(117,334,751,943)	(68,856,708,943)	(29,851,636,242)
Provision for severance allowance	61,161,375	33,402,000	27,759,375	33,402,000
Deferred tax assets	61,161,375	33,402,000	27,759,375	33,402,000
Net deferred income tax charged to the consolidated income statement			(68,828,949,568)	(29,818,234,242)

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

VND

Related parties	Relationship	Transactions	Amount
Tan Tao Energy Corporation	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Leasing of factory and rendering of service	1,082,240,000,000
		Capital contribution	311,709,018,523
		Dividends	88,000,000,000
Tan Tao University Corporation	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Sale returns	95,454,545,455
		Capital contribution	60,700,000,000
		Rendering of service	1,155,070,600
Tan Tao Infrastructure Corp	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Dividends	260,300,000,000
		Capital contribution	300,000,000
Tan Dong Phuong Corporation	Major shareholder	Sale returns	68,452,721,604
		Advance for lease back of land area	51,800,000,000
Vietnamese Broadcasting Corporation	Related party	Other advances	100,000,000

Amounts due to and due from related parties at the balance sheet date were as follows:

VND

Related parties	Relationship	Transactions	Amount
Trade receivables			
Tan Tao Energy Corporation	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Sales of goods	1,004,200,909,093
Vietnamese Broadcasting Corporation	Related party	Sales of goods	156,940,019,714
Tan Dong Phuong Corporation	Major shareholder	Sales of goods	24,245,944,847
Tan Tao University Corporation	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Rendering of service	1,264,048,060
			1,186,650,921,714

Other payables			
Tan Dong Phuong Corporation	Major shareholder	Advance for lease back of land area	132,768,942,825
Trade payables			
Vietnamese Broadcasting Corporation	Related party	Advertising service	15,274,955,122
Other payables			
Tan Tao Energy Corporation	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Advance for land rental	206,060,000,000
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	Operating Fund Advance	20,050,000,000
		Other	1,050,000,000
Tan Tao University Corporation	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Operating Fund Advance	7,000,000,000
Tan Tao Infrastructure Corp	Invested entity with less than 20% ownership by the Company	Operating Fund Advance	5,100,000,000
Tan Dong Phuong Corporation	Major shareholder	Operating Fund Advance	4,159,898,271
			243,419,898,271

33. COMMITMENTS AND CONTINGENCIES

Operating lease commitments

The Company leases its office premises under operating lease arrangement. Future rental amounts due under operating lease as at 31 December 2010 were as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Less than one year	4,328,582,935	10,900,857,400
From 1 – 5 years	9,205,316,918	13,161,284,328
More than 5 years	26,022,133,815	27,862,580,000
TOTAL	39,556,033,668	51,924,721,728

The Group lease out assets under operating lease arrangements. The future minimum rental receivable as at 31 December 2010 under the operating lease agreements is as follows:

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Less than 1 year	12,409,597,577	4,048,027,830
From 1-5 years	61,738,466,310	16,717,117,009
More than 5 years	<u>122,620,057,881</u>	<u>5,079,628,154</u>
TOTAL	<u>196,768,121,768</u>	<u>25,844,772,993</u>

Capital commitments

The Group has contractual commitments for the construction works and services for its projects as at 31 December 2010 as follows:

VND

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Construction of infrastructure systems	823,570,215,298	483,441,309,219
Ground clearing	171,349,753,486	65,267,075,136
Construction of warehouses	108,976,369,425	63,960,631,230
Survey consultancy	70,072,261,102	6,528,512,700
Design consultancy	10,400,128,777	17,513,075,000
Purchase of machinery and equipment	4,460,543,024	1,882,680,000
Geological survey	729,950,000	2,764,979,000
Operating services	<u>-</u>	<u>728,759,500</u>
TOTAL	<u>1,189,559,221,112</u>	<u>642,087,021,785</u>

Capital contribution obligation

As at 31 December 2010, the Group has also outstanding capital obligations for its investments in associates as follows:

		<i>Charter capital</i>			
		<i>Amount per business registration certificate</i>		Contributed charter capital	Un-contributed charter capital
		<i>VND'000</i>	<i>%</i>	<i>VND'000</i>	<i>VND'000</i>
Tan Tao Agrimeco Mechanics – Energy Industrial Park Corporation	Associate	245,000,000	49.00	3,000,000	242,000,000
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	200,000,000	40.00	157,000,000	43,000,000
TOTAL		445,000,000		160,000,000	285,000,000

34. SEGMENT INFORMATION

The primary segment reporting format is determined to be business segments as the Group's risks and rates of return are affected predominantly by differences in the products and services produced. The operating businesses are organized and managed separately according to the nature of the products and services provided, with each segment representing a strategic business unit that offers different products and serves different markets.

The Group is principally engaged in the development of industrial parks, provision of finance leases of factories, warehouses and offices, and rendering of related services.

Transfer prices between business segments are set on an arm's length basis in a manner similar to transactions with third parties. Segment revenue, segment expense and segment results include transfers between business segments. Those transfers are eliminated in preparation of consolidated financial statements.

The Group operates in one geographical segment which is Vietnam.

VND

	Sale of industrial plots and related infrastructure	Finance lease of factory, warehouse and office	Sales of resident area	Other services	Elimination	Total
Current year						
Revenue						
Sales to external customers	2,382,935,830,053	28,024,398,706	170,521,325,862	106,297,991,934	-	2,687,779,546,555
Total revenue	2,382,935,830,053	28,024,398,706	170,521,325,862	106,297,991,934	-	2,687,779,546,555
Results						
Segment net profit before tax	775,247,360,369	5,048,420,025	27,871,825,051	27,697,502,261	(312,950,158,140)	522,914,949,566
Unallocated income						259,615,693,731
Net profit before CIT						782,530,643,297
CIT expense						(105,359,641,629)
Net profit for the year						677,171,001,668
Assets and liabilities						
Segment assets	9,533,837,482,022	112,122,223,110	682,235,160,294	400,676,598,597	(1,746,248,944,984)	8,982,622,519,039
Unallocated assets						19,822,258,147
Total assets						9,002,444,777,186
Segment liabilities	934,392,510,241	10,988,876,799	66,864,515,491	39,269,519,064	(315,204,137,762)	736,311,283,833
Unallocated liabilities						2,471,136,231,464
Total liabilities						3,207,447,515,297
Other segment information						
Tangible fixed assets	6,582,132,907	-	-	2,845,982,016	-	9,428,114,923
Depreciation	10,782,302,379	126,804,733	771,574,490	453,145,572	-	12,133,827,174
Amortisation/ allocation of prepaid expenses	1,355,739	15,944	97,016	56,977	-	1,525,676

VND

	Sale of industrial plots and related infrastructure	Finance lease of factory, warehouse and office	Other services	Elimination	Total
Previous year					
Revenue					
Sales to external customers	1,273,567,331,000	104,358,242,000	48,443,992,038	(73,404,159,000)	1,352,965,406,038
Total revenue	1,273,567,331,000	104,358,242,000	48,443,992,038	(73,404,159,000)	1,352,965,406,038
Results					
Segment net profit before tax	403,269,767,000	28,323,542,000	8,834,590,821	(161,152,485,000)	279,275,414,821
Unallocated income					233,014,174,000
Net profit before CIT					512,289,588,821
CIT expense					<u>(83,065,035,039)</u>
Net profit after tax					<u>429,224,553,782</u>
Assets and liabilities					
Segment assets	7,836,717,815,000	593,102,700,000	298,093,288,442	(1,530,527,727,000)	7,197,386,076,442
Unallocated assets					<u>31,146,587,000</u>
Total assets					<u>7,228,532,663,442</u>
Segment liabilities	626,184,303,000	47,391,219,000	23,896,996,461	(95,761,735,000)	601,710,783,461
Unallocated liabilities					<u>1,579,267,357,000</u>
Total liabilities					<u>2,180,978,140,461</u>
Other segment information					
Capital expenditure	72,902,739,000	-	8,469,096,000		81,371,835,000
Tangible fixed assets	-	-	4,296,216,000		4,296,216,000
Intangible fixed assets	4,982,090,000	377,057,000	220,693,000		5,579,840,000
Depreciation	1,362,235,000	103,097,000	60,343,000		1,525,675,000
Amortisation / allocation of prepaid expenses	75,509,330,000	-	5,862,505,000		81,371,835,000

35. EFFECTS OF CIRCULAR 201 TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

As mentioned in Note 3.16, in 2010 the Group continues to follow the guidance provided under VAS 10 on foreign currency transactions which is different from those stipulated in the Circular 201.

Had the Group adopted Circular 201 from financial years beginning on or after 1 January 2009, the consolidated financial position and consolidated financial operating results of the Group would have been as follows:

VND

	VAS 10	Circular 201	Difference
Consolidated balance sheet as at 31 December 2010			
Foreign exchange difference reserve	-	44,105,790,948	(44,105,790,948)
Undistributed earnings	749,309,706,254	705,203,915,306	44,105,790,948
Consolidated income statement for the year ended 31 December 2010			
Foreign exchange gains	30,262,875,324	7,896,425,133	22,366,450,191
Foreign exchange losses	(441,775,951)	(441,775,951)	-
Net foreign exchange gains charged to consolidated income statement	29,821,099,373	7,454,649,182	22,366,450,191
Earnings per share			
- Basic	1,957	1,930	27

36. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements.



Tran Dinh Hung
Chief Accountant

25 March 2011



Thai Van Men
General Director

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2011
Ho Chi Minh City, date....month..... 2011

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT SUPERVISORY BOARD REPORT

(Trong năm tài chính 2009, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010)
(For fiscal year 2009 at the 2010 Annual General Shareholders Meeting)

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,
Dear General Shareholders Meeting

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội (có hiệu lực từ ngày 01/07/2006).
- Pursuant to the Enterprise Law No. 60/2005/QH 11 dated November 29, 2005 of the National Assembly (effective on July 1, 2006);
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo.
- Pursuant to the powers and duties of the Supervisory Board stipulated in the Charter of Tan Tao Investment & Industry Corporation;
- Căn cứ các Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010 và kế hoạch thực hiện năm 2011 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Pursuant to the management assessment report of the Board of Management, the final report of 2010 business and production activities and 2011 plan of the President of the Company;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Pursuant to the 2010 financial statements audited by the Vietnam Ernst & Young Audit Company;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2010.
- Pursuant to the inspection and supervision results of the Supervisory Board in 2010;

Ban kiểm soát công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo xin báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2010 như sau:

The Supervisory Board of Tan Tao Investment & Industry Corporation would like to report to the General Shareholders Meeting the inspection and supervision results of the Company operations in 2010 as follows:

I. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT:

SCOPE OF SUPERVISORY ACTIVITIES

- Năm 2010 Ban kiểm soát (BKS) có 03 thành viên, để thực hiện chức năng và quyền hạn của mình, BKS đã thực hiện:
- *In 2010, in order to accomplish its functions and powers, the Supervisory Board with three members conducted the following activities:*
- Tổ chức họp định kỳ hằng quý để kiểm điểm công tác trong kỳ và triển khai công việc;
- *Organizing quarterly meetings for work review and implementation;*
- Tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị;
- *Participating in the meetings of the Board of Management;*
- Tham gia các hội nghị CB-CNV Công ty, các cuộc họp do Ban Tổng Giám đốc chủ trì;
- *Participating in staff conferences and meetings held by the Board of Directors;*
- Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2010 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:
- *Inspecting and supervising the compliance with Enterprise Law, the Charter on the organization and operation of the Company and the resolutions of the 2010 General Shareholders Meeting on the overall administration and management of the Company's business operations, namely:*
- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính năm 2010 sau khi được Đại hội cổ đông thông qua;
- *Evaluating the performance of the Board of Management during the term regarding the implementation of the 2010 financial plan approved by the General Shareholders Meeting;*
- Kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
- *Inspecting and monitoring the implementation of the Resolutions of the General Shareholders Meeting by the Board of Management and the Board of Directors;*
- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản Trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý ; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy

định của Pháp luật & Điều lệ công ty;

- *Examining the suitability of Decisions of the Board of Management and the Board of Directors in management activities; inspecting the process and procedures of document issuance of the Company in accordance with legal regulations and the Company's Charter;*
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp;
- *Inspecting and evaluating the major procedures of the Company in order to detect potential risks and shortcomings, to propose appropriate recommendations and solutions thereof;*
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập;
- *Examining periodical reports of the Board of Directors;*
- Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Ban Kiểm Toán đưa ra;
- *Inspecting and supervising quarterly financial statements to make proper assessment of financial data; at the same time, coordinating with independent auditors to consider the impacts of major accounting and auditing errors on financial statements; monitoring the Leadership Team in the carry-out of recommendations proposed by the Audit Committee;*
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- *Supervising the Company's execution of law.*

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT: **SUPERVISION RESULT**

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị, ban Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

The Board of Management and the Board of Directors have fully complied with the legal regulations on administrative management and transaction. The members of the Board of Management, the Board of Directors and managerial staffs have exercised the assigned powers and duties according to the regulations of the Enterprise Law, the Company's Charter

and the Resolution of the General Shareholders Meeting.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

The meetings of the Board of Management have been arranged and organized in compliance with the Enterprise Law, the company's Charter and Regulations on structure and operation of the Management Board.

- Các Biên bản họp của Hội đồng quản trị có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp.

The meeting minutes of the Board of Management include all signatures of participating members.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh Nghiệp và điều lệ của Công ty.

The resolutions of the Board of Management are validly promulgated based on the meeting minutes of the Board of Management or written opinion statements of members of the Board of Management and in conformity with the Enterprise Law and the Company's Charter.

- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

The Resolutions and decisions of the Board of Management are all timely issued, focusing on the implementation of the Resolutions of 2010 General Shareholders Meeting, fulfilling the administrative functions of the Board of Management whilst satisfying the management requests of the Board of Directors in business and production operation.

- Các Quyết định của ban Tổng Giám Đốc đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc đều được ban hành sau khi Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

The decisions of the Board of Directors have been legally and timely issued with relevant powers; all decisions exceeding the powers of the Board of Directors have been issued only after having them submitted to and receiving the approval from the Board of Management.

- Các Hợp đồng Kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2010 đều được giao kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi công ty và cổ đông.

The important economic contracts of the Company in 2010 have been legally formulated to guarantee interests of the Company and its shareholders.

- Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của Pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với Công ty CP đại chúng và Công ty niêm yết.

The Company has fully and earnestly complied with the laws and regulations of the Stock Exchange on information announcement of public joint stock companies and listed companies

Về hoạt động của Công ty SIDC (Văn phòng Đại diện của ITACO tại Singapore), Ban kiểm soát đã phối hợp Ban Tài chính-Kế toán, Ban Kiểm toán nội bộ, kiểm tra, kiểm toán chi phí hoạt động của SIDC và đã phát hiện nhiều khoản chi không hợp lý, không đúng theo quy chế của Tập đoàn cụ thể việc Ông Colin Low – thành viên độc lập của HDQT đã sử dụng tiền của Công ty SIDC mua xe ô tô đứng tên cá nhân. Khi Ban kiểm soát và kiểm toán nội bộ phát hiện, Ông Colin Low đã đề nghị chuyển tên sở hữu từ cá nhân sang công ty SIDC, tuy nhiên đề xuất này đã không được chấp nhận. Ngoài ra, hoạt động của Công ty SIDC không đạt hiệu quả như kế hoạch đặt ra là thu xếp vốn cho Tập đoàn từ các nguồn nước ngoài nên Ban kiểm soát đã có văn bản kiến nghị Hội đồng Quản trị đóng cửa Công ty SIDC, rút vốn khỏi công ty này, đồng ý cho ông Colin Low rút khỏi Hội đồng Quản trị của ITACO và yêu cầu ông Colin Low hoàn trả số tiền đã dùng mua ô tô riêng. Số tiền ông Colin Low phải hoàn trả sẽ được sử dụng để thanh toán cho các hợp đồng đã ký với ông Colin Low và các chi phí hợp lý của SIDC đến ngày đóng cửa.

Regarding the SIDC Company (ITACO's Representative Office in Singapore), the Supervisory Board has coordinated with the Financial – Accounting Department and Internal Auditing Department to examine and audit its operating expenses and has detected many unreasonable expenditures not complying with the Group's regulations. Specifically, Mr. Colin Low, the independent member of the Board of Management, spent the SIDC's fund on buying a car and registered the car under his name. After being detected by the Supervisory Board and the Internal Audit Board, Mr. Colin Low proposed to change the registered name for the car to the SIDC but the proposal was not accepted. Besides, the SIDC's operations haven't been as effective as expected in the plan to arrange international finance for the Group. Thus, the Supervisory Board made a written request to the Board of Management to shut down the SIDC and to withdraw the capital from the SIDC, to agree on Mr. Collin Low's resignation from the Board of Management, and to request him to return the sum used for the purchase of his private car. The returned amount will be spent to pay off the contracts signed with him and to pay the SIDC's reasonable expenses until the date of its closing.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

INPECTION RESULTS ON THE IMPLEMENTATION OF BUSINESS PLAN AND RESOLUTIONS OF GENERAL SHAREHOLDERS MEETING

A. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010

EVALUATION OF 2009 BUSINESS PLAN PERFORMANCE

1. Kết quả SXKD năm 2010 (Tập đoàn):

Business and production in 2010 (Group)

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

STT NO.	CHỈ TIÊU INDICATORS	KẾ HOẠCH PLAN	THỰC HIỆN IMPLEMENTATION
1	Doanh thu & thu nhập khác Revenue & other incomes	2.983.200.000	3.118.703.515
2	Lợi nhuận sau thuế After-tax profit	652.300.000	677.171.002
3	Tổng vốn CSH cuối kỳ Total year-end equity	5.770.432.000	5.784.915.419
4	Cổ tức được chia Dividend payout ratio	1.200.000.000	1.278.277.730
5	Thu nhập bình quân CNV/tháng Average salary per employee	10.000	10.542

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 (BC hợp nhất)

Financial situation of the Company as of December 31, 2010 (consolidated financial statement)

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

Unit: VND 1,000

STT NO.	NỘI DUNG CONTENT	SỐ TIỀN AMOUNT
A	TÀI SẢN (ASSETS)	9.002.444.777
1	Tài sản ngắn hạn Short-term assets	3.814.643.596
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	59.956.515

1.2	Các khoản nợ phải thu <i>Debts receivable</i>	1.716.843.337
1.3	Hàng tồn kho <i>Inventory</i>	1.990.300.578
1.4	Tài sản ngắn hạn khác <i>Other short-term assets</i>	38.543.164
2	Tài sản dài hạn <i>Long-term assets</i>	5.187.801.180
2.1	Phải thu dài hạn <i>Long-term receivables</i>	1.767.626.747
2.2	Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	251.771.002
2.3	Bất động sản đầu tư <i>Real estate investment</i>	59.839.520
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	3.090.968.120
2.5	Tài sản dài hạn khác <i>Other long-term assets</i>	17.595.789
B	NGUỒN VỐN <i>CAPITAL</i>	9.002.444.777
1	Nợ phải trả <i>Debts payable</i>	3.207.447.515
1.1	Nợ ngắn hạn <i>Short-term debts</i>	1.590.623.254
1.2	Nợ dài hạn <i>Long-term debts</i>	1.616.824.260
2	Nguồn vốn chủ sở hữu <i>Equity</i>	5.784.915.419
2.1	Nguồn vốn chủ sở hữu <i>Equity</i>	5.784.915.419
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác <i>Expenditure resources and other funds</i>	
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ <i>INTERESTS OF MINORITY SHAREHOLDERS</i>	10.081.842

3. Nhận xét, đánh giá:

Observations and evaluation

- Trong năm 2010, doanh thu và thu nhập khác là 3.118 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch năm. Giá vốn hàng bán là 2.008 tỷ đồng, thu nhập trước thuế là 782 tỷ đồng, thu nhập sau thuế 677 tỷ đồng.
- *In 2010, revenue and other incomes are VND 3,118 billion, achieving 105% of the year plan. Cost of goods sold is VND 2,008 billion, the before-tax profit reaches VND 782 billion, after-tax profit is VND 677 billion.*
- Tỷ lệ chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng là 60%, tương đương 1.278 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch.
- *Dividend and bonus share payout ratio is 60%, equal to VND 1,278 billion, achieving 107% of the plan.*
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- *The financial statement has reflected faithfully and properly the main aspects of financial situation of the Company as of December 31, 2010, the business and production results and the cash flow for the fiscal year within the same period, and in accordance with the standards and current corporate accounting regime of Vietnam and related legal regulations.*

B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

EVALUATION OF IMPLEMENTATION OF THE RESOLUTIONS OF GENERAL SHAREHOLDERS MEETING

1. Kết quả thực hiện:

Implementation results

Các thành viên Hội đồng Quản trị dưới sự lãnh đạo sáng suốt, sâu sát, năng động của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, thường xuyên đề ra các chiến lược trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và kịp thời điều chỉnh khi cần thiết; kịp thời ra các quyết định tạo điều kiện cho Tập đoàn hoạt động đạt hiệu quả kinh tế cao. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị đều được thực hiện đảm bảo vai trò định hướng và tuân thủ chủ trương chiến lược chung. Các thành viên của Hội đồng Quản trị có năng lực quản lý, chỉ đạo, định hướng cho Lãnh đạo các Công ty trong Tập Đoàn; mạnh dạn triển khai áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến vào hoạt động của các Công ty trong Tập Đoàn để tăng hiệu quả công việc.

Under the strategic, close-knit and dynamic leadership of the Chairwoman, members of the Board of Management have worked hard with a high level of responsibility and strategic vision, constantly establishing the short-term, medium-term and long-term strategies with timely

adjustments; making timely decisions to help the Group attain high economic efficiency of its operations. The Resolutions of the the General shareholders Meeting and the decisions of the Board of Management have been implemented with assurance of the orientation function and in compliance with the common strategies and policies. Competent Members of the Board of Management have provided the directives and orientations to the Leaders of the Group's subsidiaries; zealously deploying the application of advanced management models for enhancement of operating efficiency of the Group's subsidiaries.

Ban Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đều là những người gương mẫu, mẫu mực, có đạo đức và năng lực trong công tác quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, tài chính và lao động của công ty; tổ chức thực hiện tốt các hoạt động của công ty đạt được hiệu quả cao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

The Board of Directors appointed by the Board of Management has implemented properly the Resolutions and Decisions of the Board of Management, and the Resolutions of the General Shareholders Meeting. Members of the Board of Directors and the managerial staff of the Company are good role models for diligence, ethics and high management competence, utilizing and developing capital, assets, financial and human resources of the Company effectively, well-organizing the Company's operations for high efficiency, fulfilling the obligations to the State and the regulations and policies to employees.

Để không ngừng nâng cao năng lực hoạt động của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ như: chú trọng duy trì - nâng cao nguồn nhân lực bằng cách mời các Nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm về làm việc cho Tập đoàn hoặc cộng tác bán thời gian; quan tâm việc đào tạo, xem xét động viên hỗ trợ về vật chất, thời gian cho nhân viên trong Tập đoàn học tập, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn; và thường xuyên tạo điều kiện cho thành viên ban lãnh đạo tham gia các chuyến công tác nước ngoài tìm cơ hội hợp tác đầu tư, học hỏi kinh nghiệm quản lý. Làm tốt các chế độ chính sách xã hội, chăm lo đời sống đối với người lao động, hàng năm tổ chức cho CB-NV đi tham quan, nghỉ ngơi để tái tạo sức lao động, tạo động lực cho CB-CNV hăng say, nhiệt tình, sáng tạo trong công tác. Quan tâm tạo điều kiện cho các hoạt động của tổ chức đoàn thể. Công ty đã có Chi Bộ Đảng CSVN, Chi Đoàn TNCS HCM, Công Đoàn cơ sở, Chi hội Cựu chiến binh. Các tổ chức Đoàn thể hoạt động rất tích cực, thể hiện tốt vai trò đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng phát triển với doanh nghiệp.

To ensure the continuous improvement of the Group's capacity, the Board of Management and the Board of Directors have undertaken many support measures such as focusing on manpower retention and development by inviting excellent and experienced experts to work for the Group full time or part time; concentrating on training activities and support policies regarding material and working time for the employees to study and improve professional skills and specialties, and for the members of the Leadership Team to take overseas business trips to exploit investment and cooperation opportunities and acquire managerial experience. Besides, the Board of Management and the Board of Directors have implemented effectively

social policies and regulations. Employees' life is taken care, through annual sightseeing tours which will ameliorate their health and motivate their work. Activities of relevant organizations and unions are also facilitated. The Company already established a Vietnam Communist Party Cell, a Ho Chi Minh Communist Youth Union Branch, a Company Labor Union and a Veteran Branch. Such organizations and unions have been operated actively and have played a harmonious role alongside with the development of the Company.

Nhìn chung, công tác điều hành hoạt động của Công ty đã thực hiện theo đúng pháp luật và điều lệ của Công ty; tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, triển khai mạnh mẽ các dự án theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: Hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và mặt bằng Trung tâm điện lực Kiên Lương-Giai đoạn 1 tại tỉnh Kiên Giang; hoàn tất cơ sở hạ tầng thu hút đầu tư vào Khu Công Nghiệp Tân Đức - giai đoạn 2 tại tỉnh Long An; đặc biệt là dự án Thành phố tri thức Tân Đức (Tan Duc E City) trải rộng 387 ha nằm trong Quần thể gần 4000 ha bao gồm Thành phố Khoa học, khu Công nghiệp; dự án đã hoàn thành xong cơ sở hạ tầng, khánh thành Trường đại học Tân Tạo để bắt đầu tuyển sinh từ năm 2011, hoàn tất đưa vào sử dụng khu Căn hộ cao cấp dành cho chuyên gia- Tân Đức Star, khu chung cư Công nhân Tân Đức Plaza; đang xây dựng khu nhà liên kết, khu chung cư, khu biệt thự... Trong đó, Khu biệt thự của thành phố sẽ gồm 5 sản phẩm biệt thự là: Tài Lộc, Hạnh Phúc, Thiên Nga, An Khang và Thịnh Vượng. Đồng thời tiếp tục xúc tiến để triển khai các dự án: Thành phố Khoa học, Công nghệ cao & đô thị Tân Tạo – Hanel, Khu công nghiệp Agrita, Khu Công Nghiệp Hanita; Nhà máy xi măng Tân Tạo (công suất 1 triệu tấn/năm), Khu công nghiệp Phổ Phong. Cảng biển nước sâu Nam Du v.v.

In general, the Company has been directed and operated as regulated by laws and the Charter of the Company; business activities have been organized in accordance with the Resolutions of the 2010 General Shareholders Meeting; and projects have been implemented according to the plan adopted by the General Shareholders Meeting. Specifically, the Kien Luong Power Complex Phase 1's technical infrastructure and layout have been completed in Kien Giang province; the infrastructure of Tan Duc Industrial Park Phase 2 in Long An province have also been completed, especially the 387 ha Tan Duc Ecity within the total area of nearly 4000 hectares; Tan Tao University has been inaugurated and ready for students admission in 2011; Tan Duc Star - the advanced apartment block for experts and Tan Duc Plaza - the workers' apartment block have been constructed and put to use; the construction of associated townhouses, apartment buildings and villas, etc. are underway, including the City's residential with five villa types: Fortune, Happiness, Swan, Health and Prosperity. Besides, other projects continue to be promoted for development: Tan Tao Hanel Sciences & High-tech City, Agrita Industrial Park, Hanita Industrial Park; Tan Tao Cement Plant (with a capacity of 1 million tons/year), Pho Phong Industrial Park and Nam Du Deep Sea Port, etc.

Mặc dầu tập trung vào công tác chuyên môn để phát triển hoạt động kinh doanh nhưng Ban lãnh đạo Tập đoàn vẫn luôn chú trọng đến công tác hoạt động xã hội. Trong suốt thời gian hình thành thành và phát triển Tập đoàn đã đóng góp hàng ngàn căn nhà tình nghĩa-tình thương, xây dựng trường học, trường mẫu giáo để tặng cho các địa phương nghèo, tham gia tích cực vào hoạt động cứu trợ đồng bào bị thiên tai, bão lụt trong nước và ở các nước bạn như Lào,

Campuchia; thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa như: nuôi dưỡng Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm viếng tặng quà cho các gia đình chính sách trong các ngày lễ tết, ngày Thương binh- Liệt sĩ; tiếp tục duy trì và phát triển 3 Quỹ từ thiện ITA do Tập đoàn sáng lập năm 2007, để giúp đỡ những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn trong cả nước. Phối hợp với Bộ Giáo dục- Đào tạo tổ chức định kỳ hằng năm Giải học bổng Hoa Trạng Nguyên, trao học bổng cho học sinh là thủ khoa các trường Cao đẳng, Đại học trong cả nước thường xuyên chủ động phối hợp các cơ quan ban ngành như Sở VH-TT-DL, Thành đoàn, Công đoàn BQL các KCX, Đoàn TNCS BQL các KCX & CN, Hiệp hội các Doanh nghiệp trong KCN (HBA), Quận Đoàn... tổ chức các chương trình văn nghệ, phiên chợ hàng Việt, bán hàng lưu động, chiếu phim..... cho công nhân nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm và các ngày nghỉ, từ đó tạo mối quan hệ thắm thiết, giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp, tạo sân chơi giải trí lành mạnh cho thanh niên, công nhân trong KCN và địa phương đồng thời Công ty là nhịp cầu nối giữa các đoàn thể và các doanh nghiệp để thực hiện việc xây dựng cơ sở của Chi bộ Đảng CS Việt Nam, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp. Trong thời gian qua đã tổ chức nhiều chương trình, trong đó các chương trình tiêu biểu như sau:

Despite focusing on professional duties to develop business operations, the Leadership Team of the Group have always attached special importance to social activities. Throughout its creation and development, the Group has donated thousands of houses of affection, constructed schools and kindergartens as presents to poor localities, and actively participated in relief work for people affected by flood and other natural calamities in Vietnam and in neighboring countries such as Laos and Cambodia. The Group has also engaged in many favor-returning social activities such as looking after Vietnamese heroic mothers, visiting and offering gifts to subsidy families during holidays and the Martyrs and Wounded Soldiers' Day. Three ITA-Foundations created in 2007 to support poor individuals nationwide have been maintained and developed. The Group has also coordinated with the Ministry of Education and Training to organize Hoa Trang Nguyen Scholarship Prize to offer scholarships to top laureate students in the entrance exam to Colleges and Universities nationwide; regularly working with government authorities such as the Department of Culture, Information and Tourism, Youth Union of the City, Labor Union and Youth Union of the Export Processing Industrial Zone Authority, Business Association of the Industrial Park, Youth Union of the District, etc. to organize music shows, Vietnamese goods fairs, mobile goods selling programs, movie projection, etc. for workers during holidays in the year, in order to create a close relationship and mutual learning opportunities among enterprises, and to set up a healthy playground for the youth and workers in the industrial parks and the locality. At the same time, the Company has played as a bridge between such organizations and enterprises to build a foundation for Vietnamese Communist Party Cells, Ho Chi Minh Communist Youth Union Branches, and Labor Union at enterprise level. Over the past year, many programs have been organized, most typical are:

+ Phối hợp Sở VH-TT-DL Tp. HCM tổ chức Chương trình văn nghệ chào đón năm 2010;

Coordinating with Ho Chi Minh City Department of Culture, Information and Tourism to organize music shows to welcome the year 2010;

+ Phối hợp Công đoàn BQL các KCX & CN Tp. HCM Tổ chức chương trình trao tặng vé xe

về quê và quà tết cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn;

Coordinating with the Labor Union of Ho Chi Minh City Export Processing and Industrial Zone Authority to present hometown bus tickets and Tet gifts to poor workers;

+ Tổ chức Hội thảo “Tiếng nói doanh nghiệp-Doanh nghiệp cùng hợp tác và phát triển bền vững” tại KCN Tân Tạo, và KCN Tân Đức;

Organizing “Voice of Enterprises – Enterprise in cooperation and for sustainable development” Seminar at Tan Tao and Tan Duc Industrial Parks;

+ Phối hợp TT hỗ trợ Thanh niên - công nhân tổ chức chương trình ca nhạc chào mừng Lễ 30/4-1/5 và sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2010);

Coordinating with the Youth – Worker Support Center to organize a music show celebrating 30th April, 1st May and Ho Chi Minh President’s birthday (19/05/1890 -19/05/2010);

+ Phối hợp với Quỹ hỗ trợ Công nhân, trung tâm nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp (BSA) và Công đoàn BQL Các KCX & CN TP tổ chức “Phiên chợ hàng Việt lần 5” phục vụ công nhân trong chương trình “ Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” toàn quốc;

Coordinating with Worker Support Fund, Business Research and Enterprise Support Center and the Labor Union of the Export Processing and Industrial Zone Authority to organize the “Fifth Vietnamese Goods Fair” for workers in the national event “Vietnamese people first to consume Vietnamese goods”;

+ Phối hợp Công Đoàn các KCX & CN Tp.HCM tổ chức hội thao Chào mừng 81 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/7/1929-28/7/2010);

Coordinating with the Labor Union of Ho Chi Minh City Export Processing and Industrial Zone Authority to organize a seminar celebrating the 81st anniversary of Vietnam Labor Union (28th July 1929 – 28th July 2010);

+ Phối hợp Đoàn TNCS, Công đoàn BQL Các KCX & CN Tp.HCM tổ chức Chương trình ca nhạc “Vinh quang Việt Nam” chào mừng Quốc khánh 2-9;

Coordinating with the Communist Youth Union and Labor Union of the Ho Chi Minh City Export Processing and Industrial Zone Authority to organize “Vietnam’s Glory” music show to celebrate the National Day 2nd September;

+ Phối hợp Thủy Sản Cầu Tre, Công ty Ba Huân, Công ty Vissan Bán hàng lưu động phục vụ công nhân trong chương trình “ Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” toàn quốc;

Coordinating with Cau Tre Seafood, Ba Huan company and Vissan Company to organize mobile goods selling program in the national event “Vietnamese people first to consume Vietnamese goods”;

+ Phối hợp TT xúc tiến Thương mại & Đầu tư (ITPC) tổ chức Phiên chợ hàng Việt Nam 2010;

Coordinating with the Investment and Trade Promotion Center to organize 2010 Vietnamese Goods Fair;

Phối hợp Đoàn TNCS BQL các KCX&CN TP Tổ chức chương trình văn nghệ “Khúc hát mừng xuân 2011”;

Coordinating with the Communist Youth Union of the Export Processing and Industrial Zone Authority of the city to organize “2011 Spring Welcome” music show;

Tài trợ kinh phí và phối hợp Sở Y tế, TT Y tế dự phòng tỉnh Long An triển khai chương trình tiêm chủng miễn phí viêm gan B, cho trẻ em 2 huyện Đức Hòa và Đức Huệ, tỉnh Long An.

Sponsoring and coordinating with the Department of Health, Long An Province’s Hygiene and Anti-Epidemic Center to organize the free serum hepatitis B vaccination program for Duc Hoa and Duc Hue districts’ childrens in Long An province.

Đặc biệt nhân dịp chào mừng 80 năm thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3/2011 Tập đoàn Tân Tạo đã phối hợp Ban Thanh niên-công nhân & đô thị TW Đoàn, Tỉnh đoàn Long An tổ chức chuỗi hoạt động: tổ chức tặng học bổng cho Đoàn viên Thanh niên tiên tiến các huyện Bến Lức, Thủ Thừa, Đức Hòa, Đức Huệ- tỉnh Long An; Ngày hội Thanh niên-Công nhân tại KCN Tân Đức với nhiều hoạt động sôi nổi đã diễn ra như: các trò chơi vận động, tư vấn sức khỏe, khám bệnh, phát thuốc miễn phí, giao lưu tọa đàm về hôn nhân gia đình, biểu diễn văn nghệ... Nổi bật nhất trong các hoạt động này là cuộc đi bộ đồng hành hướng về nạn nhân động đất, sóng thần tại Nhật bản; với sự tham gia gần 3000 công nhân, đoàn viên thanh niên, sinh viên, học sinh cùng đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Long An, đại diện lãnh đạo UBND huyện Đức Hòa, Ban lãnh đạo Tập đoàn Tân Tạo, Ban Giám hiệu Đại học Tân Tạo. Chương trình đã quyên góp được 51.000.000 đ để chuyển tặng cho nhân dân Nhật Bản.

Particularly, on the occasion of 80th anniversary of Ho Chi Minh Communist Youth Union (26 March 2011) Tan Tao Group has cooperated with the Central Youth-Worker-Urban Committee under the Youth Union of Long An to organize a series of activities including scholarship granting to fair-ranked members of the Youth Union of Ben Luc, Thu Thua, Duc Hoa and Duc Hue Districts, Long An Province, the Youth-Worker Festival at Tan Duc Industrial Park with many activities such as games, health advices, medical examination, free medicine distribution, marriage and family discussion, music shows, etc. The most outstanding activity is the walk event to support Japanese victims of the recent quake and tsunami, with the participation of 3000 workers, members of youth union, students and representatives of leadership team of Long An Province’s People’s Committee and Duc Hoa Ward’s People’s Committee, and Tan Tao University’s Board of Trustees. The program raised VND 51,000,000 as a donation to Japanese people.

- Với những thành quả đã đạt được trong năm qua, Tập đoàn Tân Tạo được cơ quan ban ngành các cấp từ Trung ương đến địa phương trao những phần thưởng cao quý như sau:

With the achievements in the past year, Tan Tao Group has been awarded prestigious awards by the Government and local authorities:

+ Giải thưởng Sao vàng đất Việt;

The Vietnam Golden Star;

+ Cúp và Bằng khen của Bộ Công Thương vì đã đạt thành tích top 15 Doanh nghiệp xuất sắc;

The Cup and Certificate of Merit for the Title “Top 15 Vietnamese Enterprises Award” awarded by Ministry of Industry and Trade;

+ Giấy chứng nhận của Việt Nam Elite Branch đạt danh hiệu Thương hiệu Tinh hoa Việt Nam;

The Title “Elite Vietnamese Brands” honored by Vietnam Elite Branch;

Bằng khen của Ủy Ban Quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế Quốc tế;

The Certificate of Merit for excellent performance in the build-up and development of trademark and international integration awarded by the National Committee for International Cooperation;

+ Giấy chứng nhận của Awards VietNam Leading JSC & Reputable Stock Brand Name đạt thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam;

The Certificate for Reputable Stock Brand and Vietnam Leading Joint Stock Company by Awards Vietnam Leading JSC & Reputable Stock Brand Name;

+ Bằng khen của UBND Tp.HCM vì đã có thành tích tham gia đóng góp, hỗ trợ cho ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố trong nhiều năm liền, góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của thành phố;

The Certificate of Merit of Ho Chi Minh People’s Committee for the achievement in education and training support for the city in many consecutive years, and for the active role in the education and training build-up and development of the city;

+ Bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo điện tử ĐCS Việt Nam, Bộ VH-TT-DL, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, UB Quốc gia Hợp tác Kinh tế Quốc tế đạt top 20 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và phát triển” lần III;

The Certificate of Merit for being one of top 20 enterprises of “Business Integration and Development III” Award by The Central Department of Propaganda and Training, Communist

Party of Vietnam Online Newspaper, Ministry of Culture, Sports and Tourism of Vietnam, Vietnam Television and National Committee for International Economic Corporation;

+ Bằng khen của UBND Tp.HCM vì đã có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố liên tục nhiều năm, góp phần tích cực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển các Khu chế xuất, Khu công nghiệp thành phố;

The Certificate of Merit of Ho Chi Minh People's Committee for the achievement in production and business activities in the city in many consecutive years, and for the active role in the build-up and development of Export Processing Zones and Industrial Parks of the city;

+ Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có thành tích đóng góp Quỹ học bổng Vừ A Dính hỗ trợ thanh thiếu niên dân tộc miền núi;

The Certificate of Merit of Central Committee of Ho Chi Minh Communist Youth Union for the contribution to Vu A Dinh Scholarship Fund for ethnic adolescents;

+ Giấy khen của BQL các KCX & CN Tp.HCM về tập thể Đội PCCC – ANTT Khu công nghiệp Tân Tạo vì đã có thành tích dũng cảm đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại Khu công nghiệp.

The Certificate of Merit of Ho Chi Minh City Export Processing and Industrial Zone Authority awarded to Tan Tao Industrial Park Fire Protection and Security Team for the achievement in security activities in the Industrial Park.

Ngoài ra có rất nhiều Bằng khen, Giấy khen của các cơ quan ban ngành trao tặng cho cá nhân CB-CNV đã có nhiều thành tích đóng góp trong công tác.

Moreover, many Certificates of Merit have been granted to excellent staff and employees by different departments and branches.

2. Nhận xét, đánh giá:

Observation, Evaluation

Trong năm 2010 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo các mặt hoạt động của Công ty và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông. Tuy nhiên vẫn còn các tồn tại cần khắc phục như sau:

In 2010, the Board of Management and the Board of Directors have successfully managed and developed the Company to meet the interests of shareholders. However, there are still drawbacks to overcome as follows:

Một số tồn tại:

Drawbacks:

- Do ảnh hưởng tình hình kinh tế chung, nên nhiều nhà đầu tư đã thuê đất trong khu công nghiệp Tân Tạo, Khu công nghiệp Tân Đức nhưng chưa triển khai xây dựng văn phòng nhà xưởng để

hoạt động.

- *Due to the general economic situation, many investors have leased land in Tan Tao and Tan Duc Industrial Parks but have not yet started the construction of office and factory buildings for their operation.*
- Ban kiểm soát chưa thực sự có được sự phối hợp hoạt động với các Cổ đông.

The Supervisory Board has not yet had a close cooperation with the shareholders.

Các kiến nghị:

Suggestions:

- Đổi mới phương thức, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư; để khuyến khích nhà đầu tư nhanh chóng triển khai xây dựng văn phòng nhà xưởng đi vào hoạt động trong Khu công nghiệp.
- *To change modality and policy to help investors, to encourage investors to promptly construct and put their office and factory buildings into operation in the Industrial Parks.*
- Tốc độ triển khai các dự án và quy mô của Tập đoàn phát triển ngày càng nhanh, vì vậy đề nghị Ban lãnh đạo chú trọng việc xây dựng, phát triển & nâng cao năng lực của bộ máy quản lý để đáp ứng kịp thời.

Due to the fast project implementation rate of the Group, the Leadership Team should focus on building up, developing and improving the capability of the management system to cope with the situation.

- Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ đến cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với Cổ đông.

The Supervisory Board in the coming term should better fulfill its responsibility toward the Shareholders.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

The above is the content obtained by the Supervisory Board throughout the supervision and monitoring to submit to the General Shareholders Meeting. We wish to receive sincere observations and contributions from shareholders to better understand and fulfill our duty in the next term.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc,

Ban lãnh đạo các Công ty thành viên của Tập đoàn, các phòng ban chức năng của Công ty đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

On behalf of the Supervisory Board, I would like to gratefully present thanks to the Board of Management, the Board of Directors, the Leadership Teams of affiliated companies of the Group and different departments for their cooperation in helping us fulfill our duty.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Best wishes for a successful General Shareholders Meeting

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

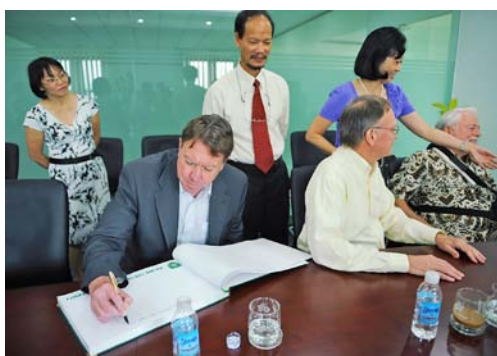
CHAIRMAN OF SUPERVISORY BOARD

CÁC ĐOÀN KHÁCH ĐẾN THĂM KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA TẬP ĐOÀN TÂN TẠO VISITING DELEGATIONS AND SOCIAL ACTIVITIES OF TAN TAO GROUP

Ngày 18/08/2010, ông Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư trung ương Đảng đến dự lễ khánh thành trường Đại học Tân Tạo và trao giải thưởng Hoa Trạng Nguyên 2010.

Mr. Trương Tấn Sang, Politburo Member and Permanent Member of the Party Central Committee Secretariat, attended the inauguration ceremony of Tan Tao University and presented the Hoa Trạng Nguyên Prize awards to outstanding students on August 18, 2010.







Bà Đặng Thị Yến phát biểu ra mắt Diễn Đàn Doanh Nghiệp Việt Nam Hoa Kỳ - Tháng 4, 2010
Mdm. Yen Dang, serving as a Chair of Vietnam – US Business Forum (VUBF) gives a speech at the Launching Ceremony in April 2010



Bà Đặng Thị Hoàng Yến phát biểu khai mạc Hội Nghị Thượng Đỉnh Thương Mại và Đầu Tư ASEAN, tháng 10, 2010
Mdm. Yen Dang, Chair of the ASEAN Business & Investment Summit 2010, gives the Opening Speech in October 2010



Bà Đặng Thị Hoàng Yến điều hành buổi họp Tổng kết hoạt động của VUBF 2010 (ảnh trái)
Đại học Tân Tạo nhận Quyết định thành lập Số 2154/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (ảnh phải)
Mdm. Yen Dang presides over the VUBF Summary Meeting 2010 (Left)
Tan Tao University receives the Establishment Decision No.2154/QĐ-TTg dated 25th November 2010 issued by the Prime Minister (right)



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011

REPORT FOR FINANCING PERFORMANCE IN 2010 AND PLAN IN 2011

ĐVT/Unit:
1.000.000 Đ

STT No	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH MAINLY ITEM	Kế hoạch Plan 2010	Thực hiện Performance 2010	So với thực hiện Compared to 2009 (%)	Kế hoạch Plan 2011	Tốc độ phát triển Growth ratios (%)
1	2	3	4	5	6	7
I	Doanh thu & thu nhập Revenue and income	2,983,200	3,118,701	195.54	3,128,100	100.30
	- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính (cho thuê đất, văn phòng & nhà xưởng trong KCN, bán nhà, căn hộ...) - Revenues from core business (leasing land, office & warehouse, selling house, Apartment in Ecity...	2,567,200	2,613,313		2,683,100	
	- Thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư (lãi từ việc cho thuê đất, nhà xưởng, lãi ngân hàng, cổ tức/lợi nhuận được chia) - Income from financing&investing activities (interest from leasing land/ factory,bank interest, dividend, shares)	360,000	416,640		385,000	
	- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cung cấp điện, nước, phí nước thải và các dịch vụ khác từ Taserco) - Revenues from other services:electricity supply, water supply, water treatment and other serives from Taserco	53,000	74,465		56,000	
	- Các khoản thu nhập khác - Other income	3,000	14,283		4,000	

STT No	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH MAINLY ITEM	Kế hoạch Plan 2010	Thực hiện Performance 2010	So với thực hiện Compared to 2009 (%)	Kế hoạch Plan 2011	Tốc độ phát triển Growth ratios (%)
II	"Lợi nhuận sau thuế Profit after tax"	652,300	677,171	157.77	685,900	101.29
	- Hoạt động kinh doanh chính - Core business	332,200	293,319		370,900	
	- Hoạt động đầu tư, tài chính - Financing & investing	298,500	358,403		292,500	
	- Cung cấp dịch vụ - Other services	16,600	21,627		17,500	
	- Khác - Other income	5,000	3,823		5,000	
III	Cổ tức Dividend	1,200,000	1,278,277	106.52	1,706,000	133.46
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ Ending Balance Own's Equity	5,744,232	5,784,913	114.59	6,490,000	113.79
	- Vốn cổ phần - Issued share capital	3,079,478	3,412,755		5,119,000	
	- Thặng dư vốn - Share premium	1,857,632	1,621,392		598,000	
	- Các quỹ - Funds	50,000	1,457		20,000	
	- Lợi nhuận chưa phân phối - Undistributed earnings	757,122	749,309		753,000	
V	Tổng tài sản cuối kỳ Ending Balance Total Assets	8,000,000	9,002,444	124.54	9,500,000	105.53
	- Tài sản ngắn hạn - Current assets	3,500,000	3,814,643		4,000,000	
	- Tài sản dài hạn - Non Current assets	4,500,000	5,187,801		5,500,000	

HÌNH ẢNH VỀ ĐẠI HỌC TÂN TẠO PHOTOS OF TAN TAO UNIVERSITY









Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2011

Ho Chi Minh City, April 10, 2011

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
DRAFT RESOLUTION OF ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS MEETING 2011 OF
TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

Căn cứ:

Pursuant to:

Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

The Enterprise Law No. 60/2005/QH11 dated November 29, 2005 of the National Assembly Term XI of the Socialist Republic of Vietnam;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

The Securities Law No. 70/2006/QH11 dated June 29, 2006 of the National Assembly Term XI of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo;

The Charter on organization and operation of Tan Tao Investment & Industry Corporation;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo, ngày 10/04/2010 ;

The Minutes of the Annual Shareholders Meeting 2010 on April 10, 2010 of Tan Tao Investment & Industry Corporation

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty CP Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo được tiến hành từ 14h30 đến 19h20 ngày 28/04/2011, tại trụ sở Tân Đức Sky, Khu Công nghiệp Tân Đức- Long An. Đại hội có mặt đại biểu tham dự, tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là cổ phần chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ, đủ điều kiện để tổ chức đại hội theo qui định của pháp luật hiện hành. Sau gầngiờ làm việc khẩn trương, Đại hội tập trung nghe, thảo luận các nội dung, các văn kiện chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty CP Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo, và thống nhất:

The Annual General Shareholders Meeting 2011 of Tan Tao Investment & Industry Corporation was held from 14.30 pm to 19.20 pm on April 28, 2011 at Tan Duc Sky in Tan Duc Industrial Park in Long An province. The General Shareholders Meeting had the attendance of delegates, representing outstanding and authorized shares, accounting for% of chartered capital, which is adequate for holding the Annual General Shareholders Meeting in accordance with the current laws. After tense working hours, the General Meeting had attentively listened to, discussed the main contents and documents of the Annual General Shareholders Meeting in 2011 of Tan Tao Investment & Industry Corporation and agreed on:

NGHỊ QUYẾT

RESOLUTION

ĐIỀU 1. THÔNG QUA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐÃ ĐƯỢC E&Y THỰC HIỆN CHO NĂM 2010 NHƯ SAU:

RATIFICATION OF THE BUSINESS OPERATIONS OF THE COMPANY AND THE COMPANY'S AUDIT REPORT OF E&Y FOR 2010, AS FOLLOWS:

- 1.1. Doanh thu thuần năm 2010 đạt: 2.930 tỷ đồng, bằng 191,6 % so với năm 2009.
Net revenue of 2010 reached VND 2,930 billion, achieving 191.6 % compared to 2009.
- 1.2. Lợi nhuận trước thuế của công ty đạt: 782,5 tỷ đồng, bằng 152,7% so với năm 2009.
Before-tax profit is VND 782.5 billion, achieving 152.7% compared to 2009.
- 1.3. Lợi nhuận tích lũy sau thuế chưa chia đến 31/12/2010: 749,3 tỷ đồng bằng 21,9% Vốn điều lệ.
Accumulated after-tax profit non-distributed profit as of December 31, 2010: VND 749.3 billion equal to 21.9 % of the Chartered Capital.
- 1.4. Cổ tức và cổ phiếu thưởng của năm 2010 đã chia trên Vốn Chủ sở hữu: 1.278,2 tỷ đồng đạt tỷ lệ 50%/Cổ phiếu.
Payment of dividend and bonus shares on equity in 2010 is worth VND 1,278.2 billion, at the rate of 50% of earnings per share.
- 1.5. Chi trả cổ phiếu thưởng và cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 50% từ nguồn thặng dư vốn đã đủ thời gian qui định 3 năm và lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2010.
Payment of dividend and bonus shares in 2010 to the existing shareholders at the rate of 50% from the capital surplus meeting three-year holding period and non-distributed profit as of December 31, 2010.
- 1.6. Phê chuẩn và Thông qua phương án thưởng cổ phiếu cho các thành viên HĐQT, Ban điều hành, CBCNV, các cá nhân và tổ chức đóng góp vì sự phát triển của Công ty năm 2009 như sau:
Approved and passed the plan to reward, in bonus shares, members of the Management Board, the Executive Board, staff and employees, individuals and organizations for their dedication to the Company's development in 2010, as follows:
 - 1.6.1- Tỷ lệ trích thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2010.
Bonus percentage: 3% of Company's after-tax profit in 2010.
Tổng số cổ phần phát hành là: **1.999.624** cổ phiếu
Total shares issued: 1.999.624 shares
Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
Share type: common shares
Mệnh giá: 10.000đồng
Face value: VND 10,000
Nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng: Lợi nhuận sau thuế năm 2010
Resources of bonus shares' issuance: After-tax profit in 2010.

Trong đó,

Including:

- Thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban điều hành, CBCNV, các cá nhân là 1.500.000 Cổ phiếu do có thành tích xuất sắc trong năm 2010 (theo danh sách do HĐQT thông qua).

1,500,000 shares to reward members of the Board of Management, the Executive Board, staff and employees, individuals with outstanding performance in 2010 (names on the list approved by the Board of Management).

- Trích tặng cho các Quỹ Ita - Vì Tương Lai để tặng học bổng cho giải thưởng Hoa Trang Nguyên: 200.000 Cổ phiếu.

200,000 shares to donate to ITA Foundation-For the Future providing scholarships for Hoa Trang Nguyen Prize.

- Trích tặng cho Đại học Tân Tạo 299.624 Cổ phiếu của Chủ tịch HĐQT được thưởng, nhưng đã không nhận và quyết định tặng cho Đại học Tân Tạo để lập quỹ Học bổng cho học sinh, sinh viên cả nước.

299.624 shares, including the bonus shares rewarded and non-accepted by Chairwoman of the Board of Management, to donate to Tan Tao University to establish a scholarship fund for students across the country

- 1.6.2- Điều kiện ràng buộc: Các Cá nhân, tổ chức được thụ hưởng cổ phiếu thưởng phải cam kết nắm giữ đến 01/01/2014. Trong trường hợp: Các cá nhân tự nghỉ việc, buộc thôi việc, những Cá nhân không có mặt trên bảng lương của Tập đoàn Tân Tạo cho đến ngày 01/01/2014 thì coi như sẽ mất hoàn toàn quyền thụ hưởng các cổ phiếu thưởng này. Toàn bộ cổ phiếu thưởng đến thời điểm các Cá nhân rời khỏi công ty sẽ được hoàn trả lại và đưa vào cổ phiếu quỹ của Công ty.

Binding conditions: Individuals, organizations receiving bonus shares shall commit to hold these bonus shares until January 01, 2014. In case the individual(s) resigns, has contract of employment terminated or is not on the Company's payroll as of January 01, 2014, such individual(s) will completely lose the right to benefit from those bonus shares and dividend bonus shares originating from those shares. The entire bonus shares by the time the individual(s) leaves the Company shall be returned and will be put into the Company's treasury stock.

- 1.6.3- Niêm yết bổ sung: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc cần thiết để niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thưởng trong đợt này sau khi hoàn tất việc phát hành.

Additional listing: The Shareholder Meeting authorizes the Board of Management to carry out necessary formalities to list the entire complement bonus shares of this phase after completing the issuance.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

ĐIỀU 2. THÔNG NHẤT BẦU BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN LÀ ÔNG NGUYỄN VĂN TÀU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY THẾ CÁC THÀNH VIÊN ĐÃ TỪ NHIỆM VÀ PHÊ CHUẨN DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

Article 2 APPROVAL OF THE ELECTION OF 01 COMPLEMENTARY MEMBER, MR. NGUYEN VAN TAU, TO THE BOARD OF MANAGEMENT TO REPLACE THE RESIGNED MEMBER AND RATIFICATION OF THE LIST OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT AS FOLLOWS:

TT NO.	Họ và Tên Fullname	Chức vụ trong ITACO Position in ITACO
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến <i>Ms. Dang Thi Hoang Yen</i>	Chủ tịch -Đại diện phần vốn góp của Công ty Tân Đông Phương. <i>Chairwoman –Representative of contribution capital of Tan Dong Phuong Corporation</i>
2	Ông Nguyễn Thanh Phong <i>Mr. NguyenThanh Phong</i>	Thành viên - Đại diện phần vốn góp của Công ty Phương Nam. <i>Member of the Management Board – Representative of contribution capital of Southern Corporation.</i>
3	Ông Nguyễn Tuấn Minh <i>Mr. Nguyen Tuan Minh</i>	Ủy viên <i>Member of the Board of Management</i>
4	Ông Nguyễn Văn Tàu <i>Mr. Nguyen Van Tau</i>	Ủy viên <i>Member of the Board of Management</i>
5	Ông Đặng Quang Hạnh <i>Mr. Dang Quang Hanh</i>	Thành viên độc lập <i>Independent member</i>

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholder Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

ĐIỀU 3. THỐNG NHẤT BẦU BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN LÀ ÔNG ĐÌNH VĂN TÂM VÀO BAN KIỂM SOÁT THAY THẾ CÁC THÀNH VIÊN ĐÃ TỪ NHIỆM VÀ PHÊ CHUẨN DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

Article 3 APPROVAL OF 01 COMPLEMENTARY MEMBER MR. DINH VAN TAM TO REPLACE THE RESIGNED MEMBER AND RATIFICATION OF THE LIST OF MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD AS FOLLOWS:V

TT No.	Họ và Tên Full name	Chức vụ trong ITACO Position in ITACO
1.	Ông Nguyễn Trọng Dũng Mr. Nguyen Trong Dung	Trưởng ban kiểm soát Chairman of the Supervisory Board
2.	Bà Lê Thị Phương Chi Ms. Le Thi Phuong Chi	Ủy viên độc lập Ban Kiểm soát Independent member of the Supervisory Board
3.	Ông Đình Văn Tâm Mr. Dinh Van Tam	Ủy viên Ban Kiểm soát Member of the Supervisory Board

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

ĐIỀU 4. THỐNG NHẤT GIA HẠN KẾ HOẠCH NIÊM YẾT RA NƯỚC NGOÀI ĐÃ THÔNG QUA TRONG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2009.

Article 4 APPROVAL OF EXTENSION OF LISTING PLAN ON FOREIGN STOCK EXCHANGE APPROVED IN THE GENERAL SHAREHOLDERS MEETING 2009

Gia hạn và Ủy quyền hoàn toàn cho Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/05/2008 về việc niêm yết ra nước ngoài khi thời điểm thị trường Tài chính thế giới hồi phục và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Extending and fully authorizing the Board of Management to continue the implementation of the General Shareholders Meeting Resolution approved on May 02, 2008 of listing on foreign stock exchange when the global financial market recovers and in accordance with the decision of the Board of Management.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

ĐIỀU 5. THỐNG NHẤT CHỦ TRƯỞNG CỤ THỂ HÓA KẾ HOẠCH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO TRONG NĂM 2011 NHƯ SAU:

Article 5 APPROVAL OF MATERIALIZATION OF PLAN OF TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION IN 2011 AS FOLLOWS:

5.1- Kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2011:

Profit distribution plan in 2011

- 5.1.1- Giao kế hoạch năm 2011: Doanh thu: 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 685 tỷ đồng và được chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng là 50% bằng cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Công ty.

To entrust the 2011 plan to attain the revenue of VND 3,000 billion, net profit of VND 685 billion and payment of stock dividend and bonus shares of 50% in share to supplement working capital for operation of the Company.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

- 5.1.2- Nếu Doanh thu đạt 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 685 tỷ đồng, sẽ trích thưởng bằng cổ phiếu cho thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, cán bộ công nhân viên, các đơn vị, tổ chức, cá nhân, các cổ đông có đóng góp tích cực vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ trích thưởng này không vượt quá 5% lợi nhuận thuần và phải đảm bảo chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông ít nhất bằng 50%/vốn điều lệ.

If The Company attains the revenue of VND 3,000 billion, net profit of VND 685 billion members of the Management Board, the Executive Board, the managerial staff, employees, individuals having actively contributed to the Company's business activities will be rewarded with bonus shares. The bonus percentage will not exceed 5% of the net profit and the payment of stock dividend and bonus shares of at least 50% of the chartered capital must be assured.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

- 5.1.3- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phát hành 10.000.000 cổ phiếu ưu đãi bằng mệnh giá cho các Cá nhân, tổ chức, CBCNV cổ đông góp tích cực vào sự nghiệp phát triển Tập đoàn cũng như để thu hút nhân tài về phục vụ cho Tập đoàn. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm, đối tượng, chính sách, phương án và thực hiện các công việc cần thiết để xin phát hành và thực hiện đăng ký Niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành ưu đãi này trên Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh.

The Shareholders Meeting authorize the Management Board to issue 10,000,000 preferred shares at the par value to individuals, organizations, staff and employees who have actively contributed to the development of the Group, as well as to the recruitment of talented people to the Group. The Shareholders Meeting authorize the Board of Management to appropriately chose the time, partners, policies, plans and to fulfill all necessary formalities to obtain the authorization to issue and to list the entire supplement preferred shares on the HCM City Stock Exchange.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

5.1.4- Ủy quyền cho HĐQT cân nhắc quyết định vốn để tiếp tục đầu tư các Dự án mà Tập đoàn đang triển khai và đã được ĐHĐCĐ thông qua trong ĐHĐCĐ năm 2010.

To authorize the Board of Management to consider carefully about the capital to continue the investment on projects underway by the Group and approved by the General Shareholders Meeting at the 2009 General Shareholders Meeting.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

5.1.5- Gia hạn thực hiện góp vốn điều lệ 300 tỷ đồng để đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Thành phố Khoa học, công nghệ cao & đô thị Tân Tạo - Hanel có diện tích khoảng 200ha tại Hà Nội.

To extend a capital contribution of VND 300 billion to pay the land compensation and clearance and construction of Tan Tao-Hanel Sciences, Technology & City project on approximately 200ha in Hanoi.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

5.1.6- Gia hạn tiếp tục thực hiện góp vốn điều lệ 200 tỷ đồng để xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng cho dự án Nhà máy Xi măng Tân Tạo tại Hà Nam.

To extend a capital contribution of VND 200 billion for construction of technical infrastructure and layout area for Tan Tao Cement Plant project in Ha Nam Province.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

- 5.1.7- Gia hạn tiếp tục thực hiện Góp vốn điều lệ 240 tỷ đồng để đền bù giải tỏa cho dự án KCN ITAHAN.

To extend a capital contribution of VND 240 billion to pay land compensation and clearance for ITAHAN Industrial Park.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

- 5.1.8- Gia hạn tiếp tục thực hiện Góp vốn 250 tỷ đồng để xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mặt bằng cho Nhà máy nước Long An công suất 100.000m³/ngày.

To extend a capital contribution of VND 250 billion for the infrastructure construction of Long An Water Plant with a production capacity of 100,000m³/day.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

ĐIỀU 6. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CƠ BẢN:

Article 6: BASIC CONSTRUCTION PLAN

- 6.1- Hoàn thành 4 Block Chung cư Tân Đức Plaza 2,3,4,5 để đưa vào kinh doanh trong Quý 3 và Quý 4 năm 2011.

Completion of construction of Tan Duc Plaza's Apartment Block 2, 3, 4, 5 to put in business operation in the third and fourth quarters of 2011.

- 6.2- Tiếp tục xây dựng Kiên Lương Plaza 12 tầng và Tân Đức 4,5,6 - 12 tầng để đảm bảo Quý 4/2011 hoàn thành đưa vào khai thác.

Continuing construction of twelve-storey Kien Luong Plaza and Tan Duc Plaza of 4th, 5th, 6th, -12th floors to ensure their completion and be operational in the fourth quarter of 2011.

- 6.3- Tiếp tục Hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn 2 để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước sau thời gian khủng hoảng.

Continuing completion of infrastructure construction of Tan Duc Industrial Park in phase 2 to attract foreign and domestic investors after the crisis period.

- 6.4- Triển khai xây dựng hàng loạt và tập trung bán các biệt thự tại khu biệt thự Ecity Tân Đức: Tài lộc, Hạnh phúc theo Hợp đồng đã ký với Saville.

Construction of model villas in Tan Duc Ecity villa area: Fortune, Happiness pursuant to the Agreement signed with Saville.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

ĐIỀU 7. ĐIỀU 7. ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU TRÊN NHU CẦU VỐN CẦN HUY ĐỘNG THÊM CHO NĂM 2011 KHOẢNG 2.000 TỶ ĐỒNG. ĐHĐCĐ THỐNG NHẤT HUY ĐỘNG VỐN BẰNG CÁCH:

Article 7 *IN ORDER TO ACCOMPLISH THE ABOVE CITED GOALS, IT WILL REQUIRE THE MOBILIZATION OF ADDITIONAL CAPITAL OF VND 2,000 BILLION FOR 2011. THE GENERAL SHAREHOLDERS MEETING HAVE RATIFIED THE CAPITAL MOBILIZATION PLAN AS FOLLOWS:*

7.1 Cho phép Hội đồng quản trị được quyết định giữ lại một phần hoặc hoàn toàn lợi nhuận của năm 2010 để bổ sung nguồn vốn lưu động và nâng vốn điều lệ bằng cách chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2010 bằng cổ phiếu.

The Board of Management is allowed to retain part or in whole profits of 2010 to supplement the working capital and to raise the Company's chartered capital by paying 2010 dividends in shares and in bonus shares.

7.2 Ủy quyền hoàn toàn cho Hội đồng quản trị tiếp tục gia hạn thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ Đại hội tổ chức ngày 02/05/2008. Đồng thời ủy quyền cho HĐQT được phép phát hành trái phiếu, không vượt quá 450 triệu USD tương đương bằng tiền đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ USD với các điều kiện, đối tượng, chính sách, phương án phát hành... tùy theo quyết định của HĐQT để đầu tư xây dựng các dự án theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ đã thông qua từ năm 2009 đang thực hiện dở dang và các dự án nêu trên và các dự án khác theo sự quyết định của Hội đồng quản trị để đảm bảo tận dụng được cơ hội phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

To fully authorize the Board of Management to prolong the implementation of the Resolutions approved by the General Shareholders Meeting on May 2, 2008. At the same time, to authorize the Board of Management to issue bonds, worth no more than USD 450 million equivalent in VND or USD with conditions, subjects, policies, issuance methods...in accordance with the Decision of the Board of Management for investment and construction of the ongoing projects in accordance with the Resolution of the General Shareholders Meeting 2009 and the above mentioned projects and other projects according to the decision of the Board of Management to ensure to take advantage of development opportunities and to expand business operations of the Company.

Điều 8. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của Ủy ban Chứng khoán cũng như các cơ quan chức năng khác trong và ngoài nước để thực hiện thành công các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

To authorize the Chairman of the Board of Management to fulfill all necessary legal formalities to comply with all decisions and regulations of the State Securities Commission and also of other domestic and foreign administrative authorities in order to successfully implement the Shareholders Meeting resolutions.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

Điều 9. Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị lựa chọn công ty kiểm toán trong nước và/hoặc Công ty kiểm toán Quốc tế có uy tín trong danh sách đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán cho các công ty niêm yết tiến hành kiểm toán năm 2011 cho công ty.

To authorize the Board of Management to choose a domestic and/or prestigious international Audit Company in the list of approved companies which are qualified to audit listed companies by the State Securities Committee to audit the Company's accounting of 2011.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ...cổ phiếu, tương đương với ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence to% of shares with voting rights at the General Meeting.

Nơi nhận:

- Các cổ đông - Công bố trên Website;
Shareholders – *Announcement on website;*
- Các thành viên HĐQT;
Members of the Management Board;
- Các thành viên BGD;
Members of the Board of Directors;
- Lưu HC- TH.
Archived in the office.

Tp.HCM, ngày tháng năm 2011
Ho Chi Minh city, date month 2011

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE MANAGEMENT BOARD
CHỦ TỊCH
CHAIRWOMAN
ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
RESUME



1. Về bản thân

Personal information

- Họ và tên khai sinh: NGUYỄN VĂN TÀU
Full name on birth record:
- Họ và tên thường gọi: NGUYỄN VĂN TÀU
Usual full name
- Bí danh: không
Alias: None
- Ngày tháng năm sinh: 23.03.1973
Date of birth: March 23, 1973
- Nơi sinh: Hưng Yên, Việt Nam
Place of birth: Hung Yen province, Vietnam
- Quốc tịch: Việt Nam
Nationality: Vietnamese
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu : 14 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Permanent address: 14 Trang Tien Street, Hoan Kiem District, Hanoi.
- Địa chỉ thường trú hiện nay: Phòng 604 E3, Khu Đô thị Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Current address: Room 604 E3, Yen Hoa Urban Zone, Cau Giay District, Hanoi.
- Số chứng minh thư nhân dân: 012505029 , nơi cấp: , ngày cấp:
ID No.: place of issue , date of issue

2. Trình độ học vấn

Education

Thời gian Time	Trường đào tạo University/Institute	Tên khoá học Discipline	Tên bằng cấp Degree
1990-1995	Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội Hanoi University of Transport and Communications	Kinh tế giao thông Economics in Transport	Kỹ sư kinh tế Bachelor in Economic Engineering
1991-1995	Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội Hanoi University of Pedagogy	Tiếng Anh English studies	Cử nhân Anh văn Bachelor in English studies
1997-2000	Đại học Khoa học Xã hội Nhân Văn Hanoi University of Social Sciences and Humanities	Luật Law	Cử nhân Luật Bachelor in Laws
2000-2002	Viện Xã hội học Hà Lan – ĐH Kinh tế Quốc dân Netherland Institute of Social Studies –National Economics University	Kinh tế phát triển Development Economics	Thạc sĩ kinh tế phát triển Master in Development Economics
2006-2008	Đại học Herriot-Watt, Đại học Tổng hợp Milan, Đại học Umea Herriot-Watt University, Milan University, Umea University	Quản lý dự án chiến lược Strategic Project Management	Thạc sĩ quản lý dự án chiến lược, thạc sĩ quản lý Master in Strategic Project Managemetn

3. Quá trình công tác

Work experience

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua
Working periods, profession and positions

Thời gian Time	Nơi làm việc Company/Institution	Chức vụ Position	Chỗ ở Address
1993-1995	Dự án Hỗ trợ giao thông đô thị Hà Nội do SIDA tài trợ Hanoi traffic improvement project funded by SIDA	Cán bộ dự án Project officer	Hà Nội Hanoi
1995-2003	Công ty Tư vấn SENA SENA consultant company	Giám đốc Ban dự án Director of Project Board	Hà Nội Hanoi
2003-2008	Cơ quan hợp tác Phát triển Đức German Technical Corporation Organization (GTZ)	Giám đốc dự án Project Director	Hà Nội và Châu Âu Hanoi and European
2009-nay 2009 to present	Tập đoàn Tân Tạo Tan Tao Group	Giám đốc Ban Đầu tư Phát triển Director of Research and Development Division – Chief of Tan Tao Group 's Representative Office in Hanoi	Hà Nội Hanoi

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

WORKING POLICY ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS MEETING 2011

Điều 1: Những quy định chung

Article 1: General regulations:

- 1.1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của công ty CP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo.
The working policy of the General Shareholders Meeting applies to the organization of the General Shareholders Meeting 2011 of Tan Tao Investment and Industrial Corporation.
- 1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
This policy specifies the rights and obligations of the parties to participate in the Meeting, the conditions and the format of conducting the Meeting.
- 1.3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.
The shareholder and participants shall have the responsibility of complying with the regulations in this policy.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch

Article 2: Rights and obligations of the Presidium

- 1.1. Đoàn chủ tịch gồm 05 người là thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội cổ đông.
The presidium consists of 05 persons including members of The Board of Management and the Board of Directors. The Chairperson of The Board of Management will act as the chairperson for the General Shareholders Meeting.
- 1.2. **Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:**
Duties of the presidium:
 - Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011
Chair the General Shareholders Meeting 2011
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
Conduct the meeting as well as a discussion session with delegates
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.
Submit the draft and finalize necessary issues for the General Shareholders Meeting to vote
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
Answer the issues raised by the attendees at the Meeting
 - Làm việc theo nguyên tắc tập thể tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện

cổ đông tham dự.

Work in accordance with the principles of democratic concentrated majority; conduct the General Shareholders Meeting properly, in order to reflect the wishes of the majority of shareholders and shareholders' representatives.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

Article 3: Rights and obligations of the Secretary

- 1.1. Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
The secretary will be delegated by the Presidium, holding responsibilities before the Presidium and the General Shareholders Meeting for his/her duties.
- 1.2. Nhiệm vụ của Thư ký:
Duties of the Secretary:
- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung Đại hội.
Take the minutes of the General Shareholders Meeting in a complete and accurate manner
 - Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu
Support the Presidium in announcing the draft for all documents, conclusions, Resolutions of the Meeting and the notices of the Presidium to the shareholders upon request
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.
Receive the registration sheets from the shareholders to complete a speech

Điều 4: Quyền nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Article 4: Rights and obligations of the Vote Counting Committee

Ban Kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cổ đông. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

The Vote Counting Committee will be designated by Presidium and approved by the General Shareholders Meeting. The membership of the Vote Counting Committee can be from the shareholders. Duties of the Vote Counting Committee are as follows:

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
Monitor and supervise the vote election of the shareholders and the shareholders' representative
- Tổ chức kiểm phiếu.
Count the votes
- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông.
Provide a report of the votes and announce the results at the General Shareholders Meeting
- Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.
Provide the report and the total number of votes to the Chairperson of the Meeting

Điều 5: Quyền nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách

Article 5: Rights and obligations of the Committee of Shareholder Status Verification

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

The Committee of Shareholder Status Verification is recommended by the Board of Management and approved by the Shareholders Meeting. The Committee of Shareholder Status Verification receives the Meeting Registration Form from the shareholders, distribute the documents including the cast ballots, and report before the meeting about the result of the shareholders status verification

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

Article 6: Rights and obligations for the shareholders

6.1. Điều kiện tham dự
Participating condition:

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 15/03/2011) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên.

The shareholder is the legal representative, nominated entity/s or shareholder's representative, a group of the shareholders possessing the voting shares of the Company, as of the closing date of the list of shareholders (March 15, 2011), will be entitled to the right to participate in the Annual General Shareholders Meeting.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội
Rights and obligations of the shareholders qualified for the Meeting:

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu ..) và Thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một thẻ biểu quyết (ghi mã số cổ đông) có ghi tổng cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.
The shareholder is the legal representative, nominated entity/s or shareholder's representative, a group of the shareholders possessing the voting shares of the Company, as of the closing date of the list of shareholders (March 15, 2011), will be entitled to the right to participate in the Annual General Shareholders Meeting.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông khi ra ngoài hội trường phải xin phép sự đồng ý của Đoàn chủ tịch và thông báo cho Ban thư ký.
During the Shareholders Meeting, any shareholder who chooses to leave the hall has to acquire permission from the Presidium and note such action to the Board of Secretary.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

The person authorized to attend the General Shareholders Meeting shall not be permitted to authorize any other person/s to participate.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

During the General Shareholders' Meeting, the shareholders have to follow the presidium's instructions with respect and polite manner.

- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn chủ tịch cho phép.

Shareholders shall keep confidential all information shared in the meeting, in compliance with the Policy of Documents Control. Any duplication of information or record of any information, delivered to any person or entity not invited or involved in the meeting of the General Shareholders Meeting, is prohibited unless accepted and approved by the presidium.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 103, Luật doanh nghiệp.

Shareholders and authorized representatives participating in the Meeting have to observe and strictly adhere to the working policy of the General Shareholders Meeting. Any shareholder who is found in breach of the policy will be considered and treated by the presidium according to point b, section 7 of article 103, the Law on Enterprise.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Shareholder late for the Meeting shall maintain the right to register and vote during the Meeting, but the presidium has no responsibility to suspend the Meeting for such registration and the validity of any voting will not be thereafter affected.

Điều 7: Tiến hành đại hội

Article 7: Conduct of Meeting

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2011

The General Shareholders Meeting shall take place granted that the total shareholders able to attend, hold at least 65% of the total shares with voting right in accordance with the closing list of shareholders dated March 15, 2011.

Điều 8: Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Article 8: Rights to speak in the meeting

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch (qua Thư ký Đại hội đồng), khi phát biểu hoặc tranh luận thì giữ trật tự, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn tránh trùng lặp.

The shareholder has to register to speak with the Presidium (through the Secretary of the General Meeting). Any shareholder who wants to speak or participate in any discussion is required to raise her/his hand. Such action is to acquire acceptance of the Presidium. In no event shall the shareholder speak more than 03 minutes. Comments therefore, must be brief and unrepeatable.

Điều 9: Thẻ lệ biểu quyết

Article 9: Voting rules

- 9.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng cách giơ thẻ .
Shareholder and/or any authorized representative, votes on the issues in the Meeting by utilizing the voting sheet and agree on each agenda by raising the card.
- 9.2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
Shareholders and/or representatives of any group of shareholders, who have the right to participate in the General Shareholders' Meeting, have the right to vote on any issue presented in the General Shareholders' Meeting, with respect to the possessed shares and the authorized shares.
- 9.3. Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:
The issues voted in the Meeting will be approved at the event:
- Thông qua điều lệ công ty: Đạt tỷ lệ ít nhất 75% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
As for the charter of the company: it requires at least 75% of the total shares with voting right of all shareholders to approve
 - Thông qua các vấn đề khác: Đạt tỷ lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
As for other issues: it requires at least 65% of the total shares with voting right of all shareholders to approve

Điều 10: Biên bản Đại hội cổ đông

Article 10: Meeting Minutes of the General Shareholders Meeting

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội cổ đông. Biên bản Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Notwithstanding any article, all contents at the General Shareholders Meeting shall be taken by the Secretary of the Meeting in the minutes. The meeting minutes of the Shareholders Meeting will be read and approved before closing of the meeting.

Điều 11: Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

Article 11: In the event of failure of the General Shareholders Meeting

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất.

In the event the first Meeting could not convene according to the regulations of article 7 of this Policy, a second Meeting must be conducted within no later than 30 days from the date of the first meeting.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do Điều lệ Công ty Cổ phần quy định.

The second General Shareholders Meeting will be conducted when the number of the shareholders and shareholder's representatives is at least 51% of the total shares with voting right specified by the charter of a joint stock company.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành.

In the event the second Meeting fails to convene in accordance with above mentioned article in this policy, the third Meeting will be called on within the period of 20 days as of the proposed date of the second Meeting.

Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông tới dự họp.

In such event, the General Shareholders Meeting will be conducted regardless of the number of the shareholders to attend.

Điều 12: Điều khoản thi hành

Article 12: Implementation of policy

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Công nghiệp Tân Tạo năm 2011, với 12 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

The above is the working policy of 2011 General Shareholders Meeting of Tan Tao Investment & Industry Corporation, including 12 articles. This policy shall be effective right upon receiving the approval of the General Shareholders Meeting.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các qui định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Công ty.

This is to submit to the General Shareholders Meeting for consideration and approval in order to conduct the Shareholders Meeting successfully and in compliance with legal regulations of State and the Charter of the company.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF MANAGEMENT
CHAIRWOMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT**



ĐẶNG THỊ HÒANG YẾN

THÀNH PHỐ TRI THỨC E.CITY TÂN ĐỨC E.CITY





Developer of Choice

The Tan Tao Group is Vietnam's "Developer of Choice" for Industrial parks and related infrastructure. Since 1996, we have offered clients the convenience of one-stop-shop services, starting with site selection and construction and continuing through operation and maintenance. Our in-depth knowledge of the Vietnamese market and high quality of services make us your first choice partner.

YOUR SUCCESS IS OUR SUCCESS



Lô 16, Đường 02, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

ĐT: (84) 37 505 171/2/3/4 – 37 508 235/6

Fax: (84.8) 37 508 237

E-mail: contact@itagroup-vn.com

Website: www.itaexpress.com.vn - www.tantaocity.com - www.itaecity.com
